



G I A I P H Ầ M



văn chương trong thời bình

phỏng vấn các nhà văn

THANH TÂM TUYỀN, VIÊN LINH
BÌNH NGUYỄN LỘC, HOÀNG NGỌC
TUẦN, TRÙNG DƯƠNG, DU TỬ LÊ



Chủ biên NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

Thư từ bản thảo NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Giao thiệp ĐÀM GIA TUẤN

văn chương trong thời bình

Thanh Tâm Tuyền — Trùng Dương — Viên Linh — Hoàng Ngọc Tuấn — Bình Nguyên Lộc — Du Tử Lê	1	Văn chương trong thời bình
Gabriel Garcia Marquez	8	Ngừng chiến
Bửu Ý	17	Cộc lữ
Thi Vũ	33	Nhật ký xuyên sa mạc tuyết Bắc Mỹ Châu
Du Tử Lê	41	Đời tôi
Vũ Hữu Định	56	Thiên nhiên và con người
Trần Hoài Thư	58	Xuống núi
Đặng Hùng Quân	68	Tiếng nói
Nguyễn Mai	75	Trên đường đi
□□□	92	Sinh hoạt văn nghệ

Bìa : tranh của Nguyễn Trung

Chi phiếu, bưu phiếu đề tên ông Nguyễn-Đình Vượng.

Quản lý : cô Nguyễn thị Tuấn. In tại nhà in riêng của Văn, 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Điện thoại 23.595.

Giấy phép số 193/PTUDV/PHBCNT/KSALP/GP, ngày 16-3-1975.

THANH TÂM TUYỀN • VIÊN LINH
BÌNH NGUYÊN LỘC • TRÙNG DƯƠNG
HOÀNG NGỌC TUẤN • DU TỬ LÊ

Văn Chương Trong Thời Bình

1.— Hòa bình đã tới, ông lượng đoán văn chương miền Nam sẽ có những thay đổi như thế nào so với nền văn chương hiện nay ?

2.— Ông có dự định cho một sáng tác mới nào, trong đó sẽ đưa vào tác phẩm của mình bầu không khí mới mẻ khi hay tin ngưng bắn ? Văn hân hạnh được đăng tải sáng tác đó của ông trong một giai phẩm đặc biệt mà chúng tôi đang sửa soạn thực hiện.

Trùng Dương

*Chắc chắn là nền văn chương miền Nam
sẽ thoát khỏi không khí trì trệ hiện tại*

1.— Trước hết, một cách tổng quát và trên nguyên tắc, chắc chắn nền văn chương miền Nam sẽ có cơ hội thoát ra khỏi không khí nặng nề, trì trệ hiện tại một khi hòa bình tới nhờ ở lòng người cởi mở hơn, bớt bi quan hơn v.v... Tuy nhiên, chi tiết và thực tế thì chưa chắc điều trên đã xảy ra vì hai lý do. Thứ nhất là lý do thuần túy văn chương : sẽ có nhiều tác phẩm

nói về cuộc chiến ra đời và chỉ đến lúc đó những kinh nghiệm mà các tác giả đã trải qua trong Hồi Chiến mới thật sự «ngấm». Thứ hai là lý do chính trị: tự dối cách mấy chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng nền «hòa bình» mà chúng ta đang có thực sự lại chỉ là cái mà một tờ báo ngoại quốc kêu bằng «Postwar war», một thứ «cuộc chiến hậu chiến». Riêng danh từ quái dị này, cũng có thể là một đề tài cho một tác phẩm lớn sau này...

2.—Dù sao đứng trước một sự thay đổi cứ tạm coi như vậy — mình vẫn bắt gặp những xôn xao, nhất là đối với một người đã từ lâu ngưng mọi hoạt động sáng tác như tôi. Thực ra, cách đây hai năm, nhân lúc suy nghĩ về những biến hóa của lịch sử, tôi đã nghĩ đến lúc mà trận chiến 18 năm này sẽ chấm dứt cho người Việt khởi đầu một cuộc dựng xây và tôi đã dựng sườn cho một cuốn truyện dài mang tựa đề «Thị Trấn Ngày Mai». Tôi đã nghĩ tới việc gói ghém thật nhiều những ý nghĩ của tôi về cuộc đời, về con người trong Thị Trấn Ngày Mai. Thành thực, tôi không nghĩ đây là một tác phẩm quan trọng của tôi ngày nào nó hết còn là cái mình nuôi dưỡng trong tâm trí kiểu «tình-chí-đẹp-khi-còn-dang-dở» mà đang dần được thực hiện trên giấy trắng mực đen... Chỉ biết rằng tôi cảm thấy tâm hồn mình đạt dào khi nghĩ tới đề tài của Thị Trấn Ngày Mai. Tôi cũng cần nói thêm là chữ Thị Trấn Ngày Mai đầu đề của truyện dài của tôi (hiện đã khởi đầu thên tờ Sóng Thần mà tôi đang cộng tác) được lấy ra từ truyện «Chùa Đàn» của Nguyễn Tuân...

Bình Nguyên Lộc

*Nền kinh tế hậu chiến sẽ làm
thay đổi bộ mặt văn chương.*

1.— Nếu quả sẽ có hòa bình, không chắc nền văn chương ở đây sẽ thay đổi ngay đâu vì cái lẽ cuộc chiến này quá đặt biệt, quá kéo dài, con người đã quá quen với khói lửa thì hòa bình sẽ không gây ra một biến cố có tánh cách cắt đứt chuyện trước và chuyện sau. Khi vắng bóng một biến chuyển lớn thì sự thay đổi

sẽ ít xảy ra. Nhưng nền kinh tế hậu chiến sẽ có khả năng làm thay đổi bộ mặt của văn chương. Tuy nhiên không thể đoán được văn trào mới sẽ ra sao, khi ta chưa biết được nền kinh tế ấy nó như thế nào.

Nhưng ta có thể đoán được những tác phẩm nào sẽ ra đời, bằng vào những gì xảy ra ở Âu Châu sau 1945 : Đó là những hồi ký của quân nhân, của chánh khách, những điều tra phóng sự về các cuộc hành quân, những bề trái của ngoại giao, của điệp vận, tóm lại những điều mà người dân rất muốn biết nhưng chưa được biết, vì nhiều lẽ :

a) Các vai chính chưa rảnh tay được trước đây để mà viết.

b) Việc kiểm duyệt trong thời chiến-dầu sao cũng gắt gao hơn trong thời hòa bình và có những điều bị liệt vào bí mật quốc phòng không được phép nói ra giữa thời chiến.

c) Những tác phẩm về chiến tranh do *văn nhơn* mà không phải là *quân nhơn* viết bằng cách lấy tài liệu nơi những quân nhơn không biết viết lách, cũng phải đợi thời hậu chiến mới làm được vì nhơn chứng phục vụ rải rác trong nhiều chiến trường không thể gặp họ để hỏi han cái gì.

d) Chuyện tù binh ta kể lại cũng rất hay, nhưng cứ phải đợi chiến tranh kết thúc rồi mới có loại chuyện ấy được.

Sau 1945, loại chuyện đó ngự trị trên văn đàn Âu Châu suốt năm, sáu năm. Ở xứ ta có lẽ cũng sẽ như thế. Nhưng trên đây chỉ là lượng đoán chủ quan của chúng tôi, vì những gì xảy ra ở Âu Châu không bắt buộc phải xảy ra ở đây,

2.— Tôi rất muốn viết một quyển sách loại ấy cho một binh chủng ít được các nhà văn nói đến chút, đó là Hải Quân, nhưng có thể rồi không có gì hết bởi tôi đang bận nhiều việc, mà quyển sách nói trên thì có nhiều người viết được, nên nguyên động lực nơi tôi hóa yếu đi, tôi sẽ có khuynh hướng bỏ trôi, đành hân hạnh đó lại cho người khác. Từ nhiều năm nay tôi soạn một quyển sách rất mỏng mà tôi thích sách xong vào năm nay, chẳng dính lứu gì đến chiến tranh hay hòa bình, nhưng ở xứ ta chưa ai làm, nên tôi thấy là cần thiết phải làm. Đó là quyển *Tự điển ngữ nguyên Việt Nam*. Ta có vài trăm danh động từ, không phải do lỗi lầm ta sáng tác từ lâu đời, thí dụ như *Guốc* chẳng hạn, nhưng do đầu mà những danh từ đó thành binh thì giới dạy học và giới làm tự điển lớn rất muốn biết. Tôi đã góp phần để làm

cái công việc bị bỏ quên, hoặc chưa được ai làm vì thiếu phương tiện làm ấy. Sách sẽ không được chú ý, như tôi tiên đoán về tình hình sách, nhưng tôi cứ quyết làm cho xong vì tôi thấy sách sẽ giúp ích thiết thực cho cả hai miền chờ không riêng gì cho V.N.C.H.. Đó là công việc tầm tối, không giật gân như một tác phẩm đang được đa số quần chúng chờ đợi, nhưng nó có giá trị lâu dài, vì sách rất khó làm, tìm ngữ nguyên cho độc một danh từ đôi khi mất đến sáu tháng.

Viên Linh

Miền Nam chưa có một tờ tuần báo Văn Học Nghệ Thuật

1.— Căn cứ như câu hỏi, quý báo đã xác định có hai nền Văn Chương. Một nền Văn Chương Hiện Tại (có lẽ là nền Văn Chương Trước Ngưng Bắn ?) Và một nền Văn Chương Sau Ngưng Bắn. Cứ giả dụ là Hòa Bình đã tới, tôi sẽ cảm thấy gì ?

Trước hết, có phải là một cảm tưởng yên ổn ; hay sự bất an vẫn chưa bao giờ được xóa tan ? Nhưng cứ giả dụ là ta hoàn toàn thanh thản, xao xuyến lo âu đã lắng xuống, và bất cứ lúc nào ta cũng có thể là một kẻ lãng du đắm mình trong thiên nhiên cao rộng hiền hòa, ở một xóm rừng tĩnh mịch nào đó trong dãy Trường Sơn ; trên một con kinh êm ả nào đó vùng Đồng Tháp Mười ; nghe ngao một khúc hát trong men rượu ; chong đèn kiểm bạn trên đường khuya ; ba giờ đêm ngồi trong toa ỉn của chuyến xe lửa từ Sài Gòn đi Huế..., anh sẽ cảm thấy gì ? Và súng M. 16 đạn B. 40 trở thành đồ trang sức treo trên vách nhà như cây cung, lưỡi dao một thời xưa ? Nếu thế, hẳn tôi sẽ làm những bài thơ mùi mẫn hân hoan, cảm như chàng Xuân Diệu, hay suốt mướt tinh sâu, cảm như chàng Nguyễn Bính, dĩ nhiên là với kỹ thuật bây giờ và với tâm thức của một gã thanh niên già, thời ngưng bắn.

Cứ kiểu đó suy ra, anh sẽ thấy sự thay đổi.

Tuy nhiên, tôi tưởng sẽ có những thay đổi nghiêm trọng.

Những thay đổi này sẽ tùy thuộc vào ảnh hưởng của Hiệp Định 28-1, về Chấm Dứt Chiến Tranh và Tái Lập Hòa Bình.

2.— Về phần sáng tác, tôi chưa nghĩ tới. Tôi nghĩ tới một điều khác: Miền Nam hiện nay chưa có lấy một tờ Tuần Báo Văn Học Nghệ Thuật.

Hòa bình tới, có sự hiện diện bằng một cách nào đó của những người làm Văn Nghệ chúng ta chưa từng gặp. Thử tưởng tượng một Miền Nam không có một tờ Tuần Báo Văn Nghệ có thể coi là một diễn đàn nghiêm chỉnh để bày tỏ những phát biểu của người cầm bút? Một tờ Tuần báo Văn Nghệ như thế — với những vấn đề đầy xung đột, những lên tiếng cần thiết, — không thể sống được nếu không có sự hỗ trợ của một đoàn thể, hay của Nhà Nước. Kinh nghiệm làm tờ tuần báo Khởi Hành trước đây cho tôi thấy, không một tư nhân nào chịu bỏ tiền để làm một tờ báo không có lời, và giới làm chỉ thu về đủ vốn, sau khi trang trải cho một tòa soạn vài người.

Thanh Tâm Tuyền

Văn chương lúc nào chẳng thay đổi

1.— Tất nhiên sẽ thay đổi. Văn chương lúc nào chẳng thay đổi. Trái gió trở trời còn thay đổi nữa là. Nhưng thay đổi thế nào thì khó mà ai biết, trừ các tay phê bình sau này.

2.— Dự định? Dự định cũ đã quá nhiều nên chẳng giám có thêm dự định mới. Bầu không khí mới mẻ sẽ đưa vào tác phẩm? Tôi đợi nó bay vào, lên vào. Nếu có. Còn hiện lúc này vẫn chỉ thấy nặng ngộp, lũng bùng quá trời.

Hoàng Ngọc Tuấn

*Dẫu có ngưng bắn hay không tới vẫn,
luôn luôn cố gắng làm mới tác phẩm mình*

1 — Hòa bình dĩ nhiên sẽ đem lại cho tất cả sinh hoạt mọi ngành trong đó có văn chương, được phần thịnh và phát triển phong phú hơn.

Tuy nhiên, một nhà phê bình hay nghiên cứu văn học sẽ có nhiều điều kiện để lượng đoan những thay đổi của nền văn chương miền Nam khi hòa bình hơn tới.

Tôi không lượng đoan. Tôi mong muốn, hy vọng và riêng mình sẽ tự cố gắng thực hiện được hy vọng ấy trong lãnh vực của mình.

Tôi mong muốn được thấy một nền văn chương thực sự hòa bình khi hòa bình trở về trên đất nước. Nền văn chương ấy có một sứ mệnh:

— Tiêu diệt những thành kiến, thù hận, kỳ thị, chia rẽ giữa những người Việt với nhau đã có trong quá khứ.

— Làm cho mọi người thấy rằng chiến tranh, bạo động là đáng ghê tởm. Từ đó, làm nổi bật giá trị cao cả vô song của đời sống con người. Văn chương, cũng như những bộ môn nghệ thuật khác, hãy ngợi ca, làm đẹp hơn nữa những cảnh tượng quê hương thanh bình, sự kỳ diệu của ái tình, sự sâu sắc rộng lớn và ấm áp của tình người. Như thế, những gì trái ngược lại với những điều đó, sẽ được thấy xấu xa hơn, đáng bị tiêu hủy hơn. Nghệ sĩ, là người sẵn sàng đánh đổi tất cả những danh từ rỗng tuếch: chủ nghĩa, chiến thắng, người hùng v.v... để đổi lấy một tiếng cười của trẻ thơ.

Tôi cũng mong muốn đời sống vật chất và tinh thần của người nghệ sĩ VN được tôn trọng hơn. Tất cả những văn nghệ sĩ phải được tự do, đó là điều đầu tiên phải có. Tự do sinh sống, tự do sáng tác, tự do theo đuổi lý tưởng của mình.

2— Một tác phẩm trong tương lai của tôi, chắc chắn sẽ mang một bầu không khí mới. Dù có ngưng bút hay không, tôi vẫn luôn luôn cố gắng làm mới tác phẩm của mình.

Tôi có một ít chứng nghiệm về nỗi đau đơn, khổ cực, lưu lạc của thanh niên trong thời chiến. Tôi hy vọng sẽ viết được một tác phẩm lớn, trong đó, chiến tranh được trình bày như là một quá khứ nhọc nhằn, xấu xa, khó quên trong tâm khảm mọi người. Và vì thế, tất cả mọi người, nhất là những nghệ sĩ, phải ngăn chặn không cho quá khứ ấy tái diễn vì bất cứ lý do nào nữa. Xin quá khứ điều tàn vì vũ khí ấy thực sự trở thành quá khứ mãi mãi.

Tương lai của con người dành cho tình yêu, thái hòa và những điều êm đẹp. Là một nhà văn, tôi là một chiến sĩ trung

kiến muốn đời của cái đẹp. Một chiến sĩ bảo vệ và xây dựng những nụ cười hạnh phúc của con người. Tôi không chiến đấu cho những gì trái ngược với lý tưởng đó.

Tôi viết những dòng này trong tình cảm ngọt ngào, hóng tối và sự kiềm tỏa vô lý đang vây bủa quanh tôi. Cho nên xin đọc giả miễn thứ cho những lời lẽ và cách hành văn không được sáng sủa trau chuốt như thường lệ.

Du Tử Lê

*Tôi mơ một chuyến xe lửa
chạy suốt từ Sài Gòn ra Hà Nội.*

1) Hòa bình hả ? Nhất. Tôi mơ một chuyến xe lửa chạy suốt từ Sài Gòn ra thâu tới Hà Nội. Dù cho là một Hà Nội đồ nát. Nhưng gần gọi hơn cả, tôi thực tình lo ngại cho một số những cây bút hàng đầu tại miền Nam này. Có chăng, một ngày nào đó, khi ông xa, họ sẽ phải trả cái món nợ « văn chương » không hề vay ? Dầu sao thì vẫn ước ao rằng sự thực sẽ chẳng đến nỗi thảm thế.

Nhưng mà kìa, chúng ta đã có hòa bình chưa nhỉ ? Cái này lạ lắm đấy.

2) Tôi mong tình trạng tranh tối tranh sáng này sớm được giải quyết dứt khoát, để có thể tiếp tục viết và sau đó in ra cái truyện dài đã dang dở dang về chiến tranh, đó là cái truyện trường thiên : *Con Mơ Nào Lẻ Loi*. Tôi cũng đã có thời từng làm xuất bản, nên còn mong sẽ in được tất cả những tác phẩm của chúng ta, bị kẹt trong mấy năm qua. Tất nhiên là với điều kiện : Có tiền. Nhắc tới cái khoản này thì lại chẳng còn muốn dự tính gì nữa. Không vui được.

□□□

GABRIEL GARCÍA MÁRQUEZ

Ngừng Chiến

Gabriel García Márquez là một nhà văn Nam Mỹ Châu tên tuổi mới nổi từ những năm 1960 trở lại đây. Truyện dài Cien Años Del Solidad là tác phẩm lớn đầu tay của ông. Được coi là một tuyệt phẩm văn chương của Thế kỷ 20, Cien Años Del Solidad đã đoạt Giải Văn Chương Romulo Galegos, một giải văn chương giá trị của miền Nam Mỹ Châu. Giải này được tổ chức 5 năm một lần, Cien Años Del Solidad được tuyển lựa trong số 165 cuốn truyện xuất sắc nhất của các nhà văn Mỹ Châu và Âu Châu gửi đến dự giải. Giải nhất được trao tặng Nhà Văn Gabriel García Márquez cùng với số bạc mặt là 24.000 Mỹ kim, tương đương hơn 10 triệu bạc VN. Đồng thời Cien Años Del Solidad cũng được John Richardson, nhà phê bình văn nghệ uy tín của tờ New York Herald Tribune chọn là Một trong Hai Mươi cuốn tiểu thuyết tiêu biểu cho nhân loại trong Thế kỷ 20.

Cien Años Del Solidad được cơ sở Xuất Bản Nhân Chủ (do nhà văn Trùng Dương chủ trương) tuyển dịch ra Việt Ngữ mà dưới đây là một đoạn trích, viết về đời sống của một gia đình Y Pha Nho điển hình, trong đó tình yêu, thù hận, chiến tranh, hòa bình, sự li tiện và cao cả của kiếp người được diễn tả sôi nổi như cuộc đời, mơ hồ lẫn mộng và thực. Những trang truyện lôi cuốn người đọc vào một thế giới kỳ lạ, nơi những ý nghĩ thâm kín nhất của các nhân vật đập vào tiềm thức người đọc với những âm thanh nổi. Chúng ta có thể coi Cien Años Del Solidad là một tác phẩm văn nghệ, nếu không mạnh đến nỗi làm thay đổi thế giới cũng thừa mạnh để làm thay đổi cảm quan của người đọc. Đoạn văn được giới thiệu dưới đây là một đoạn trong Cien Años Del Solidad

Chúng tôi trích đoạn này vì thấy nó có nhiều màu sắc, chi tiết phù hợp với hiện tình chấm dứt chiến tranh của xứ sở này. Những nhân vật điển hình trong Cien Años Del Solidad cũng vừa qua 20 năm chiến tranh chủ nghĩa, và họ cũng đã quá chán chương quá thất vọng vì chiến tranh như chúng ta vậy.

Cien Años Del Solidad được Cơ Sở Xuất Bản Nhân Chủ trao cho bạn Hoàng Hải Thủy dịch ra tiếng Việt theo bản dịch Anh Ngữ nhan đề One Hundred Years of Solitude của George Habassa. Nhan đề của bản dịch Việt Ngữ là Trăm Năm Hiu Quạnh. Tác phẩm dày trên 500 trang này sẽ được phát hành vào khoảng tháng Năm 1973.

Đại Tá Gerineldo Márquez là người đầu tiên ghi nhận sự trống rỗng của chiến tranh. Với chức vụ Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Quân sự Marcondo, mỗi tuần ông nói chuyện bằng điện ký hai lần với Đại tá Aureliano Buendía. Thoạt đầu những cuộc trao đổi điện ký này chỉ đề cập đến những chuyện bề ngoài của chiến tranh. Mặc dầu không bao giờ đi vào chuyện tâm sự, ngay cả với người bạn thân nhất, thời ấy Đại tá Aureliano Buendía vẫn có một giọng thần mật làm cho người ta nhận ra ngay ông ở đầu dây điện bên kia. Nhiều lần ông kéo dài cuộc nói chuyện ra ngoài thời hạn được ấn định và để nó rơi vào việc phê bình những chuyện lật lọng. Nhưng lâu dần, khi cuộc chiến trở nên dữ dội và lan rộng hơn, hình ảnh Đại tá Aureliano Buendía mờ dần, trôi dần vào một vũ trụ mơ hồ. Đại tá Gerineldo Márquez chỉ còn nghe với cái cảm giác khó chịu là ông đang liên lạc điện ký với một kẻ hoàn toàn xa lạ.

« Aureliano, tôi biết », ông thường kết luận câu này trên cần điện ký, « Đảng Tự Do muôn năm ».

Sau cùng, Đại tá Gerineldo Márquez mất hết liên lạc với cuộc chiến. Trước đây, cuộc chiến là một cuộc hoạt động thực sự, một say đắm khi ông đang thời tuổi trẻ, nay chỉ còn là một điểm để ghi nhớ đối với ông. Chiến tranh, với Đại tá Gerineldo Márquez, đã trở thành một sự trống rỗng lớn. Nơi an toàn nhất để ông lẫn trốn chỉ còn là phòng may của Amaranta. Ông tới đó thăm nàng mỗi buổi chiều. Ông thích ngắm bàn tay nàng uốn cong mảnh vải trên cái máy may do Remedios đẹp ngồi quay.

Họ qua nhiều giờ không nói, hài lòng với sự có mặt của nhau, nhưng trong khi Amaranta kín đáo hài lòng vì ngọn lửa trung thành với nàng trong tim Đại tá Gerineldo Márquez vẫn sống mạnh, ông này vẫn không sao hiểu nổi hình thể trái tim bí mật của nàng. Khi tin Đại tá Gerineldo Márquez sắp trở về đến tai nàng, Amaranta hồi hộp đợi chờ. Nhưng khi nàng trông thấy ông đi vào nhà giữa đám người thấp lùn Đại tá Aureliano Buendía và khi nàng thấy rõ ông đã bị hành hạ chừng nào vì cuộc lưu vong, ông đã già đi chừng nào vì quên lãng và tuổi tác, đơ dầy với mồ hôi và bụi đất, hơi như cú, xấu xí, cánh tay trái bị thương nằm trong sợi dây đeo lên cổ, nàng gần như ngất lịm đi vì thất vọng. « Lấy Chúa », nàng nghĩ. « Đây không phải là người đàn ông mà tôi chờ đợi ». Nhưng ngày hôm sau, ông trở lại nhà sạch sẽ và nhũn nhui, với bộ ria thơm mùi nước hoa và thiếu sợi dây đeo tay dính máu. Ông đem đến tặng nàng một quyển sách kinh bìa xám ngọc.

« Đàn ông thật lạ lùng », Amaranta nói, bởi vì ngay lúc ấy nàng không nghĩ được chuyện gì khác để nói. « Họ dành hết đời họ để đánh nhau chống lại những công cổ đạo nhưng họ dùng sách kinh làm tặng phẩm. »

Kể từ ngày đó, trong cả những ngày nguy hiểm nhất của cuộc chiến Đại tá Gerineldo Márquez đều đến nhà thăm nàng mỗi buổi chiều. Nhiều lần, khi Remedios Đẹp không có mặt, chính ông là người quay vòng máy may cho nàng. Amaranta cảm thấy xúc động vì sự kiên nhẫn, trung thành, phục tùng của người đàn ông có rất nhiều quyền hành nhưng vẫn cẩn thận tháo bỏ thứ vũ khí tùy thân của mình ở phòng ngoài để bước vào phòng may của nàng không có vũ khí. Nhưng trong bốn năm ròng rã người đàn ông đó nhắc lại nhiều lần tình yêu của ông với nàng và nàng vẫn tìm được cách từ chối mà không làm cho ông là chạm tự ái, vì dù rằng nàng không thể nào yêu được ông ta, nàng cũng không thể sống thiếu được ông ta. Remedios Đẹp, người đứng vững với tất cả mọi chuyện và bị mọi người coi như là dẫn độn, kém trí khôn, cũng phải ghi nhận mối tình chân thành của Đại tá Gerineldo Márquez và can thiệp giúp cho ông ta. Amaranta đột ngột phát giác rằng cô bé nàng đã nuôi dưỡng, cô gái đang đi vào tuổi dậy thì, đã trở thành người thiếu nữ đẹp nhất Macondo. Nàng thấy sống lại trong tim nàng sự thù hận xưa với Rebeca,

nàng thăm van xin Chúa đừng để nàng đi đến tình trạng cực đoan là mong muốn cho Remedios đẹp phải chết, và nàng cảm không cho cô cháu gọi nàng bằng bà trẻ được đặt chân vào phòng may. Đó cũng là thời gian Đại tá Gerineldo Márquez cảm thấy chán nản vì chiến tranh. Ông thấu hết khả năng thuyết phục, hết niềm yêu mến rộng lớn và dồn ép của ông để một lần nữa xin cưới Amaranta. Ông sẵn sàng hy sinh sự vinh quang đã làm ông phải mất bao nhiêu năm trẻ trung mới dành được vì nàng. Nhưng ông vẫn không thành công trong việc thuyết phục nàng. Một buổi chiều tháng Tám, gục ngã trước sức nặng của sự ngoan cố của chính nàng, Amaranta vào phòng ngủ khóa chặt cửa lại để khóc cho cuộc sống quanh hiu lơi chết của nàng sau khi nàng đã trả lời lần cuối cho người đàn ông kiên nhẫn theo đuổi trong bao năm việc xin cưới nàng làm vợ :

« Chúng ta hãy quên nhau mãi mãi, » nàng nói với Đại tá Márquez, « Chúng ta đã quá già để còn thành vợ chồng »

Buổi tối hôm ấy Đại tá Gerineldo Márquez có một cuộc liên lạc điện ký với Đại tá Aureliano Buendía. Đó là một cuộc liên lạc thường lệ không đem lại gì mới cho cuộc chiến đang sa lầy này. Vào phút cuối, Đại tá Gerineldo Márquez nhô ra đây phở buồn hiu, những giọt nước trong như pha lê trên cây hạnh và ông cảm thấy ông chìm mất trong nỗi quanh hiu.

« Aureliano, » ông nói buồn rầu trên cần điện ký, « trời đang mưa ở Macondo »

Hương diện im lặng một lúc lâu. Bỗng dưng gần máy nhẩy lên vì những dòng chữ tàn nhẫn của Đại tá Aureliano Buendía.

« Đừng có lộn xộn, Gerineldo, » điện ký nói. « Tháng Tám trời mưa là phải rồi còn gì nữa. »

Hai người không gặp nhau đã quá lâu và Đại tá Gerineldo Márquez lạ lẫm vì phần ửng hồng hàng của Đại tá Aureliano Buendía. Hai tháng sau, khi Đại tá Aureliano Buendía trở lại Macondo, sự lạ lẫm của ông trở thành kinh ngạc. Ngay cả bà cụ Úrsula cũng ngạc nhiên vì sự thay đổi của ông con. Đại tá Aureliano Buendía trở về lần này không có những tiếng động ồn ào, không đoàn hộ vệ, ông khoác cái áo choàng mặc dầu trời nóng, mang về theo ba người đàn bà. Ông cho ba bà này ở cùng một nhà với ông, nơi ông suốt ngày nằm dài trong cái võng. Ông không

thêm cả đọc những điện tín báo cáo tình hình chiến sự các nơi. Có lần Đại tá Gerardo Márquez hỏi lệnh ông về việc di tản một căn cứ ở biên giới, nơi đe dọa xảy ra cuộc xung đột quốc tế.

« Đừng hỏi tôi những chuyện vớ vẩn, » ông gắt. « Hãy đi hỏi Thượng Đế. »

Thời gian này có lẽ là thời gian khấn trương nhất của cuộc chiến. Những diễn chủ theo phe Tự Do, những người lúc đầu tích cực ủng hộ cách mạng, đã bí mật cấu kết với những diễn chủ theo phe Bảo Thủ với mục đích ngăn cản cuộc cải cách ruộng đất. Những chính trị gia lưu vong vẫn gửi tiền từ ngoại quốc về giúp cách mạng công khai bày tỏ lập trường không chấp nhận những mục tiêu của Đại tá Aureliano Buendía. Nhưng ngay cả việc bị đa số phản đối này dường như vẫn không làm cho ông bận tâm. Ông cũng không trở lại việc đọc những bài thơ cũ của ông, những bài thơ này ghi đầy năm tập sách bị bỏ quên trong đáy rương. Đêm khuya hay trong giờ ngủ trưa, ông thường gọi một trong ba người đàn bà của ông đến chiếc võng và hưởng sự khoái cảm đơn giản do người đàn bà này cung cấp, xong ông ngủ say như một tảng đá không biết lo âu là gì. Trong thời gian ấy ông chỉ biết chắc có một điều : trái tim rắc rối của ông sẽ ở trong tình trạng hoài nghi cho đến mãi mãi. Lúc đầu, say sưa vì vinh quang của ngày trở lại, vì những chiến thắng đáng kiêu hãnh, ông đã để mắt nhìn vào vực thẳm của vĩ đại. Đó là thời gian ông quyết định không một người nào, kể cả bà cụ Úrsula, được đặt chân tới gần ông trong vòng sáu thước. Ở giữa cái vòng phản trắng những thuộc cấp của ông vẽ xuống đất bất cứ ông dừng lại ở đâu, vòng phản chỉ có một mình ông có quyền bước vào, ông quyết định bằng những mệnh lệnh ngắn và tối hậu số phận của trái đất. Lần đầu tiên ông đặt chân tới Manaure sau ngày xử bắn Thiếu tướng José Raquel Moncada, ông vội vã đích thân làm tròn ý muốn cuối cùng của nạn nhân của ông. Người góa phụ nhận cấp kiến, dây chuyền tượng Đức Mẹ, chiếc đồng hồ và cái nhẫn do ông chuyển giao nhưng không chịu cho ông vào nhà.

« Đại tá không thể vào được nhà này, » bà vợ góa của Thiếu tướng Moncada nói. « Ông có thể chỉ huy cuộc chiến tranh của ông, nhưng tôi chỉ huy nhà tôi. »

Đại tá Aureliano Buendía không để lộ vẻ gì giận dữ nhưng

thần kinh của ông chỉ dịu xuống sau khi đám vệ sĩ của ông đập phá tan hoang và sau cùng đốt cháy rụi căn nhà của người đàn bà góa. «Coi chừng đó, Aureliano.» Đại tá Gerineldo Márquez có lần cảnh cáo ông, «Anh chưa chết mà đã thối rồi đó.» Cũng vào thời gian này ông triệu tập một đại hội kỳ thứ hai tất cả những lãnh tụ phiến loạn lớn trong nước. Ông thấy đủ mẫu người: những người lý tưởng, người tham vọng, người phiêu lưu, người bất mãn với xã hội, có cả người phạm những tội thường phạm. Trong số này có cả người nguyên là công chức Bảo Thủ đi theo phiến loạn chỉ cốt để tránh khỏi bị tù vì tội biến thủ công quỹ. Nhiều người trong số này không biết rõ vì sao họ chiến đấu. Giữa đám người hỗn tạp mà những bất đồng sắp đi đến một cuộc xung đột nội bộ, một nhân vật nổi bật lên: Thiếu tướng Teófilo Vargas. Ông này là một người dân da đỏ thuần túy, bất kham, vô học, người có những thiên năng kỳ bí gây ra sự cuồng tín trong đám người đi theo. Đại tá Aureliano Buendía triệu tập đại hội với mục đích đoàn kết những lãnh tụ quân sự chống lại những âm mưu của bọn chính trị gia. Thiếu tướng Teófilo Vargas đến dự đại hội để thực hiện những gì ông muốn: chỉ trong vài tiếng đồng hồ ông loại bỏ quyền chỉ huy của những người xứng đáng hơn ông, và cuối cùng ông nắm lấy hết mọi quyền hành trong tay «Tên đó là một con thú rừng cần được canh chừng,» Đại tá Aureliano Buendía nói riêng với những sĩ quan của ông. «Hắn còn nguy hiểm cho chúng ta hơn cả tên Tổng Trưởng Bộ Chiến Tranh nữa.» Đến lúc đó một viên đại úy trẻ, người vẫn được chú ý vì ít nói và e lệ, đưa ngón tay trở do dự lên.

«Thưa Đại tá, việc ấy thật giản dị.» Viên đại úy đề nghị. «Hắn phải chết.»

Đại Tá Aureliano Buendía không sững sờ vì sự lạnh lùng tàn nhẫn của lời đề nghị ấy, ông chỉ sững sờ vì lời đề nghị phù hợp với ý ông nghĩ.

«Các người đừng hy vọng tôi ra một cái lệnh như thế,» ông nói.

Thực ra, ông không ra lệnh. Nhưng hai tuần lễ sau Thiếu tướng Teófilo Vargas bị búa rìu chặt ra thành từng mảnh trong một cuộc phục kích và Đại tá Aureliano Buendía nắm quyền tổng chỉ huy. Trong đêm thăm quyền của ông được tất cả những lãnh tụ quân sự công nhận, đang ngủ ông giật mình thức dậy, gọi

lấy thêm mền gấp. Một cơn lạnh ghê gớm từ bên trong thoát ra làm cho xương cốt ông rã rời, cơn lạnh hành hạ ông ngay cả khi ông ở giữa trời nắng gắt, làm ông bị mất ngủ trong nhiều tháng, cho đến khi nó trở thành thói quen. Sự say sưa vì quyền hành bắt đầu tan vút trước những làn sóng khổ não vật chất. Để tìm cách chữa trị cơn lạnh, ông dần xếp cho viên đại uy trẻ tuổi đã đề nghị giết Thiếu tướng Tediato Vargas bị xử bắn. Những mệnh lệnh của ông được người ta thi hành trước cả khi ông ra lệnh, trước cả khi ông nghĩ đến chúng. Và việc thi hành bao giờ cũng đi ra ngoài mức độ ông dám cho phép người ta làm. Chìm trong vùng quyền uy quá lớn, ông bắt đầu lạc lối. Ông cảm thấy chán ngấy bọn người hoan hô, chào đón ông trong những làng quê, ông tưởng tượng họ cũng chào đón, hoan hô kẻ thù của ông y như thế. Ở tất cả mọi nơi ông đều gặp những thiếu niên nhìn ông bằng chính đôi mắt ông nhìn họ, nói với ông bằng chính giọng nói của ông, đến gần ông với sự nghi ngờ như ông nghi ngờ họ, những người rói với ông họ là con ông. Ông cảm thấy ông tan rải khắp nơi, tự tăng thành nhiều người và ông cảm thấy cô đơn, błą quanh hơn bao giờ hết. Ông tin chắc rằng những sĩ quan của ông đều lừa dối ông. « Người bạn tốt nhất mà ta có thể có », có lần ông nói trong thời gian này, « là người bạn vừa mới chết ». Ông mệt mỏi, rã rời vì hoang mang, vì cái vòng lẩn quẩn của cuộc chiến trường kỳ này, cái vòng luôn luôn bắt được ông đứng cùng ở một chỗ, nhưng già hơn, mệt mỏi hơn, mù mịt hơn với những câu hỏi tại sao, bằng cách nào, bao giờ. Lúc nào cũng có người đứng ở ngoài vòng phẫn nộ. Người cần tiền người có đưa con dâu, người muốn bỏ đi và nằm xuống ngủ mãi mãi vì không chịu nổi mùi thối như phẫn của chiến tranh ở trong miệng, nhưng tất cả vẫn đứng nghiêm để báo cáo với ông: « Thừa Đại tá, tình trạng bình thường... ». Và bình thường là một cái gì đáng sợ nhất trong cuộc chiến tranh vô tận này: không bao giờ có chuyện xảy ra. Mọi mình, bị những linh tính bỏ quẩn, chạy trốn cơn lạnh theo đuổi ông cho tới ngày chết, sau cùng ông tìm về Macondo để trốn nấp trong hơi ấm của những kỷ ức xưa cũ nhất của ông. Sự lười biếng của ông nặng đến nỗi khi người ta báo với ông phái đoàn đại diện đảng Tự Do tới gặp ông để thảo luận về tình trạng sa lầy của chiến tranh, ông cự nự mình trong lòng chiếc văng và nói khi chưa tỉnh hẳn ngủ:

« Đưa họ đi chơi đi... »

Họ là sản loại sư biện những bộ đồ lớn và đôi mũ cao, họ chịu đựng ánh nắng hung dữ của mặt trời tháng Mười với một vẻ can đảm cứng ngắc. Bà cụ Úrsula lo cho họ ăn ngủ trong nhà bà. Họ dành gần trọn ngày để mở những cuộc thảo luận mật trong phòng ngủ, tới đến họ yêu cầu toàn bộ vệ và vài nhạc công, và họ kéo đến chiếm tiệm rượu Carino. « Để mặc họ », Đại tá Aureliano Buendía ra lệnh « ít nhất, tôi cũng đã biết họ muốn gì ». Đến đầu tháng Chạp, cuộc tiếp kiến được chờ đợi quá lâu, cuộc tiếp kiến mà nhiều người liên đoán là sẽ kéo dài vì tranh luận gay go, được thanh toán trong khoảng chưa đầy một tiếng đồng hồ.

Trong căn phòng oi bức, bên cạnh cái xác cây đàn dương cầm được phủ trong tấm vải trắng, Đại tá Aureliano Buendía hôm nay không ngồi giữa vòng phản trắng do đám vệ sĩ vẽ, ông ngồi trong cái ghế giữa bọn cố vấn của ông, với chiếc mền len choàng trên vai, ông yên lặng nghe bản đề nghị ngắn của phái đoàn đại biểu. Họ yêu cầu ông, trước hết, từ bỏ việc cải cách ruộng đất để lấy lại sự ủng hộ của giới địa chủ Tự Do. Điều thứ hai, họ yêu cầu ông ngừng cuộc chiến chống lại ảnh hưởng của giới tu sĩ để lấy sự ủng hộ của khối công dân Gia Tô Giáo. Sau cùng, họ yêu cầu ông từ bỏ mục tiêu cho những người con hoang, con bất hợp pháp được hưởng quyền lợi như những người con chính thức để bảo vệ sự hợp nhất của gia đình.

« Như vậy có nghĩa là », Đại Tá Aureliano Buendía nói, ông cười mỉm khi bản đề nghị được đọc xong, « chúng ta chỉ chiến đấu để nắm quyền hành mà thôi ».

« Đây chỉ là những thay đổi chiến thuật », một đại biểu trong đoàn nói. « Ngay lúc này việc cần phải làm là mở rộng căn bản nhân dân của chiến tranh. Xong, chúng ta sẽ tính lại ».

Một cố vấn chính trị của Đại tá Aureliano Buendía với vẻ can thiệp:

« Như vậy là chúng ta mâu thuẫn », ông này nói. Nếu những điều thay đổi này đúng, có nghĩa là chế độ Bảo Thủ là một chế độ tốt đẹp. Nếu chúng ta mở rộng được căn bản nhân dân để nuôi dưỡng chiến tranh như các vị nói, điều đó có nghĩa là chế độ hiện tại có căn bản nhân dân rộng lớn hơn chúng ta. Nói tóm lại, như vậy có nghĩa là trong gần hai mươi năm qua chúng ta chiến đấu chống lại ý nguyện của nhân dân ư? »

Ông cố vấn chính trị này còn muốn nói tiếp nhưng Đại tá Aureliano Buendía cắt lời ông với một cử chỉ. «Đừng mất thì giờ vô ích, bác sĩ», ông nói. «Điều quan trọng là từ nay chúng ta chỉ chiến đấu để chiếm quyền hành mà thôi». Vẫn mỉm cười, ông cầm lấy bản văn do đại-biểu-đoàn đưa cho ông và sửa soạn ký.

«Khi việc đã như vậy», ông kết luận, «chúng tôi không có gì để phản đối».

Những người theo ông ngơ ngác nhìn nhau.

«Đại tá tha lỗi cho». Đại tá Gerineldo Márquez ôn tồn nói. «Đây là sự phản bội».

Đại tá Aureliano Buendía giờ cây bút lên và ông rút tất cả thẩm quyền của ông lên Đại tá Gerineldo Márquez với lời ra lệnh:

«Nộp hết vũ khí...»

Đại tá Gerineldo Márquez đứng dậy và đặt vũ khí tùy thân của ông lên bàn.

«Trình diện ngay ở Bộ Chỉ Huy», Đại Tá Aureliano Buendía ra lệnh tiếp. «Chờ tòa án cách mạng quyết định...»

Xong ông ký lên bản tuyên ngôn và đưa tờ giấy cho đoàn đại biểu ông, ông nói với họ:

«Đây là văn kiện quý ông cần có. Tôi hy vọng quý ông sẽ hài lòng.»

Hai ngày sau, Đại tá Gerineldo Márquez bị tuyên án tử hình vì tội phản nghịch. Nằm dài trong chiếc võng. Đại tá Aureliano Buendía thân nhiên trước mọi lời xin giảm án. Trong đêm trước ngày hành quyết, bỏ qua lệnh không ai được đến làm phiền ông, bà cụ Úrsula đến thăm ông trong phòng ngủ. Bàn đồ đen từ đầu tới gót chân, ánh đèn nghiễm trọng lạ thường, bà cụ đứng suốt trong ba phút gặp mặt. «Tôi biết ông sắp bắn Gerineldo,» bà cụ bình tĩnh nói, «và tôi cũng biết tôi không làm gì được để ngăn chặn việc ấy. Xong, tôi có một lời cảnh cáo ông. Sau khi tôi nhìn thấy xác Gerineldo, tôi thề với ông trên hai cột cửa sổ tôi, trên hai cột cửa mẹ tôi, trên danh dự của ông José Arcadio Buendía, tôi thề với ông trước Chúa là dù cho bất cứ ông trốn nấp ở đâu, tôi cũng sẽ giết chết ông bằng chính hai tay tôi.»

(Xem tiếp trang 81)

BÙU Ý

Cuộc Lữ

Khanh định bụng tạm biệt trường học cùng công việc dạy học, ít nhất là trong năm nay, để dành tất cả thì giờ và nỗ lực vào công việc viết lách, nhưng anh cảm thấy trong đầu mình có một vài nhún vật dữ quá hạn kỳ thai nghén đang kêu réo đòi được ra đời; cũng giống như đề trách trường hợp dễ khó, hay trường hợp lui lui chết trong bụng mẹ gây liên lụy luôn cho người mẹ, anh muốn đem giấy trắng mực đen lót chỗ nằm cho nhân vật mình, là những đứa con máu mủ, dù đẹp dù xấu, cho chúng có một đời sống, để từ đó mặc tình cho chúng làm bạn và đua chen với đồng loại, còn hơn là để cho chúng hóa thân thành những vết chai hay mớ tế bào chết trong tư tưởng. Mặt khác, học đường đối với anh là môi trường quá quen thuộc đến độ phát nhàm, đã không đáp ứng một nhu cầu tinh thần nào của anh, tuyệt nhiên chẳng mang lại cho anh một tư hào an ủi. Nói sao mặc lòng, chính Khanh đã chọn mười mấy năm trường của đời mình, dù không liên tục, trong nghề dạy học, dù ngay trong khi đi dạy anh không bỏ lỡ một cơ hội nào để tại ngoại bằng những chuyến vọt đi hay là ép uống giờ giấc để ghi chép, nghĩ ngợi. Không phải là anh không có lòng yêu trẻ, cũng không phải là anh ghét bỏ việc giáo dục, nhưng cảnh đời đã đến hồi ly gián tuổi tác và hiện tại một mờ, nặng nề, không cho phép anh quyến luyến một quãng dĩ vãng nào đó hiện hình từng lúc nơi đám học sinh kia. Thêm vào đó, cái học, bị những vấn đề thời đại lấn áp, càng ngày càng khô héo bắt anh cảm thấy, đôi khi giữa lớp học, ngừng ngừng hay lạc lõng. Lời giảng của anh vừa ra khỏi miệng là đã nghe lại lại. Anh là một con số lẻ không cần thiết nối đuôi vào đám

thiếu niên ngồi trước mặt. Tuy nhiên, điều mâu thuẫn, dạy học có khi là một cách tìm quên hiện tại lao lung. Đối với anh, không đi dạy thì thôi, một khi đã dấn mình vào đó, anh không thể nào không tận tụy với công việc. Và lúc bấy giờ, dạy học trở thành một đam mê miễn cưỡng, một lối thoát bế tắc cho anh. Anh như một kẻ biến lộn ôm lấy mớ tuổi tác của mình, tri kéo và lấp liếm thời gian bằng những dự định, bằng cách hạn chế dòm ngó những biến thiên của cuộc đời. Sở dĩ Khanh không thể đoạn tuyệt với trường học là vì anh còn phải trở về sống với gia đình ở Huế, và muốn đóng ngoặc thời gian trôi qua ở quê nhà, anh không biết làm gì hơn là đi dạy. Dạy gì cũng được, dạy ở trường nào cũng xong. Chung quy là một sự giam lỏng vào một môi trường nhỏ, vào một số mực thước ước lệ, vào một bản trường quy... Muốn thức dậy bây giờ sáng, chẳng hạn, là trễ nhất, để đi dạy suốt buổi hay suốt ngày, anh phải chuẩn bị giấc ngủ, hay anh phải đóng từng ly rượu từ đầu hôm để đến khi dạy xong khỏi phải hụt hơi; còn nếu như, vì sắp xếp tính toán không được chặt chẽ để đến nỗi phải phờ phạc khi ra khỏi lớp học, thì anh không quên dằn bới vào đó bằng một sự nghĩ ngợi, hay một sự lười biếng, hay một pha nhậu nhẹt rất dễ gây hụt hẫng, một lần nữa, cho công việc ngày mai. Đã mốc người trong nghề, Khanh vẫn không tài nào tổ chức việc dạy của mình một cách ổn thỏa; ngay trong lúc nghỉ, việc dạy vẫn chớm vờn, ám ảnh, chực nhảy chồm lên việc khác. Anh lấy làm ngạc nhiên và thán phục cho vài bạn đồng nghiệp « chạy trường » một cách hưng tợn mà vẫn tỉnh bơ, vẫn nhớn nhác, họ dạy ngày rồi dạy tối, dạy ngày thường rồi dạy luôn cả chủ nhật, như một thói quen đẳng đặc.

Theo một chu kỳ khó lòng thay đổi, hễ khi nào không khi vãn nghề ở Sài Gòn rơi vào bế tắc, hay bày ra một trường thị phi, là Khanh quay trở về nhà, đồng thời đi dạy trong nỗi hân hoan của toàn thể gia đình trông thấy « đưa con đi hoang trở về » đã « hồi tâm » và sửa soạn « làm ăn đứng đắn ».

Thật ra, cả thành phố Huế đều hòa thân trong không khí gia đình. Khanh nhìn ngó lại từng góc đường, từng khuôn mặt người bán hàng rong bằng đôi mắt chào tái ngỏ, điều này cũng vô về phần nào cho một tấm thân xiêu lạc lâu ngày. Còn hàng xóm láng giềng cũng khá đông đủ, như thể đã mất công chờ đợi anh về từ lâu lắm vì anh đã thoáng thấy nhiều nụ cười, ánh mắt lấp ló sau

cửa sổ hay hàng giậu. Nhân thế, thử hỏi : anh có làm họ thất vọng chăng, sau khi đi xa trở về vẫn hoàn vô sản, không tạo được một thành tích gì hiển hách gây tiếng thơm lây ? Tuy nhiên, ngược lại, anh gián tiếp an ủi phần nào những ai vốn không có cơ hội ra đi khỏi phải trở về như anh.

Lần trở về năm nay của Khanh không nhằm vào một thời khóa nào đặc biệt trong năm. Các trường đều đã khai giảng. Như thế là anh có thể rảnh rỗi. Nhưng rảnh rỗi nghĩa là không có tiền tới, điều khá bất tiện. Viết sách, viết báo vậy ; viết xong sẽ gửi vào Sài Gòn. Thời giờ còn lại, anh đọc sách, hay rong chơi, hay dạy cho mấy đứa em. Chương trình chỉ gồm có mấy mục, toàn những mục bình thường, thật ra không đáng đem ra nói với ai.

Nhưng nhân nhẽ với gia đình chưa được mấy hôm thời Khanh được tin một vị thầy cũ nhấc anh đến trường của ông để tạm thay chân một giáo sư của trường vừa nghỉ dạy. Anh đành vội vã vâng lời. Ngôi trường tọa lạc bên bờ một con sông đào, con sông này chảy bằng qua các vùng An Cựu, Kho Rèn, Phú Cam, Bến Ngự, Nam Mao... Thị ra cũng tại ngôi trường này, ngày xưa, anh đã học năm cuối cùng bậc tiểu học, một năm thiếu thời đặc biệt đen tối : đó là năm mẹ anh mất sau mười tháng liệt giường.

Khanh mơ hồ nhận ra lại ngôi trường cũ, chẳng xúc động bao nhiêu, chỉ thấy xót xa cho vị thầy già đang cai quản ngôi trường lèo tèo. Buổi dạy đầu tiên, anh được giới thiệu trước đám học sinh :

— Thầy xin giới thiệu : đây là thầy Khanh, giáo sư Việt văn của các con. Thầy Khanh đây mới ở Sài Gòn về thăm nhà, nhờ thầy nhận lời đến đây dạy ít giờ cho các con thôi. Thầy Hùng ngồi yên coi ! Trước đây thầy có dạy ở Quốc Học, có dạy ở Sài Gòn, rồi sống ở Sài Gòn làm báo, viết sách, viết văn. Đó, các con nhìn thầy đủ biết thầy là nghệ sĩ. Con Hồng cười cái chi ? Đứa nào nhắc học, nói chuyện, thầy cứ roi cho tới.

Chưa chi Khanh đã nghe được hai cái tên : Hùng và Hồng. Quả nhiên, ngay giờ dạy đầu tiên, anh thấy đó là hai học sinh đáng chú ý hơn cả. Cả hai đều lớn xác hơn bạn bè; một đứa gây chú ý bằng những câu hỏi pha trò, đứa kia bằng cái đưa mắt mỉm miệng làm duyên. Lâu ngày xa trường học, và tâm trí đang canh cánh nhiều việc, Khanh cố nén sự bực mình, giảng giải khóa lớp. Những trò chơi của bọn nhỏ, trong giờ ra chơi, cũng đã đổi khác

- hắn, trở nên thô bạo và rắp ranh gần những trò của người lớn: đánh đá, hút thuốc, văng tục...

Khanh đã trở lại chốn cũ và mất tâm hình bóng cũ. Anh thấy rõ mình là kẻ đã lỡ bước lên thuyền, phải ăn nhả để qua bến bờ bên kia. Hay chính mình là con thuyền đưa lòng ra cho bầy trẻ giã mìn phá. Bao nhiêu vấn đề đời xuôi chảy triển miên, bất biến; bao nhiêu phương tiện được đem ra sử dụng rồi, theo thời gian, dù được thêm bớt, bổ khuyết cho nhau để hoàn thiện, vẫn hoàn là những phương tiện xoay quanh nội dung của vấn đề. Nhưng, ngược lại, nếu bỏ rơi phương tiện mà chỉ lý tới trọng tâm của vấn đề, kẻ giải quyết dễ trở thành một con người lạc hậu trước mắt người đời, vì dù sao phương tiện vẫn là những dấu mốc ghi từng chặng thời gian. Khanh là một loại người lạc hậu. Bởi nhiều vấn đề không phân định hẳn cương, bởi nhiều lãnh vực tiếp giáp nhau, anh thường sống trong tâm trạng nghiêng ngả, không thể nhất tâm dứt khoát với một cái gì.

Khanh dạy được hơn một tháng thì ngày kia nhận một điện tín hỏa tốc từ Sài Gòn. Anh bỗng đứng được đặt định trước một tình thế phải vào Sài Gòn gấp, đóng vai người đứng chủ lễ cho đám cưới của một người bạn, sẽ là đại diện độc nhất về phía nhà trai. Anh ngần ngại một hồi và thấy mình mang lãnh trọng trách. Anh không thể không đi và có cái lý để ra đi mà vẫn không gây thiệt hại đáng kể cho trường. Anh giải bày cùng vị thầy già, ông này chưa ra khỏi cơn ngạc nhiên thì Khanh đã bước ra khỏi trường. Tăm điện tín quả như cái phao vớt anh ra khỏi một cơn trầm đắm.

Vào tới Sài Gòn, Khanh ghé ở lại tại nhà một nhà sư quen biết, cùng nhau bàn định ngày mai về Thủ Dầu Một thăm viếng Sinh trước ngày lễ. Khanh dò hỏi:

— Nghe nói thầy thỉnh thoảng có về Thủ Dầu Một để thăm Sinh. Thầy thấy Sinh dạy dỗ có khá không?

— Sinh có dạy ở trường Bồ Đề dưới đó, nhưng không hiểu rõ vì lẽ gì anh xích mích với ban giám đốc nhà trường, bỏ đi, rồi thuê một phòng học mở lớp đêm dạy Anh văn. Nghe lớp học đông học sinh lắm, có cả công chức quân nhân. Vì xích mích riêng, anh không thu nhận học sinh trường Bồ Đề. Một số học sinh giận lắm, mở chiến dịch phá anh, như xé bích chương biểu ngữ quảng

cáo do chính anh viết ra, nhưng họ xé bao nhiêu thì anh bĩ hực viết lại bấy nhiêu.

Sinh là hình ảnh của con tẻ giặc, từ tính tình đến cách ăn nói, dáng đi. Húc bữa về phía trước, không kể thiệt hơn, không tính hậu quả. Thêm thù và bết bạn. Đơn độc quất quèo. Đã man ngiệp ngã. Chỉ thông dong ở chốn không người : rừng và biển.

Khanh, thuở làm báo đầu tiên ở Sài Gòn, có thuê một góc chiếc căn gác gỗ, mỗi tháng chỉ trả bà trăm đồng. Khanh rủ Sinh về ở cho vui. Mỗi đứa sắm riêng một cái bàn, một cái ghế, và một chiếc giường bố. Chỗ còn lại trên căn gác thuộc quyền đi lui đi tới của đứa con trai to lớn con bà chủ nhà, còn bà này cùng với đứa con gái ở phía dưới ; đây là bà chủ nhà riêng của Khanh và Sinh, kỳ thật, chính bà cũng thuê lại nhà này của người khác. May chỗ ở nhớ ra một con sông nhỏ, dù con sông dơ bẩn, không đến nỗi bị bùng, Sinh viết truyện, làm thơ, đã từng cộng tác với mấy tạp chí có giá trị và uy tín ở Sài Gòn, nhưng đến nay, vì thái độ và giọng điệu kiêu kỳ, gây hấn và đồng thời văn của Sinh, dần dà tạp chí nào cũng tự động gạt bỏ tên của Sinh. Bị cô vớ, Sinh chỉ còn có nước gửi bài viết cho Khanh để đăng vào tạp chí do Khanh làm thư ký. Phần Khanh, công việc ở tòa soạn bắt anh chịu nhiều đắng xót hơn là cho anh ngồi búi. Gặp buổi ngân quỹ của tờ báo sa sút thâm hại lời kéo theo sự thiếu tụy của hồn lẫn xác của nó, và sự tiệt giảm nhân viên, Khanh phải làm việc trong một tòa soạn lạnh lẽo, đem chút háng say của mình lấp đầy vào những trang báo trắng, dề rỗi, cuối tháng, lãnh thấy trật một số tiền quá tượng trưng mà anh không bao giờ anh muốn đem ra nói thật với bạn bè hông giữ thể diện cho tờ báo. Khi yêu thi để bỏ chín làm mười, anh ít khi lưu tâm tới cái bụng trống của mình trên đường đi tới tòa soạn mỗi buổi sáng. Tờ báo có khi phải « chạy nhà in » vì nợ nần, cho nên cũng có khi, vì hụt tiền, anh phải lê chân « hành hương » tới một nhà in xa út tận Chợ Lớn. Buổi trưa, thường về trễ, gia đình bà chủ có thể ăn sạch cơm, và Khanh lại phải lê la tìm cơm chợ, hoặc nếu làm biếng, Khanh về thẳng nhà ăn qua loa một vài thứ trái cây được bà chủ dọn sẵn trên bàn và món ăn dần bụng này sẽ được cộng căn thặng vào tiền cơm tháng. Sự ăn uống được chăng hay chớ và lệch lạc giờ giấc như thế này giữ chiếc dạ dày ở mãi vào trạng thái lưng chừng, không đòi hỏi, và nhất là có thể nhảy một bữa ăn cũng không

sao. Khanh, vì mỗi việc, không lấy thế làm điều, nhưng người yêu của anh, khi biết cơ sự, không bằng lòng ra mặt. Người yêu của Khanh là một người không giống ai. Người yêu của Khanh không thơm tho, không mặc đẹp, không biết nói năng ngọt ngào, không đến với anh bằng xe ; người yêu của Khanh chỉ có một tiệm phở mà nàng là chủ nhân và đích thân đứng bán. Nếu anh không có được cái bánh điện dắt tay người yêu đi hóng mát buổi chiều ngoài phố thì, bù lại, từ nay, anh không còn đi bụng trống tời tòa soạn. Nàng còn giới thiệu cho anh đi dạy kèm tại nhà một người quen biết. Nhờ thế, Sinh cũng đỡ thiếu thốn lấy và tình tình thoải mái hai người có thể ra chợ khế khà. Sự eo xèo về vật chất giúp xèo cho hai người chính chuyên với văn nghệ, đưa đẩy những mẫu chuyện, những mơ ước về văn nghệ vượt lướt lên khỏi cái mù sinh tồn của con sông Trương Minh Giảng. Con sông này đã hứng biết bao nhiêu lá vỡ chuối được ăn thế cơm, biết bao nhiêu lá mảnh lá gói xôi được ăn để xén từ đầu ngày đến cuối ngày, biết bao nhiêu lá bã mía hấp được nhai về đêm thay thế cho châu nhậu nhẹt.

Khanh bước đi trên cầu Trương Minh Giảng, ngó trật xuống dòng nước đen, rồi phóng mắt tìm lại cái bao lơn nhỏ viền học căn gác gỗ thối nào, lòng chứa chan cảm khái.

Đường về Thủ Dầu Một không xa, Khanh và nhà sự cùng đi một chiếc Honda. Sống ở Sài Gòn khá lâu, Khanh vẫn ít dịp bỏ thành phố, nay con đường đi thăm bạn càng mang nhiều ý vị. Nghe nói tỉnh lỵ này có nhiều cây trái, nhiều con lạch chảy bằng vườn, cũng có đồi cây, có ngôi chùa khá đẹp mà Sinh, hồi không thích chốn đông người, thường lui tới. Trong nhiều lá thư trước gửi cho Khanh, Sinh hay thúc giục bạn bỏ vào Thủ Dầu Một chơi một chuyến để ăn trái cây cho đỡ đói, hay để dòm một người vợ tương lai của anh, hay để xem anh múa máy giữa lớp học...

Tìm tới nhà Sinh như thể đi sâu hút vào làng, sau khi leo lỏi giữa nhiều hàng cây bụi đỏ. Ngôi nhà lá ba căn : Sinh ở căn giữa, căn bên dùng làm lớp học ban ngày cho trẻ nhỏ và là lớp đêm cho học sinh Anh văn của Sinh. Phòng học nhan nhản những cáo thi, bích chương hàng chữ viết tay của Sinh, từ những hàng chữ mang một nội dung cô quái đến những hàng sấm ký, tất cả đều được viết nắn nót : « Học mọi hiền người ... » « Lớp Anh văn độc đáo vô tiền khoáng hậu ... » « Cấm học sinh Bờ Đờ lại văng ... »

« Anh em ruột hay chị em ruột không được giảm học phí, phải trả nguyên con »...

Mừng vui gặp lại nhau, Sinh ngắm nghĩa Khanh :

— Luôn luôn sạch sẽ, đẹp đẽ.

— Đẹp đẽ hơn ông chứ đẹp đẽ hơn ai. Định ngày cưới chưa ?

Sinh thoáng mắt tự nhiên :

— Đợi mấy ông xuống đây rồi cùng định với nhau.

Nhà sư nhẩy vào vòng :

— Anh cưới hỏi thì anh định lấy, làm sao cùng định với nhau được ?

Sinh nói một hơi :

— Nói thế chứ định đầu vào đó cả rồi. Hôm nay mấy ông đã lữ xuống đây, thì : thứ nhất, ở lại ăn cơm trưa. Khanh, cậu chưa thưởng thức tài nấu ăn của tôi phải không ? Thầy đây được ăn cơm chay của tôi rồi. Thứ hai, mấy ông đã xuống được một lần thì phải xuống được lần thứ hai, và lần thứ hai mới cần thiết thật sự ; do đó, mấy ông sẽ tùy thuộc sự định ngày của tôi. Đã lấy vợ thì lấy phứt chu xong. Vậy, ngày mốt, các ông trở xuống đây, không dám không hỏi gì hết, và tôi sẽ thông báo sau cho nhà gái biết mọi sự.

Lâu nay, Khanh từng mong ước sự gần gũi tối đa cho đám cưới của mình trong tương lai nhưng không thể nào ngờ nổi bạn mình lập được một kỷ lục như thế này. Khanh và nhà sư, qua một lát ngẩn ngơ, cùng phá lên cười. Sinh bảo :

— Mấy ông tự do thăm vườn, nói chuyện. Tôi vào lo cơm.

Nhà sư và Khanh cùng ngổ ý muốn phụ giúp Sinh nhưng Sinh khoát tay.

Khu vườn nhỏ, không có gì đặc sắc, được một cái là hoàn toàn xa tiếng động và bóng người. Giờ này đã khá trưa nên lớp học đã tan từ lâu. Tôi hỏi nhà sư bạn :

— Thầy chắc cũng đã nghĩ đến chuyện đóng góp cái gì cho Sinh ?

— Tôi có biếu cho anh Sinh một món tiền để anh tùy nghi sử dụng. Anh Sinh cũng chỉ muốn thế. Tôi có dò hỏi thì được biết mọi sự trong đám cưới này đều do nhà gái chu toàn. Vợ anh Sinh mở cõi cha mẹ, hiện giờ sống ngay tại chùa với ông cậu là nhà sư trị sự. Nay mai đám cưới cũng sẽ cử hành tại chùa luôn. Không có cái gì đến nỗi đáng gọi là bí ẩn trong câu chuyện cưới

xin này, ngược lại, có một cái gì của « Mái Tây » và có một cái gì của « phía Đông vườn địa đàng » nữa là đàng khác. Khanh cảm thấy ngay giữa giờ ngo chơi chang này, phieu phất một nỗi thanh thoát gần như hư hão. Khanh nói :

— Hiện giờ tôi chẳng đóng góp được cái gì thiết thực cho Sinh, chỉ có mặt với Sinh trong dịp này.

Sinh có cha, mẹ (người ta quen gọi chung « cha mẹ » như một tiếng kép, nhà trường dạy như thế, thói quen dạy như thế ; nhưng trong thực tế, kể thì chỉ có cha, đũa thì chỉ còn mẹ ; đối với những gia đình khác nữa, cha với mẹ tuy còn sống mà đã có một cái gì chia cách và sự chia cách này, như một loại trăng, tùy theo thời tiết của thiên nhiên và thời tiết của tâm hồn, sống ẩn trong cơ thể, có khi chỉ ửng lên như dấu phẩy, có khi hoành hành phung phá thành một đờ vờ không hạn gấn nổi), và anh em, phần đông ở Sài Gòn, phần còn lại ở Nha Trang, nhưng Sinh sống gần như tách lìa hẳn gia đình gần mười năm nay, đồng thời nuôi trong lòng những ý nghĩ bất hieu và cảm phần về gia đình mình. Cỗ lần Khanh chứng kiến cảnh người anh ruột của Sinh đến thăm, bị Sinh gạt nộ xua đuổi. Có lẽ đó là buổi tái ngộ ngắn ngủi đầu tiên và cuối cùng của hai anh em sau mười năm cách biệt. Và cũng đã có lần Khanh, vì ám ức, nuốt miệng hỏi Sinh :

— Ông thân của ông ở Sài Gòn phải không ? Tôi thường hay gặp một ông khoảng ngoài năm mươi tuổi đến đọc sách khi thì ở Thư viện Quốc gia, khi thì ở Thư viện Đồn Đẩu, khuôn mặt và vẻ bề ngoài giống ông như hệt. Đúng không ?

Sinh gật đầu :

— Bố của tôi ở Sài Gòn, về hưu rồi.

Khanh lại hỏi :

— Ông có khi nào đến thăm ông thân không ?

Sinh trả lời, lần này miễn cưỡng :

— Có chứ, thỉnh thoảng. Nhưng đến thăm rồi đi. Đã có mấy thằng anh của tôi lo lui tới với ông. Tôi vẫn thương ông già của tôi. Ông khổ theo bà vợ, bỏ nhà đi biệt trên mười năm nay. Tôi hận lắm.

Như vậy là đám cưới của Sinh sẽ chỉ có Khanh và nhà sư tham dự, vừa là phụ rể luôn thể cho Sinh và chứng giám một ngày đặc biệt trong đời bạn.

« Ngày » đến, Khanh và nhà sư từ Sài Gòn lên đường thật

sớm về Thủ Dầu Một, như để dự một lễ tấn phong cho bạn và cho mình.

Khanh về đến nơi thật sớm. Nhà sư lên chùa trước, để coi ngó, chuyện trò. Sinh dẫn Khanh đi quanh vùng. Sinh được nhiều người quen biết, nên mạnh dạn đi băng rẽ lắt qua vườn nhà người ta. Khanh được dịp thăm viếng nhiều vựa trái cây, trăm trở trước sự phi nhiều của phong thổ. Nhìn lại đồng hồ, hai người còn có thì giờ ghé chân vào một quán cóc bên đường. Sinh nhắc nhở việc mình.

— Vợ tôi học mới ngang lớp Độ Ngũ. Nhưng đàn bà lắm. Đàn bà nhưng còn ngu, chưa biết gì hết, từ nhỏ tới bây giờ ở miết trong chùa, chưa đi ra khỏi tỉnh. Mình sẽ huấn luyện. Mua nhà thì mua nhà làm sẵn, còn vợ thì phải tự tay mình làm, phải không? Thà lấy người vợ còn hồn nhiên, hơn là rước cái của lý sự, dờ dờ ương ương, sai cũng sai kiện về nhà mình. Ông cậu, tức là ông thầy tu trị sự, khư khư giữ cháu gái. Tôi tranh đấu lắm mới lấy được vợ.

Sinh thuật lại những mẫu chuyện tiền đả, những pha cùng với người yêu gương đồng kích tẩy đánh lừa ông cậu, những phút nhập thất giữa khi nhà chùa mãi lảo nháo theo việc cúng tụng. Nếu chịu bầm bụng chờ đêm xuống, nếu biết huyết sáo miêng và thay đổi giọng sáo, thì tha hồ hẹn hò giữa vườn chùa bát ngát.

Sinh thuộc loại người du côn, khoái các trò thủ thuật, nhất là mỗi khi các trò này được đem ra chống trả với người mà anh không ưa thích. Thuở Sinh và Khanh chung sống trên căn gác gỗ, trong khi Khanh được gia đình bà chủ nhà miễn trọng bao nhiêu thì Sinh ngày càng trở nên cái gai trước mắt cả nhà. Khanh nhiều lần đóng vai đàn hòa, hay làm trò giả lá để cho không khí giữa chủ nhà và Sinh bớt bực lực. Có lần đưa con gái của bà chủ mất chiếc đồng hồ đeo tay, cô nàng tháo ra để trên bàn đi tắm, đến khi trở ra thì đồng hồ biến mất. Lúc bấy giờ, ở nhà chỉ có ba người: cô con gái ở bên dưới, Khanh và Sinh ở trên gác. Khanh phải một phen bưng tai vì tiếng tru tréo, chửi bới của bà chủ, anh cảm thấy nhột nhạt và lên can, mặc dù bà chủ từ dưới nhà có la vọng lên: « Ông Khanh thì tôi không nghi, bụng của tôi như vậy đó! » Những câu như thế này chỉ khiến cho Khanh sợ Sinh phát khùng gây to chuyện, nhưng không, Sinh vẫn ngồi ở bàn

viết, nhìn ra sông, huyết sáo. Cho mãi tới bây giờ, mỗi khi nhớ lại chuyện này, cục nghì cho Sinh là thủ phạm của sự vụ vẫn chưa thể tiêu tan trong trí Khanh. Lần khác, một chuyện nữa, cũng là một « giai » thoại khó quên : bà chủ mua một đôi cá trê, bỏ ngâm vào một chậu nước đem để ngoài trời mấp mé bên dòng nước chảy, chừng như để dành làm món ăn cho một ngày nào đó. Đây là một việc nội trợ mà Khanh không để mắt, sau này mới biết. Đến khi bữa súp, bà chủ chực thò tay bắt cá thì thấy trong cái chậu không. Bà chưa kịp liếc cửa thì đã bị đưa con gái nhấc như tát nước : « Con đã bảo mà cái chậu này cạn, hai con cá trê bự như vậy thì dư sức phóng xuống sông mất tiêu rồi ! » Mẹ con khờ ngơ, cùng ngó xuống sông. Khanh cũng lơ ngơ đứng một bên, cũng ngó xuống sông, chỉ thấy chuột và cù lúi đang rúc rĩa, rồi gộp tiếng tắc lưỡi. Sự mất cá, tuy có ảnh hưởng phần nào đến không khí bữa ăn và nội dung bữa ăn, rồi cũng trôi qua, nhờ ai nấy không còn muốn nhắc nhở làm chi nữa cho thêm bực. Bằng một thời gian, cá trê chắc đã làm hang xong xuôi dưới sinh lầy, thì ngày kia, Khanh vô tình nghe bà chủ nhà nói với con gái : « Nhà cậu nhà mình dạo này sao nhiều chuột quá. Mày có nghe rúc không ? » Giọng cô nàng : « Chắc là chuột đào hang vào tới đây ». Chính Khanh cũng có phát hiện ra những tiếng động bất thường ở trong phòng vệ sinh, vừa là phòng tắm, ở bên dưới nhà mới sau này, nên có khi vào đó là muốn mau chân bước ra. Điều này khiến Khanh động tâm rồi sau cùng đem ra nói với Sinh. Sinh chăm chú nghe tỏ rõ đầu đuôi, nghe xong phá lên cười, rồi xích sát vào Khanh, nói nhỏ : « Chính tôi thả hai con cá trê xuống hầm đó ! »

Hễ gặp lại Sinh là chuyện xưa sống dậy. Khanh không thể nào quên được những lúc bắt gặp Sinh ngồi vào vò xếp từng cái áo, cái quần ; thoảng thấy là Khanh hiểu : như thế nghĩa là những áo quần không thẳng nếp ấy sẽ được cấp ra góc chợ, gửi vào tiệm cầm đồ để đổi lấy trăm bạc cần dùng gấp. Sinh đã trở thành lão luyện trong việc cầm đồ, không những biết đủ tiệm, biết luôn từng loại đồ đặc mà mỗi tiệm thích cầm cố. Suốt cõi Sài Gòn Chợ-lớn, chỉ độc một tiệm ở đường Phan Đình Phùng là chịu cầm sách : chính thân chủ Sinh tiết lộ điều này ; nhưng Sinh nói thêm ngay : không phải sách nào cũng cầm được cả đâu, tự điển mà thôi ! Khanh để ý thấy lâu lâu bị mất một cuốn sách quý,

loại biên khảo hoặc loại sách giấy bồi, Khanh biết ngay rằng muốn tìm thấy lại sách đó thì chỉ còn có nước ra vỉa hè Lê Văn Duyệt, đoạn đường mua bán sách cũ. Khanh bấm bụng không nói ra, vì ý nghĩ vừa thành hình trong đầu đã nghe xót xa lắm rồi. Khanh có phương thuốc riêng may ra chữa trị được tình trạng đó : tiền lẻ và những đồng bạc kền, Khanh cho vào học tủ riêng không khóa, những đồng bạc reo vui mỗi khi học tủ được kéo ra hay đóng vào, thuở đồng bạc nhỏ nhất cũng có giá ! Vì chỉ cần hai đồng là mua được gói xôi hay nướng một tách cà phê, thêm một đồng nữa thì tách cà phê có sữa, mười đồng là đổi một chai bia. Ôi, thuở vàng son của những thằng rách rưới !

Nay, dù có dạy học, Sinh không có vẻ hơn dạo trước bao nhiêu, mặt vẫn mét, hình vẫn long teo, nhưng dù sao Sinh sắm được một bộ complet đang mặc trên mình.

Ra khỏi quán, hai người tiến lên chùa. Một trảng còi xe hơi bồng thê thê sau lưng. Sinh kéo Khanh nép sát vào còi. Chiếc xe như con thú không lộ lên cơn vượt trật qua mặt, quăng lại một đám bụi đỏ thốc vào hai người. Đến khi mở mắt ra lại và hô hấp bình thường, Sinh đưa tay phải, miệng vừa chửi thề, nói với Khanh :

— Ở đây, gặp xe, khôn hồn thì tấp ngay vào bụi, nếu có ruộng thì nhảy xuống cho chắc ăn. Bọn này lương đối lịch sự, có bốp còi đầy đủ... chắc là vì thấy bọn mình ăn mặc « nốp ».

Gần đến chùa thì Sinh lại bảo Khanh :

— Vào đình này ngồi nghỉ một lát đã. Chưa lời giờ.

Ngôi đình còn nguyên vẹn nhưng hoang vắng. Hai người ngồi xuống ở chái hiên. Cây cối mọc xanh và cao rợp mát tiền đình. Sinh nói :

— Sao cậu không dứt khoát vào Sài Gòn làm báo cho rồi ? Hay là về ở đây với tôi. Bảo đảm nuôi cậu được. Ở đây thỉnh thoảng tôi cũng có tiếp mấy chàng trẻ tuổi ở Sài Gòn về chơi, có nhiều tay làm thơ tôi lắm. Về nhà, tôi sẽ cho cậu coi. Tôi chán cộng tác với báo chí Sài Gòn, thù sống xa lánh như thế này. Nhưng tôi sẽ âm thầm làm báo riêng của tôi. Nếu cậu có trở ra Huế, cũng đừng quên gửi bài cho tôi. Trông cậu có vẻ nghi ngờ tôi ?

Khanh đáp :

— Ông lấy tiền đâu ra ?

Sinh cười quyết :

— Khỏi lo. Tiền dạy học, liền xin nơi này nơi kia. Đừng tưởng đạo này tôi không viết. Viết nhiều lắm. Khi nào hết viết nơi thì tự tử. Hở cáp mà ! Tôi viết hàng ngày, viết bất cứ cái gì, viết tất cả vào Nhật ký. Cam đoan không có Nhật ký nào trên thế giới giống như Nhật ký của tôi. Những ghi nhận về văn nghệ, thời sự, nhiều khi cao hứng làm thơ, có khi là một truyện, nhiều truyện bỏ dở đề sau này viết lại ; nghĩa là ghi kịp lúc những ý tưởng thoáng qua... Có những trang lục tữ không chịu thấu, có những trang thanh thoát như lời của Chúa...

Sinh cao hứng, nói phỉ bợt mép, mắt tròn trừng, đứng lên ngồi xuống, chỉ trở ; kẻ nào đứng xa nam thấy e phải tưởng Sinh sắp làm thịt Khanh. Khanh đã quen tai, lắm khi cảm thấy đại đao phẫn khởi, nhưng bề ngoài tình tào một cách dễ giận. Sinh nói tiếp :

— Để cậu coi tờ báo của tôi. Mà khoan, cậu phải đóng tiền vào đó nữa. Ra được số nào hay số đó, nhưng số nào cũng phải ngoại hạng. Vì tình thế, báo của tôi sẽ là báo lậu và bất định kỳ.

Khanh đáp :

— Không nói ông cũng hiểu, tôi thích làm báo, mặc dù biết rằng công việc này, một khi lao vào đó, thu hút hết cả thời giờ của mình, lắm khi bắt mình chóng mặt, không cho phép mình thực hiện một vài điều ồm ắp riêng lẻ. Tuy nhiên, công thức làm báo của tôi không giống như công thức của ông. Báo của ông dễ chết yếu, vì kiểm duyệt, vì tài chính. Tôi sẽ lấy thế làm bút rứt. Đã làm báo là xả thân, ký thác. Và tờ báo phải có làm vóc, giá trị quốc tế. Nhân thế, xin lưu ý ông một chi tiết : có tờ báo nào chỉ ăn hành hai số, năm số rồi chết đâu ? Ông cứ làm đi, còn tôi, tôi sẽ làm, chưa biết chừng nào, trong khi chờ đợi, tôi làm việc cá nhân để. Tôi tin ở tôi, và tôi còn tin rằng, dù tôi không quảng giao, dù lắm người không thích tôi cũng như không thích ông, tôi hy vọng tạo được nhiều điểm gặp gỡ giữa người khác với tôi ở bình diện cao hơn, vượt lên trên cá nhân hay những sự thường tình.

Sinh lắc đầu nhăn nhó :

— Với cậu thì luôn luôn chờ đợi ! Chờ tới chừng nào ? Chờ thêm mấy chục tuổi nữa ? Chờ tận biệt thự trong nghĩa trang hả ?

Khanh ôn tồn :

— Thì đợi có ông. Ông làm đi. Tôi tiếp được gì thì tiếp. Tôi

đã bảo tôi có việc làm riêng, nhưng loại viết lách của tôi đang bị nhà xuất bản chò. Chưa gặp thời, chưa đúng lúc. Số của tôi trẻ tráng, cường cũng thế thôi.

Câu chuyện văn nghệ vẫn tiếp tục nhưng hai người đã đứng lên.

Ngôi chùa ngự trên một ngọn đồi chi chít cây cao. Đường dốc làm hai người bước chậm. Sinh thấp thò nhìn vào vườn rồi ngang nhiên bước vào. Vườn vắng, ánh nắng dọi thẳng đứng. Cây cối ở đây không thuộc loại trang trí, cũng không có cây thanh cảnh, hầu hết là những cây lớn, đủ loại. Chùa cũng có đào bằm trù bông. Sinh chỉ cho Khanh thấy hai cành cây gầy vì đạn trọng pháo. Chùa tuy xa độ thị, xa người, nhưng không xa tiếng đạn cùng tiếng máy bay.

Khanh bắt đầu cảm thấy lúng lúng về vai trò của mình. Nhưng Sinh trấn an bạn :

— Cứ ngồi xuống đây, đừng lo. Khi nào đến giờ thì người ta sẽ báo cho mình.

Sinh không lộ vẻ gì là lo nghĩ, phấp phồng. Chốc chốc Sinh lại nhìn vào chùa, có vẻ sốt ruột. Đứng ngọ, bóng người thấp thoáng ở cửa chùa. Sinh nói nhanh với Khanh :

— Ông sư lùn là trụ trì của chùa này, người Huế. Ông sư cao là ông sự, tức là ông chủ. Còn hai bà kia là người họ hàng sao đó, không hiểu.

Có tiếng dõng dạc từ đằng xa :

— Thôi, đến giờ rồi, xin mời vào.

Hai người trở tới. Khanh ló quờ. Khanh ân hận sao mình quá đăm nhiên, sao mình không mua bó hoa cho đôi tay bớt thừa thãi. Hoàn toàn không hơn gì Sinh về vấn đề cưới hỏi này. Khanh chẳng hiểu mười mớ đầu mà lẫn. Đám người ở cửa, không ai bảo ai, cùng méo miệng cười nhìn hai chàng ngổ đang lạc vào mê lộ. Khanh hỏi nhỏ thật nhanh :

— Mình có cần nói gì không ?

Sinh tỉnh bơ :

— Kể nó.

Ông trụ sự bước tới, cười thành tiếng :

— Ít nhất cũng cất bớt nón đi chứ ?

Sinh, như cái máy, gạt chiếc mũ bê-rê xuống cầm tay, để

lộ cái đầu húi ngắn. Khanh than thêm đã sơ ý quên khuấy cái nạn đội mũ của Sinh. Sinh mau mắn, như để lấp liếm :

— Thưa, đây là anh Khanh, người tôi thường nhắc nhớ với thầy, mới ở Huế về.

Khanh li nhí chưa hết câu thì đã được mời vào chùa ngay.

Vợ Sinh đẹp như cỏ cây : cao đoang đoang, đầy nhựa sống, mắt mày đen nhánh, mũi lóc thâm thượt chảy xuống hết lưng mà vẫn còn lăm le nháy trên lên trán. Ánh mắt tưởng chừng như một bư chiều, vừa phóng tới là chạy lệch làm nhột tại người đối diện, nụ cười như vừa mới tập đầu hôm. Từ lớp học đường lung chừng bước qua lớp làm vợ, bước gì bước lại ! Nàng vừa đứng trước mặt Khanh mà thoắt đầu đã biến mất. Hai bạn được mời đến bàn nước, nơi đây nhà sư bạn của Khanh và Sinh ngồi sẵn và đang soạn lý lách. Nhà sư trụ trì ngỏ lời với Khanh :

— Chúng tôi có nghe anh Sinh nói nhiều về anh. Có anh, chúng tôi tin tưởng phần nào vì thật ra, nói anh Sinh đừng giận, anh Sinh đã cà gậy mà lại chẳng có ai đại diện cho anh. Chỉ riêng cái miệng nói của anh Sinh đủ làm cho chúng tôi mệt, lo đủ điều.

Khanh khẽ liếc Sinh, thấy Sinh lúng đặng, vội đỡ lời :

— Trước hết, chúng tôi xin hai thầy bỏ lỗi cho chúng tôi. Chúng tôi quá sơ sài thất lễ nhưng cũng mong hai thầy thông cảm trường hợp quá đặc biệt của anh Sinh và trường hợp đại diện bất đắc dĩ của tôi. Nhận được cái điện tín thăm sát của anh Sinh, tôi trở tay không kịp, phải bỏ trường vào ngay. Tâm tính của anh Sinh như thế nào thì hai thầy đã rõ, tôi không ngờ anh quyết định mau mắn như thế này. Tôi mong rằng anh sẽ sống ổn định hơn và mong hai người được hạnh phúc.

Ông trụ trì lớn tiếng gọi vợ Sinh ra nghe Khanh nói, nhưng gọi mãi không xong. Mọi người quay ra trà thuốc, nói chuyện Thủ Dầu Một, nói chuyện Sài Gòn, nói chuyện Huế, Sinh chỉ ậm ừ cho qua trường. Còn Khanh, vì thấy phía « nhà trai » chẳng ra một cái loại nhà nào cả, cố moi móc những chuyện Huế ra nói để làm quà phượng xà.

Nếu sự vụ chỉ xoay quanh việc trà thuốc thì thật quá giản tiện, tuy nhiên cũng khó lòng thất gút, kết thúc. May sao, nhà chùa đã sớm lên tiếng gọi cô đầu chú rể sửa soạn làm lễ Phật. Phải lấy tất cả bàn thờ, từ tiền đường xuống hậu đường. Ông sư trụ trì hướng dẫn, chỉ vẽ cách thức và đóng chuông đánh lễ,

Khanh đi theo chứng kiến. Sinh lay như cái xác không hồn, khi lay dỗi ra, khi thì bái bết, so le dỗi với người vợ một cách khó coi. Có lần, lay xong đứng lên hấp tấp, Sinh dỗi người tuyết đội một bàn chề xôi lôi kéo theo một tràng cười khúc khích hồn nhiên của vợ. Tiếng chuông gõ dồn dập hơn, có lẽ vì ông sư trệ sự hết lòng mong ở Sinh một sự nghiêm chỉnh tối thiểu, mà chỉ còn cầu sao chóng xong việc thì thôi.

Buổi lễ chấm dứt bằng bữa cơm chùa. Mãn trước đầu cũng gần lược thành miễn rước dâu. Riêng Khanh cảm thấy khộc náo ngoài dự tưởng. Dù sao, anh không nên nổi thắc mắc, phải bám Sinh, hỏi :

— Không rước dâu à ?

Sinh cười lia lịa :

— Rước quai gì, tôi có dọn riêng một chỗ ở gần đây, chiều tôi vợ tôi xuống. Minh về ghé qua một lát.

Khanh, Sinh và nhà sư bạn, sau khi từ tạ nhà chùa, ra về thong dong như khi đến.

Chỗ ở « dọn riêng » của Sinh là một túp nhà lợp tranh, nhỏ bằng năm tay, nằm trơ trọi giữa một thửa đất trống, chỗ ở quá hăm hín, quanh quẩn, như bị ngắt lia ra khỏi vùng tập cư. Vào đến bên trong, Khanh cảm thấy nghẹn hần nơi cổ họng. Sinh nói tự nhiên :

— Đây là một cái chuồng heo, người chủ bán heo xong, cho tôi mượn chỗ. Tôi với vợ tôi phải mất một ngày trời quét lóc, lầy uế. Đâu có mùi gì nữa, phải không, phải không ?

Khanh chảy nước mắt trong lòng và thương bạn hơn bao giờ hết. Anh tránh nhìn Sinh, đảo mắt nhìn lần lượt những tấm giấy dày màu trắng được dính vào tường che bớt những khoảng phen lỗ chỗ, trên đó Sinh dán một hai tấm hình nhà văn quốc tế. Bàn viết của Sinh thì ngàn nắp, đẹp đẽ ; ngay ngắn ở giữa bàn là một cuốn tập dày dặn đóng bìa da đen mà Khanh nhận ra ngay là Nhật Ký của Sinh. Cái giường tre ở một cách thế đặc biệt : nằm trên miệng hăm trốn bom đạn. Khanh không trông rõ bề sáu của cái hăm, chỉ thấy người tượng tượng cảnh người nằm trên giường, qua mấy cái nẹp tre, nhìn xuống hăm như nhìn xuống lỗ huyết. Đám cười giữa thỉnh không. Cuộc tình trên miệng vực.

Sinh đến bên bàn viết, lục lạo một hồi :

— Cậu lại đây xem thử, tờ báo của tôi sẽ dành cho những bài thơ như thế này.

Khanh đỡ lấy mấy mẫu giấy rời, đọc. Có bút hiệu quen quen, có bút hiệu lạ hoắc, nhưng hình như toàn một dòng thơ mệnh một thể nào, và chịu ít nhiều ảnh hưởng của Sinh.

Khanh phác một vài nhận định sơ sài, trong thâm tâm Khanh chỉ muốn nói với Sinh vài lời khác, thế mà, rốt cục bao nhiêu câu kéo không chịu thành lời.

Sinh sẽ tiếp tục sống ở Thủ Dầu Một, với lớp học, với túp nhà, với vợ. Thỉnh thoảng anh sẽ lên Sài Gòn chạy vay in sách.

Khanh, đã bỏ trường, bỏ Huế, sẽ nán lại một thời gian ở Sài Gòn, chừng bao lâu, và để làm gì ? Đi dạy lại ? Làm báo ? Hai việc làm thời bất ổn. Khanh sẽ khẩn gởi lên hỏi ý kiến Đà-lạt vậy, trong một thời gian ngắn, trước khi quyết định, mặc dù anh dư biết Đà-lạt, vốn thâm giao với anh, là một nhân vật không đủ thẩm quyền giải đáp những khúc mắc của tâm trí, bất quá chỉ có thể phụng hiến cho anh một vài giây phút nghỉ ngơi hay một vầng bóng tình yên bất chợt nào đó thôi ; những điều này, trong lúc này, không cần thiết cho Khanh.

BỮU Ý

Chỉ còn một số rất ít :

T H O S A Y

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG XUẤT BẢN

Nhật Ký Xuyên Sa Mạc Tuyết Bắc Mỹ Châu

1. ti vi và diễn thuyết

Thả trên dòng lịch sử trống trơn
mảnh phim và giọng nói
mọi ghi âm
Tôi lên đường
mây trời
gió thổi
thành thời nơi mưa nắng
vào
ra
Sá chi
những mảnh rời tròng hợp
những đá cây cọ mài
lửa loè chổe lát
trên sườn rừng ý thức
soi mặt mây lá hoa.

2. người tình

Em

tôi gọi tên em

rừng đông mây mưa

thi thiết tuyết dày

cánh đông mù trắng

vì vút cuồng phong

ngợp trời tiếm thức

đất xé sóng tuôn

Cuộc tồn sinh sóng vỗ chấp chùng.

3. già từ ontario

Chiều âm thầm xuống ngõ

vòm mắt Đêm nhìn con sóng để

bầy chim trắng tung bay

Xin gửi lại chuỗi ngày

Đại-tây bằng già

Bắc cực lạnh cuồng

tiếng nói ghi âm

vọng từ đất Tò

hình hài thần thánh

phim chiến lung linh.

4. mối tình phụ rẫy

Một người đàn bà

ngồi ôm ba thần tượng

lưỡi nọc phát phơ tình duyên chồn cáo

Bởi nàng không là hoa
 nước mắt không thành lá
 Bằng vẻ đẹp tôi trao
 nhưng nàng không đẹp thực
 Bầy quẻ sống đua theo tôn nàng làm quận chúa
 Nhưng tôi thoát vị đã lâu rồi
 có chim
 và mây
 làm chứng
 có gió và đêm nghe rõ
 bãi cát con đò
 biết đó
 Lòng tôi đây sóng nước nở tung bờ
 trái tim kia máu chảy về đen đỏ
 trọn đời sau chứa nỗi thác tuôn ?

5. thương hoa lưu lạc

Lối mòn nào chuông mõ
 ngọn đèn mờ tỏ
 thấp bởi nhớ thương
 Em đã bị đánh lừa
 nơi rồi « lời » già cõi
 sợi giây gai thỏ lỏ
 không một chiếc bông hoa.
 Ôi.

6. em bé thoát sinh

Dưới chái tranh nghèo
 bên bờ sông biếc
 nằm trong sắc lá

em bé bi bo
 xa nghe bát nhã
 trong như trời xanh
 trong hơn chim thanh
 Tôi ngồi cười ha ha
 nhờ tiền thân rung động bóng trăng
 Mùa thu chợt về
 trả lá cho xuân
 Lời đang giữ nhịp mùa đi chẳng rụng
 du vào chim
 vô thế gọi uyên nguyên.

7. người thi sĩ giả danh

Anh vẫn thường ngồi ca
 những người hai mươi tuổi
 Anh vẫn thương thương thiết
 tiếng khóc bé thơ
 dù chẳng bao giờ
 ôm con đổ vào lòng
 lo từng miếng cháo mâm cơm
 Thôi đừng chấp tay cầu nguyện
 khi chối từ tiếng khóc
 Thôi đừng bay đuổi bồ câu
 trên kênh hà rong rã
 Tiếng nguyện ngón trẻ gọi anh không về
 Từng vũng tối anh thở mù cuộc sống
 tôi ngồi nhìn lòng bát ngát hư không
 Chợt đâu có tiếng ngày xưa thuở nhỏ
 vọng về trong tiếng khóc nửa khuya
 và lời Mẹ buồn thiu ru dỗ.

8. tán vong

Một ly nước trong
 Một hòn bụi đất
 rơi rớt vào nhau
 đất không còn cứng
 nước mất mình trong.

9. người đàn bà mang thai và người thầy tu giả hiệu

Lặng lặng dưới trăng
 chờ trong xa vắng
 vũ trụ đếm giờ
 trong cơn sinh nở
 Nỗi đau nằng biển đời
 sóng cồn
 hỏa diệm
 đất nung
 Loài ó chấp chờn điều hâu bay lộng
 Con đại bàng khép cánh đứng trông

Niềm đau đỏ có niềm vui đường ngo
 nu chỗi áo ử
 hương nắng dung đưa
 liếng lựa liếng lợi
 cánh phượng sà nghiêng
 Oi kỳ vĩ mỗi một lần để sinh sự Sống

Hồng chung vọng
 cây lá xoè hoa nở
 Sao ông thấy tu đó giết mình
 Sao ông khẩn cho nàng mang nặng quai thai
 Ông muốn mình ông chủ nhân ông cuộc sống
 nơi căn lều trú ẩn
 ông gian nhớ đức Quan Âm

10. bóng dáng thiền sư và mặt trời thoát sinh

Hư không giết thối
 gió nổi mình gai
 cây khế trên đời bóng thắm biếc
 lá cỏ chào ca
 Vị thiền sư nhập lưu chạm rỏi
 mười ngón tay sen ấp ủ trái Hồng
 lòng trống không e ngại
 gió hoa thắm kín
 bốn bề giảng che chở bé sắp sinh

Ôi cuộc chiến đấu nghìn năm
 sáng ngời thành tựu
 trên những dòng sông xanh lênh láng trời xai

Nửa khuya tuyết lộng
 người đàn bà trần trổ giữa bốn tường cao thủ hận
 mắt đầm đìa bóng dáng Thiền sư
 « Chị hãy ăn đi ăn Hồng đi và sinh hạ con trai »
 « Chị hãy ăn đi cho luôn lưu dòng Sống »
 Nguồn xưa lại chảy

lệ thái dương rót xuống vô cùng
muôn trăm hệ Năng
Trống Hội tung bừng
làng cũ nguy nga
quầy quanh Bộ lạc.

11. em lại trở về

Em bỗng hiện ra
lung linh tiềm thức
hư linh trời cao
con sông đông xanh sáng mát ngời
Em ơi !

12. tiếng mới nguyên trình trong ngày già từ

Tiếng con sáng hát thủy tinh
không thể để lộn sóng
tiếng hét la điện thuyết
Tiếng con má áp vào chuông
trăm ca ngàn vọng
khi những bóng ma thầy liệt từng trên mộ địa
giữa cuộc tồn sinh

Ồi chốn này đây chốn này đây
bảy năm tủi nhục
bảy năm đau đay
bảy năm gìn giữ quê hương không một lần cúi quỳ

Tà áo bần nào đã phất qua ?

Hương trầm trống lạnh
mặt mình nhìn chuông mõ đơn côi
suốt đêm ngồi bên Phật
ngồi thêm hoa tuyết tuôn rơi

Trời sáng rồi lời phải ra đi
những thương để của đời đuổi loài người vào cơn
khờ lự

Trời sáng rồi lời phải qua sông
con đò trên tay giông Marne tuyết tràn
chân bám cát bùn nhìn cao Bắc đẩu

Tôi ra đi
manh áo vá vai khôn đủ ngực hàn
nhưng bàn tay trong sạch
Lòng liếc thương cây Tuyết đào chưa kịp nở chia
tay

Em ở lại nhé
hồn hoa trinh bạch
tới Xuân ta lại trở về
tới Xuân chim sẽ báo Tin

Ôi cuộc tồn sinh chung thủy.

Thi vũ

DU TỬ LÊ

Đời Ta

hồn là đẹp, nhưng đời là lắm quạ
Ng. Tất Nhiên

Chắc chị Giao sẽ thất vọng không ít với chuyến trở về lần này của tôi. Những việc chị dặn dò tôi không làm được tôi một phần ba. Tổng kết thộn chí tối đa trong bảy nhiều ngày trở về phố cũ, ngoài hai xấp hàng và đôi giấy đặt theo mẫu chân đo sẵn, tôi không làm thêm được một việc nào khác cho chị, đúng hơn những việc còn lại chất cao như núi kia, cũng có sáng lên đôi lần trong trí nhớ mù mờ của tôi. Tôi không muốn đổ lỗi cho chàng. Bởi với tôi, thời gian được gửi gắm bên chàng, như thế vẫn là chưa đủ, dù sự thực nó đã quá mức, nó đã quá đáng trong mắt nhìn thấy rõ của mẹ tôi, những buổi tối ngồi chờ tôi trở về. Những khuya khoắt khi ba tôi đã rời chiếc xe lăn của ông để nằm vào chỗ nằm bao năm khô cứng và lạnh lẽo như ba mặt ván khô của một chiếc quan tài không nắp. Một lần nào đó, khi tôi chưa lìa khỏi chiếc bàn ăn âm thầm với người mẹ lặng lẽ chịu chất từng bữa, với người anh lạnh lùng cùng những nếp nhăn như những sợi dây thung chừng giã, dãn sâu trên vầng trán tối, và người chị đầu nin giữ nụ cười mình, để quên đi tuổi thanh xuân vừa chớm, ba tôi bảo, khi tôi leo hết những bậc thang gác chênh vênh, lên chỗ người ngồi, bẻ một cửa sổ nhỏ để đỡ người vào giường nằm; Con để ba ở đây thêm chút nữa. Ba sợ lắm, chỗ nằm của ba. Ông nói và nhìn vào chiếc giường nệm vụng xuống, in dấu một hình thù nào đó, không phải là hình

người) Con có thấy trời đêm nay nhiều sao? Bà chỉ nhìn được có một vì sao mà thôi. Sao hôm đó con. Bao giờ cũng thế, sao hôm. Sao hôm. (ông lặp lại hai chữ này với cái giọng khác thường. Cái giọng nghe thoáng như một hơi thở yếu hắt ra từ một lồng ngực lép). Tôi rùng mình lùi lại, dựa lưng nơi vách ván, dìm hẳn mặt mình trong khoảng tối sệt đặc sau lưng ông. Hình như cùng lúc, ở trong tôi, dấy lên những cảm giác cùng ý nghĩ mâu thuẫn. Tôi chợt thấy thương ông như thể sau câu nói thều thào kia, chắc chẳng bao giờ ông còn nói nữa, ông đã lắt thớt và tôi là người cuối cùng, được nghe cái giọng nói (không phải) của ông. Cái giọng nói của một kẻ xa lạ. Chính cái cảm giác này, đã đưa tôi những gai ốc trên hai cánh tay và dọc theo sống lưng, tôi đưa tay bụng lấy ngực mình. Hình như tôi tin tưởng chỉ chỉ này sẽ giữ tôi đứng vững hơn và sẽ giúp tôi nhìn thấy tấm lưng của kẻ lạ mặt chính là bà tôi. Chính là người đã nuôi tôi từ những ngày còn trong bào thai. Chính là người mỗi buổi sáng đã ôm cặp bước ra khỏi nhà, để nuôi cả gia đình tôi, và tôi là người đang tiếp tục công việc cơm cỗi ấy. Tôi không muốn đổ lỗi cho chàng, mặc dù chàng là cái cớ hay nhất và đáng nêu nhất, như những người con gái khác thường viện dẫn, để đánh lừa, để gìn giữ một cách không thực, một cách mong manh, giả dối với chính lòng mình. Không. Tôi nhìn nhận, tôi đã đi chơi với chàng. Tôi đã trở lại những con đường bao năm trước đây tôi đã đi qua. Tôi đã hít thở cái lượng không khí của những năm tháng cũ. Những năm tháng chưa có hình bóng chàng trong đời tôi. Những năm tháng tâm hồn tôi còn như một dải khói, trí óc tôi còn chỗ cho những mơ mộng như cỏ xanh vươn lên sau một trận mưa to tã. Bây giờ tôi trở lại, trên những con đường đó, dưới những tán cây và hít thở cái lượng không khí đó. Tâm hồn tôi đã không còn là một dải khói, Trí óc tôi đã không còn là một nơi uơm giữ những mơ mộng của một thời trẻ dại mà tâm hồn tôi đã trở thành nơi cất giấu những nỗi nan, những đam mê, những run rẩy, sáng lên từ đôi mắt chàng đắm đắm, từ cánh tay chàng buồn bã (và thô bạo). Tôi không muốn đổ lỗi cho chàng bởi quả thực chính tôi, mới là người hưởng được từ chàng những gì mà tự tôi, không thể có. Vậy thì có lý gì, tôi lại đổ lỗi cho chàng khi mà chính tay tôi đã nâng những ngón tay chàng thơm khét mùi thuốc lá lên môi hôn. Có lý gì khi chính tôi, đã ngã đầu vào

ngực chàng và thớ thịt da chàng ngái ngái. Có lý gì khi chàng ghi siết lấy tôi, tôi đã lao đi (để trở thành một tôi) thành thang bát ngát, một tôi như trăm nghìn con sóng lớn, một tôi như bát ngát chân mây. Có lý gì khi chàng cái hôn tôi, đôi mắt tôi nhắm lại, hơi thở chàng nồng nồng, và những tế bào như nở ra, như lơ phồng lên để chứa đựng cho căng hết cả cái thể tích có được cái rung động ngáy ngáy, cái cảm xúc như dao nhọn, cái vạc từng đường máu chảy, trên cùng khắp thân thể. Có lý gì, như tôi đang ngồi với chàng trong ngôi quán này. Buổi chiều bị những lưới sắt nặng nề cất thành từng miếng vuông, với những sợi nặng còn đọng lại ở bên kia đường và trong những sợi tóc tôi đang bị những ngón tay chàng lấy đi khỏi đôi môi. Và cũng những ngón tay đó, chàng vuốt lần từ vai xuống tới những ngón tay tôi. Toàn thân tôi run rẩy.

Chàng nói :

— Nhỏ đang nghĩ tới ngày đi ?

— Em không thích anh nhắc tới chuyện đó.

Chàng cười, đốt điếu thuốc mới :

— Nhỏ không thích bởi đó là điều trước sau gì cũng phải tới.

— Hay nó không bao giờ tới.

Tôi trả lời chàng và nhớ tới đêm nói chuyện với anh Long. Anh không muốn tôi xa gia đình thêm. Anh muốn tôi bỏ tất cả công việc để trở về. Anh nói mẹ đã già, ba sống chết ngày nào không biết. Em nên về, và tiếp tục học lại.

Tôi còn nhỏ để đi học lại, nhưng đời sống đã cho tôi những cái nhìn không còn thích hợp với giảng đường, với giáo sư, với bằng hữu. Tôi hỏi chàng phải chàng như vậy. Chàng bảo « Nhỏ không còn thích hợp với bất cứ một việc làm nào, ngoại trừ việc yêu anh ».

Chàng cười nhìn sâu vào mắt tôi :

— Dù sao thì em cũng nên thu xếp những công việc còn đang dở dang. Em ở lại thành phố này hay ra đi để sống lại những ngày tháng đã qua, nơi đó, với anh, ở đâu cũng được. Ở đâu, em cũng vẫn là em. Là nhỏ. Nhỏ của anh. Lâu lành thơ ngây và tuyệt diệu.

Tôi nép vào người chàng và giữ lấy bàn tay chàng trong đôi tay mình chan chứa. Tôi không biết phải nói gì, để chàng

hiếu tôi đang sung sướng. Tôi đang xúc động. Mỗi khi sung sướng, mỗi khi những xúc động chợt vẩn lên như vậy, thường tôi không nói được. Hình như ở trong tôi lúc đó tất cả đều nhẹ đi, đều loãng ra, để chỉ thấy một điều, quả thực tôi còn nhỏ, Tôi còn nhỏ lắm. Tôi chưa bước qua cái tuổi trưởng thành để phải bước vào đời sống. Tôi cũng chưa bước qua cái tuổi trưởng thành để có thể tự mình, đứng như cây. Tự mình, đứng như núi. Tôi vẫn còn cần một mái nhà để trở về. Tôi vẫn còn cần một bàn tay chăm sóc và hơn thế, tôi mới khám phá thấy (gần đây thôi, kể từ ngày gặp chàng) tôi cần, một ánh mắt, một ánh mắt như ánh sáng của vì sao hôm (trong đời sống những ngày tuổi già bệnh hoạn của ba tôi) để nương vào đó, tôi bước đi, những ngày gió lớn, để nương vào đó, tôi bước đi, những đêm đông lạnh. Tôi cần, phải tôi cần, một cái gì khác hơn cơm áo. Tôi cần một cái gì khác hơn những thứ mà mẹ tôi có thể cho, anh chị tôi có thể chia sẻ. Nhưng bản chất tôi, vốn là bản chất của phiến đá, nếu có thể ví von như vậy. Tôi là một cái gì đã thành khối, đã kết tụ, và tự đó, bao nhiêu va chạm, bao nhiêu xô đẩy trên lời chỉ là những giọt nước xối trên một mặt gương dốc. Cho tới khi tôi gặp được chàng. Có người sẽ cho tôi lãng mạn, cho tôi bị nhiễm độc bởi tiểu thuyết, nếu tôi ví sự gặp gỡ chàng, ở tôi như giọt lệ của nàng My. Nương nhỏ xuống chén trà trên chính tay nàng, và hình ảnh nũng nịu khờ luy của anh Trương Chi lúc đó mới tan đi. Nhưng có một điểm khác biệt, tôi nghĩ, cũng nên nói ngay rằng ở một mặt nào đó âm thầm của mặc cảm và tiềm thức, tôi đã tự ví mình như một thứ Trương Chi. Cái vết chàm trên trán, ở một góc khuất, ở một chỗ mà tôi có thể kéo cho những sợi tóc che đi, chính là cái nguyên nhân đã nung nấu trong tôi cái ý nghĩ chua chát ấy.

Tôi muốn trả lời chàng lời bắt đầu cảm thấy ghê tởm thành phố đó. Gái thành phố của ác ý, những độc địa tin đồn. Cái thành phố, không dĩ vãng. Cái thành phố của những gì tạm bợ nhất và trắng tráo nhất. Nhưng rồi tôi lại chỉ có thể nói được một câu ngắn ngủi:

- Em sợ. Trở lại.
- Ai cũng sợ những trở lại, và ai cũng mơ ước trở lại.
- Đó không phải là chỗ của em. Chỗ của mơ ước,
- Sự thực chẳng bao giờ chúng ta có chỗ. Chúng ta chỉ có

một nơi chốn, hiểu theo nghĩa nào đấy mà mình tự lựa chọn lấy.

— Là trái tim của tình yêu ?

Chàng gật đầu buồn bã :

— Và những kỷ niệm.

... Hình như anh hay nói với em về những kỷ niệm, những ngày thơ ấu dần dần trong một quá khứ rách rưới. Hình như anh ưa nhìn sâu thật sâu nơi mắt em. Ôi đôi mắt chim. Đôi mắt mà ai đó, viết rằng đó là nơi người ta có thể tìm thấy những bóng chim mỗi cánh giang hồ đưa lại. Và ngủ gục. Rất ngoan. Hình như anh đã gục em, anh đã gục em từ cái phút gặp đầu tiên của gặp gỡ lứa nhất. Hình như, anh cũng đã nói với em, ở đâu đó, trong một góc xó tối tăm nào, dưới một tàn cây, ở một hè đường, trên một bệ đá, anh gục em. Anh gục em. Hồi nhỏ. Em không thể hiểu được tình gục của anh nếu em chưa hiểu cái nghĩa của núi thì nghỉ năm cô đơn, và ngựa thì một đời buồn bã. Em không thể hiểu được tình gục của anh, nếu em chưa hiểu điều đáng nói không phải là tình gục thế nhất mà chính là cuối cùng, một kiếp, tình gục có còn đấy ? Hình như, phải hình như, anh đã ôm em và hôn em lần đầu, khi chúng ta chọn một góc tối của một ngôi quán vắng, và giữa bóng đêm và giữa tiếng nhạc bập bồng của một ngày cuối năm, của một ngày vừa được qua đời em, một tuổi khác. Và em, những giọt lệ vu vơ đã ứa chảy. Và anh, bàn tay khô năm đã xoe ra cho chính mắt nhìn mình ngó xuống. Hình như anh đã mơn quỳ xuống dưới chân em, như một con chiến lược một thiên thần thánh thiện. Và em, đã mắt mở lớn nhìn buồn, đã tóc mềm trên môi, như giữ anh, như níu giữ một sợi khói mong manh, nhẹ hẫng. Hình như anh đã nói với em, nhiều lần về một tương lai tối là đang đợi chờ em ở cuối đường đêm dưới, và em đã trả lời : Em biết. Và em đã gật đầu, lặng lẽ quay đi. Hình như anh đã hôn em lần nhất, một lần, khi chúng ta ngã lưng ở giữa chừng con đường dẫn lên đỉnh trời, mà biển xanh dưới thấp. Khi anh buả em, em lặng chết như một tàu lá non vừa lìa cành, thiếp đi khi bão tanh. Hình như dĩ vãng em đã mở ra trong anh, cùng những nhạc nhân những u uân tương sẽ theo em và ám thầm về thế giới bên kia của sự nổi thình bần bật. Và đêm đó, phải không em, đã khác. Em khác thật ngon, trong tay anh, và trái tim em thì lại đập quá nhịp. Hơi thở em nghẹn lại và ngực em nóng ran những hơi

thở không thoát được. Em hiểu gì, hơi nhỏ, hơi nhỏ dần gần kia, Em hiểu gì khi toàn thân anh run lên và hàm răng nghiến lại. Đó là lúc anh muốn cầm sứa trên da thịt em thơm mát trình nữ, những vết hằn sâu của những chiếc răng chưa đầy dạo vụng. Em hiểu gì khi anh đưa em về, chỉ Giao đường chờ em sau tấm màn lụa đỏ. Anh nâng cầm em lên và nụ hôn được gửi lời giữa trán. Nụ hôn được gửi tới vết chàm trên một góc nhỏ của vuông trán em, bập bồng sâu thẳm. Em xuống xe và những bước chân run chạy đau, nhều trên một nền sương đất đỏ. Em biến nhanh, biến đi thật nhanh trong bóng tối, như một nàng tiên không có thật. Như người con gái anh chỉ gặp trong giấc mơ lẻ loi giữa gối chàn anh về sáng. Em đã gần. Em dần gần ngàn đời, hơi nhỏ, hơi nhỏ của lòng anh dần rở và tham lam, ích kỷ.

Lạy Chúa chúng tôi gần nhau và không cần có người chứng giám.

Chuyến xe đem chúng tôi vào khu vực của những người xa lạ từ tiếng nói tới đời sống. Phải nói là lòng tôi biết trước nơi đến nhưng tôi im lặng và chỉ giữ trong tay mình, những ngón tay chàng yên lặng. Sự trở lại thêm một lần không đủ cho tôi cái cảm giác quen thuộc và hết hoảng hốt. Tuy nhiên, vì yêu chàng, vì đã tự nguyện hiến đời mình cho chàng, đúng như những ý niệm dứt khoát của tôi về tình yêu, về người-một-đời, nên tôi cố tạo cho mình một bề ngoài cứng cỏi. Lạnh lùng sau khi nói với chàng một câu ngắn, một câu mà tôi biết trước chàng sẽ chỉ đáp lại bằng cái nhìn đắm đắm, xoay buốt :

— Anh ..

Một chữ, tôi không hiểu, đã đủ chưa ? Đã không ? Diễn tả tâm trạng cũng như tình yêu và lòng tin cậy phó thác nơi chàng. Lần này, chàng đáp lại, cũng chỉ bằng một tiếng thốt kêu sẽ sẽ, tiếng chiêu dụ mơ hồ của loài chim cánh lớn :

— Nhỏ.

Căn phòng mở ra, tôi lao chao trước khi ngã xuống. Chàng vẫn thô bạo và tham lam với một trận mưa hôn trên khắp thân thể tôi. Giống như, tôi đã thành một con sâu kén. Một con sâu kén. Tôi cuộn gọn mình lại, trong chiếc kén chàng, nóng hổi và nháp cứng. Thời gian đã không còn là một ý niệm, vì nó đã ngưng đọng. Nó đọng lại ở một góc của căn phòng, ở nơi ngọ

đèn lưm lưm vách tường với sẵn, ở tấm màn nhung thả xuống óng ánh màu huyết dụ, cách ngửa với bầu trời phía ngoài và những tiếng động ồn ào ở dưới thấp. Thời gian chảy trũng xuống hố thẳm của cảm xúc thanh thoát lữ ngơn. Lát sau, chàng buông lời ra, để loay hoay lưm đỏi mắt. Tôi giấu mặt mình vào ngực chàng. Tôi hôn lên và xấn hổ trong tình yêu, trong những ve vuốt xác động. Tôi xấn hổ với những bốc cháy rực rỡ tự nhiên, bừng bừng trên từng tấc thịt da đầm đẫm mùi thuốc lá và mùi hơi của chàng. Tôi xấn hổ nhưng tôi nhìn nhận nó.

Tôi nói :

— Hừng nhin em.

Chàng hỏi :

— Tại sao ?

— Không biết. Nhưng anh đừng nhìn. Em không cho anh nhìn đâu.

Tôi nói qua lớp vải mang mùi mồ hôi chàng. Hình như chàng cười, và ngửa mặt lên trần thả những hơi thuốc đã bắt đầu để chịu với tôi.

Chàng bảo :

— Em biết tại sao anh yêu em ?

Tôi dụi dụi mặt mình vào cạnh sườn chàng, thay cho cái lắc đầu.

— Tại em trẻ con. Em trẻ con, em thơ ngây và khờ dại. Đôi khi anh nghĩ ngờ ngay cả em, có thực ? Ngay cả tình yêu chúng ta, có thực ? Có thực không, chúng ta đang nắm với nhau ở đây ?

Tôi hỏi tại sao chàng lại có thể nghĩ ngờ cái mà lẽ ra chàng phải thấy không thể thực hơn. Phải, không thể thực hơn, khi tay anh lắn mò trên mặt em, khi môi anh lướt lên trên người em. Khi những ngón tay anh kẹp lại, kéo dài cái môi nhọn của em. Cái môi mà anh vẫn gọi đùa là môi của ông De Gaulle. Cái môi của Cléopâtre, nếu có đẹp chắc cũng chỉ đến thế là cùng.

Chàng đáp :

— Tại vì em tuyệt vời quá. Em gây gò, em ốm yếu quá. Em mong manh khiến anh luôn lo sợ, như lo sợ một cái gì đã rạn nứt...

Tôi giắt bốt trang nghiêm và nén xuống phần nào ngọn sóng cảm xúc vừa dềnh lên sau câu nói của chàng :

— Hóa ra em tuyệt vời chỉ vì em là đại diện của hũng tâm tre... và đây lý luận tiếp thêm một bước nữa, thì những người đại diện cho hũng tâm tre là những người tuyệt vời nhất nước ?

Chàng cười thành tiếng và tát liên tiếp mấy cái trên má tôi :

— Nhỏ. Lém vừa chứ.

Tôi cãi :

— Bộ không đúng như lời anh nói sao ? Ờ...

Những trái xanh hạnh phúc rớt xuống cuộc tình chúng tôi như những hạt mưa liên tiếp. Những hạt mưa thật lớn của những cơn mưa rào, không dứt. Vậy mà không hiểu sao tôi lại sợ hãi hơn cả những giây phút một đời đó !

Tôi bắt đầu kể cho chàng nghe những gì đến với tôi, từ khi gặp chàng. Những gì trong lớp học, những gì trong gia đình và những người quen biết với cả hai đứa. Tôi không có ý để chàng thấy cái mặt thật ẩn sau những chiếc mặt nạ tốt đẹp là linh thân, là tình bằng hữu (đáng quý theo chàng) nơi những người bạn của chàng. Những người mà có lẽ tôi gần họ, tôi va chạm với họ hàng ngày, nhiều hơn chàng. Tôi đã cố tránh và giấu giữ được nhiều lần, những chuyện đó. Vậy mà, giờ đây, tôi đã kể. Tuy nhiên, tôi lại thấy mình đáng được giảm khinh phần nào vì tôi vẫn còn giữ lại được một điều, một điều đau lòng, một điều khó nói... Chẳng bao giờ nên nói, phải không anh cái điều ấy. Và nhỏ nghĩ, chính anh, anh cũng không muốn nghe lại dù là sự thực. Một sự thực như máu đang rào rào cuốn trôi tình yêu anh nặng nề ngược xuôi trong tim em. Một sự thực nếu được lặp lại, cái chưa xót sẽ khủng khiếp cả trăm lần hơn, ở em. Đó là đời sống của anh với những bữa vậy, những vòng dây trời siết. Những điều đó, không phải em không biết. Không. Em biết từ những ngày chúng ta chưa yêu nhau. Em biết từ những ngày em còn một mình lóc ngậm ngang môi bít giữa những hàng ghế của giảng đường, khi mà tâm hồn em còn thơm mùi sách vở, còn mát buồm guốc gỗ đôi chân. Nhưng người ta, phải người ta, cái đám đông có mặt mũi, có đầu óc chứa đựng những mũi tên tâm độc đã không ngọt bùi vào tâm hồn em, những lượng thuốc giết người, những mũi dao nhỏ nhen, hèn hạ. Nhưng cái đám đông kia, những con mắt đó, những hình thù thú vật nọ, đâu có biết, chính những bất toàn, chính những đe dọa chấp chờ, những hứa hẹn tương lai thâm thiết, những đường gươm định mệnh chôn vùi trên đầu cuộc tình chúng ta, trên chính ý nghĩa tận cùng và duy nhất của đời

sống em, đã làm em, thấy thiệt tha hơn, đời sống mình. Thấy cao cả hơn, tình yêu của em, thấy hùng vĩ hơn đời sống và tâm hồn em nguy nga. Dù cái hùng vĩ đó có là một hùng vĩ hắt lại từ một mặt khác của điều tàn. Dù cái nguy nga đó, có là một nguy nga hắt lại từ một mặt khác của tối tăm, tối tăm. Nhưng em chấp nhận, như em đã chấp nhận đời sống này. Chấp nhận đám đông, chấp nhận định mệnh (dù thế nào) khi em bước những bước chân đầu tiên rời xa khỏi vòng tay che chở rào đón của mẹ. Họ, cái đám đông hèn hạ, cái đám đông có binh thú, biết đâu rằng, em quan niệm, thà sống được một phút với ước mơ mình đã tưởng, thà hưởng được một giây đời sống mình đã ước, còn hơn sống một đời, sống cả kiếp nhát lẽ, còn hơn ôm trong tay, cả đời một binh thú mà mình không chút cảm kích, yêu thương và đắm ngắt. Tình yêu hiểu theo một nghĩa nào, phải là đóng bão bất ngờ từ trời cao trút xuống. Tình yêu, cơn địa chấn giật sập, bóp vụn thành từng mảnh nhỏ những kiên cố nghìn năm. Tình yêu không là một van xin, một nài nỉ. Tôi nghĩ thế. Và tôi yêu chàng, và tôi trong tình yêu chàng như một chiếc lá bị xoáy vào giữa tâm bão. Tôi không đắn đo, không so kè, chẳng tính toán. Tôi yêu chính tình yêu (đau-xót?) của tôi. Có lẽ thế. Có lẽ đó là cái lý do giải thích được tại sao tôi chọn chàng để yêu trong một nhin trước, bi đát. Trong một nhin trước, tang thương. Đám đông kia hỡi, đã hiểu gì? Mai kia, có thể chàng sẽ bỏ tôi, và một kẻ trong đám đông có thể vẫn còn mơ ước được có tôi làm vợ ới thậm hại thay kẻ nào đấy! Tôi kể cho chàng nghe những buổi sáng sau cuộc chia tay, một mình tôi lủi thủi tới trường. Những buổi trưa trở về trên những con đường dấu xe còn nguyên vẹn. Những buổi tối nằm giấu mặt vào chiếc gối lạnh và tưởng tôi mùi hơi chàng thoang thoảng. Tôi nói với chàng miên man, đủ chuyện. Tôi đem cả chuyện chi gi đó, anh gi đó, những người mà chàng không hề biết mặt, kể với chàng như thể chàng cũng đã từng tham dự ít nhiều vào đời sống họ. Tôi nói nhiều, tôi cố gắng và tìm mọi cách nói không dứt, hình như để khỏa lấp xúc động đang ứ nghẹn trong ngực tôi. Chàng lắng nghe với một tai và óc thì nghĩ tới những gì, đâu đâu. Một chốn nào? Một cõi mà lấm lấm nào? Mà tôi, không có đó. Tôi nhận thấy chàng thường có những lúc xa vắng cách biệt hoàn toàn như vậy. Dĩ vãng và kỷ niệm của chàng như rừng. Trong khi tôi chỉ là một con sóc nhỏ. Những cố gắng của tôi chỉ

đủ để khám phá, lượm nhánh cây, từng khu vực nhỏ trong cánh rừng đời sống chàng thanh thanh. Tôi không một chút ghen tỵ với phần chiếm giữ khiêm nhường của nó được trong mảnh mỏng đời chàng, út lúp. Tôi bằng lòng với hiện tại, chàng ở bên tôi và tôi ở trong chàng. Tôi bằng lòng với những phút giây chàng nhìn ngắm tôi như một báu vật. Một báu vật linh thiêng và kỳ diệu. Phải chàng chàng đã làm tôi lớn lên và nhỏ lại, cùng lúc trong những tia nhìn, những vòng tay, những nụ hôn làn bạc, và quá lắm.

Tất nhiên dù tôi có miễn man với những chuyện kể của mình tới đâu, cuối cùng tôi cũng phải ngừng lại. Cuối cùng, tôi phải im lặng để lắng nghe trở lại (cái mà mình muốn trốn chạy) những xúc động lẫn đầu những thấp sáng có một, chưa hai, nơi con người, nơi những miền bí mật trong tôi. Lẫn với cảm xúc quặn thắt là những đau đớn xé nát thịt ra, thấu tới xương, đọng lại tủy tôi kêu lên những tiếng kêu xa lạ chưa hề, tôi cố cắn răng, nhưng những giọt nước mắt đau đớn vẫn ào ạt tuôn. Chàng ghi lấy tôi, trong cơn mê và trong xót xa thương yêu. Chàng giấu mặt trên ngực tôi. Chàng giấu mặt vào những lọn tóc tôi lòa xòa dẫm mồ hôi nước mắt. Có lẽ chàng không đành lòng nhìn tôi đau đớn quằn quại trong cơn mưa dầm dĩa của cảm xúc và lòng tin yêu tuyệt đối. Có lẽ chàng không chịu đựng nổi những giọt nước mắt lăn đi từ đôi mắt tôi mở lớn kinh hoàng. Có lẽ chàng chỉ có thể trả lời những tiếng gọi (như tiếng gọi lại của những hạt mưa trên thềm nhà) ơh... ơh... ơh... bằng những đáp ứng cũng mơ hồ xa ngái: Nhỏ..., anh đây... nhỏ..., anh đây...

Những cơn đau trào bật ra, như những phún xuất thạch tràn từ một miệng núi lửa hung dữ nhưng mau nguôi. Tôi giữ ghi lấy chàng và ngưng bắt tiếng khóc. Mặt tôi mở trong cạnh sườn chàng tôi và ăm mùi hơi bí rợn. Chàng ve vuốt phần lưng trần tôi bỏ ngoài ánh sáng. Bàn tay chàng như kéo theo một tình nghĩa nào đó, mới mẻ, mới hơn cả tình yêu, đi khắp thân thể tôi. Hình như cả hai đứa cùng mừng mừng trong một thứ buồn phiền thân mật và tips cạy. Tôi thiếp đi trên cánh tay chàng.

Lúc tỉnh dậy, trời đã sẫm tối, tôi thấy chàng dăm dăm nhìn tôi với một bàn tay cời cời những sợi tóc trên trán. Tôi lại giấu mặt mình vào ngực chàng. Tôi muốn nói: Em sung sướng, em hạnh phúc, dù anh làm em đau đớn và sợ hãi,

Không biết anh có nên nói với em dù thế nào thì chúng ta cũng chẳng thể xa nhau. Dù thế nào thì cuộc đời ta cũng gắn liền với nhau, như một khối, như một thể và như một chất. Không biết anh có nên nói với em, cái lo sợ của em, cái hoảng hốt của em, khi chúng ta chỉ còn là một: em nghĩ anh chẳng thể nào suốt đời ở bên em, chỉ là cái lo sợ viễn vông, cái mặt vàng bên trên của một đồng nước sôi. Có bao giờ anh nghĩ anh sẽ xa em! Có bao giờ anh nghĩ em không còn là của anh, và một ngày kia, chúng ta sẽ nhòa nhau như một người lạ mặt. Chẳng bao giờ, chẳng bao giờ có thể. Hồi nhỏ, hồi nhỏ dấu gấu của lòng anh đầm dưới. Anh có thể đánh lừa những khôn ngoan lạnh lợi của kẻ khác. Anh có thể thích thú trong trò chơi đùa trí với tất cả ý nghĩa dồn liền của cuộc chơi là mưu mô, là thủ đoạn. Nhưng với em, ôi nhỏ của lòng anh già cỗi, anh không thể đánh lừa em, đánh lừa kẻ đã phó thác đời mình cho anh ngay từ lúc sinh ra nhất. Anh không thể gian dối với em, bởi vì em không thể gạt gạt với, thơ ngây và tin cậy nơi anh, hơn bất cứ một người yểu nào có thể tin nơi một người khác. Anh cần và anh cảm động. Anh nặng nề và anh thấy ngay từ phút giây đầu cái tiếng liềm liềm của một tin cậy phó thác. Suốt đời anh chỉ ước mơ, một lần, được có thể. Và có lẽ cả một đời người đàn ông cũng chỉ mong một lần được có thể. Em hiền không hồi nhỏ, một lần được có trong tay, một bé nhỏ, như một báu vật, như một lượng lượng cụ thể của lòng tin tưởng tuyệt đối và một phó mặc liên hệ cho một đam mê đắm ngất nhất. Em đã cho anh những giây phút nhớ lại, những hành động với chính bản năng giống đực của mình, anh cao cả và anh tự nghĩ. Anh hạnh phúc tới cùng và tan đi tận kiếp.

Em yểu đầu, không biết anh có cần phải ở đây với em, một lần nữa, chẳng bao giờ anh nghĩ đời anh với những phút giây đứng bóng trưa này, lại được gặp em, lại được nặng nề và cần giữ em trong tay, cho riêng mình, như cần giữ em và dẫn dắt chính đời mình bao năm tìm kiếm. Giữa những ánh ảo của một đời anh tối tăm, anh không dám quả quyết tình yêu kia, em dẫu yểu đó, có thực. Hay cuộc sống cũng chỉ là hư tưởng! Có lẽ lại đời anh thế thậm quá. Đời anh những ngày mới lớn, những ngày niên thiếu bơ vơ, chạy suốt một đường dài không tìm lấy được cho mình lấy một bóng mát. Anh khổ nề, anh côi cùn, như củ! Và khi anh gặp em, phải thế

chẳng, anh gần gũi và hôn ghen như trẻ nhỏ. Đã giữ em trong tay, đã giấu em trong lòng đã giam nhốt em một đời trong chiếm đoạt tận cùng mà vẫn còn đau lo một ngày bão bùng chim kia vỗ cánh. Anh làm sao yên lòng, khi xa em. Anh làm sao không thảng thốt, sau những giấc mơ hoang dã. Em ở đâu, hỡi nhỏ. Nhỏ dẫu gần, nhỏ tay lại với nó luôn luôn thấy ghéi. Hằng nhìn anh, hằng nhìn nữa đi, sâu thẳm vào đôi mắt anh. Đôi mắt anh buồn quá, phải không em. Hằng trả lời anh, hãy trả lời câu hỏi thừa thừa, câu hỏi không cần thiết giữa chúng ta: Em yên anh? Em yên anh? Anh hỏi em cả trăm lần và cả trăm lần em chỉ nhìn anh, bằng đôi mắt chim sáng long lanh một trời ngọc thạch và em im lặng. Và em nhắm mắt đem đôi môi mình vùi lên tới khuôn mặt anh cũng dần dần khép lại.

Lạy chúa, chúng tôi gần nhau trong bão bùng của một tương lai khờ dại chấp trằng. Nhưng ở đây vẫn là một lời nguyện cầu, không cần ngài chứng giám.

Dòng sông đêm thăm thẳm như tâm hồn của chàng. Và những đợt sóng lăn tăn, là những giao động thường xuyên của tâm hồn tôi trên mặt nổi của tình yêu u kín đó. Hầu như chàng không ăn mà chỉ nhìn tôi qua làn khói. Tôi biết chàng chăm chú nhìn, nhưng vẫn liu lo nói, và riu riu ăn, để chàng mãi nguyền vớ ý thích được ngồi nhìn tôi ăn. Món ăn không đem tới vị giác tôi một cảm giác nào, bởi vì tất cả đã trở thành chàng. Tất cả đã trở thành tình yêu của hai đứa, và tôi ăn, tôi nhai chính tình yêu của chúng tôi, chính cái âu yếm và nồng nàn của chàng phả thổi vào đó.

Chàng kể tôi nghe chàng thương tôi chỗ ngồi này, những ngày xưa với một người đàn bà. Tôi nhớ rõ tên người đàn bà đó. Nhưng có lẽ tôi cũng chẳng nên kể tên người đó ra làm chi. Tôi chỉ muốn nói khi nghe chuyện này, tôi đã nghe với tất cả thích thú và sung sướng. Cái sung sướng của cảm tưởng đã là vợ chàng và chàng không còn gì để phải giấu giếm, để phải che, dấy hay chối quanh. Tôi bằng lòng với sự thành thực chưa từng nghĩ vợ chồng đó. Tôi mỉm cười với những câu chuyện nhỏ nhỏ chàng thuật lại giữa hai người. Hình như giây phút ấy tôi không còn là trẻ con nữa (dẫu dù chàng vẫn không quên gọi tôi bằng

nhỏ) tôi đã là một người khác. Một người lớn ít ra là trong tình yêu của chàng. Có thể vì thế mà tôi không một chút hờn ghen, khó chịu. Tôi thích thú và hài lòng một cách rất thiết tha. Tôi còn muốn nghe chàng nói nhiều hơn thế. Về người đàn bà đó. Tôi còn muốn nghe chàng nói nhiều hơn nữa về những người khác. Và tôi nghĩ, tôi còn là một người bạn, một người bạn nhỏ trí kỷ (phải không anh) của chàng. Tôi hỏi :

— Sao anh không tới với em những ngày em còn trên ghế nhà trường ?

Chàng đáp :

— Làm sao tới được với em khi anh đã lớn và em thì còn mặc quần... xê đũng.

Tôi không thể oán liếng cười lớn và nhanh lấy ngất chàng một cái. Chẳng biết cái ngất của tôi có đau không, nhưng chàng cũng làm vẻ xuyết xoa.

— Anh chỉ được cái chọc em là không ai bằng.

Chàng gạt đầu, và cốc nhẹ nhẹ nhiều cái trên đầu tôi :

— Ai bảo nhỏ không là người lớn.

— Để anh hiếp được anh ?

— Không phải. Để anh bớt cú đầu em thì đúng hơn.

— Chứ không phải để anh sẽ sớm hết yêu em ?

Tôi nói nhanh và nhìn vào mặt chàng. Chàng nhìn lại tôi.

(Đôi mắt lại đắm đắm) lắc đầu :

— Chẳng bao giờ. Nhỏ.

Tôi cúi xuống :

— Dạ.

— Anh yêu em.

Tôi đưa đầu tay mình sang phía chàng. Chàng nắm lấy siết lại. Những ngón tay tôi vọc đi trong cái siết này. Tôi đau đớn nhán mặt nhưng cố để khỏi kêu thành tiếng.

Ở phía xa một chiếc lầu lượn pha đèn chạy, tạo thành những cơn sóng lớn xô tấp mạn bờ. Tiếng dội ào ào, khơi lên cái cảm giác buồn ngủ.

Tôi nói với chàng tôi cũng yêu sống. Những ngày còn đi học, tôi cũng đã có những buổi chiều lẳng thàng một mình ra bờ sông. Nhìn dòng nước chảy. Và nhìn lại lòng mình, trống không.

— May quá.

Tôi hỏi lại tại sao. Chẳng bảo :

— Nếu lòng em những ngày đó, đủ được làm đầy thì anh đâu còn có ngày này. Bởi tối này, ngồi đây. Với em.

Tôi muốn rằng yêu chàng lúc nào cũng chỉ kiếm chuyện để ghen với em. Trong khi đó, anh thấy, em có nói gì đâu, về quá khứ của anh.

Tôi ngả người theo cánh tay choàng qua và kéo lại của chàng. Tôi đáp nhỏ :

— Em hoàn toàn của anh, Của anh mà thôi. Anh thấy đó.

Chàng lý cảm lên đầu tôi, im lặng. Tôi biết chàng yêu tôi nồng nàn và có pha lẫn chút gì của một người lòn, kẻ cả. Tôi cũng im lặng. Mặt sông đêm trở lại bình thường với những con sóng lăn tăn (là những giao động của tâm hồn tôi trên mặt phẳng của tình yêu hai đứa). Tiếng súng ở đâu đó vọng lại. Tôi hỏi chàng cho có chuyện :

— Ngưng bắn rồi mà anh ?

— Đã đánh. Nhưng vẫn còn đánh lẻ tẻ. Nhỏ không đọc báo sao ?

Tôi lắc đầu :

— Tình yêu đã choán hết tất cả thì giờ của em.

Chàng chải chải tóc tôi bằng mấy ngón tay :

— Em ngoan lắm.

Tôi nghiêng mặt vào trong và lại nghe rõ mùi hơi chàng.

Hình như chúng tôi, nếu có lúc cả hai đứa cùng tranh nhau nói, thì cũng có lúc cả hai đột nhiên cùng im lặng. Có lẽ đó là lúc mà cả hai đứa cùng chìm rơi, hụt hẫng vào khoảng không nào đó. Một khoảng chân không. Phải, những khoảng chân không của tình yêu. Và khi ấy, không bảo, chúng tôi cũng cảm thấy, có một cái gì cũng bằng thừa. Có nói gì cũng chẳng thể bằng được một góc nhỏ của cái im lặng đang dần ra, đang trải rộng và đang tư tư, cuộn tròn hai đứa vào nhau. Những lúc đó, thường tôi nghe rõ nhịp đập đều hòa của trái tim chàng và hơi thở nhẹ nhẹ bay ngang qua đỉnh đầu tôi. Cũng trong những phút giây im lặng của hạnh phúc ngọt tới không thọc kia, tôi thấy trước sau, tôi vẫn chỉ là một đứa bé, quá bé nhỏ, tựa nường trong cái bóng lớn lắm lì của khuôn mặt chàng khắc khổ.

Mấy người bồi qua lại, liếc nhìn chúng tôi một cách kín đáo. Chẳng họ ngạc nhiên nghĩ chúng tôi đến đây, như không phải để ăn mà để lắng nghe một cái gì, rất vu vơ, rất mơ hồ ở chung quanh, trong bóng đêm và trên mặt sông nhàng tối.

Tôi gỡ tay chàng và ngồi ngay người lại. Chàng im lặng trong cữ chỉ của tôi, thế rồi khi tôi vừa vuốt lại hai lọn tóc ở hai bên má, thì đột ngột chàng nâng cằm tôi lên và kéo giật tôi lại. Chàng hôn tôi. Nụ hôn chớp nhoáng khiến tôi chỉ có cảm giác sau khi chàng đã lại và đang xa, và lạnh lẽo.

Tôi nói :

— Anh đừng hôn em như thế. Người ta nhìn chọ.

Chàng cười và hút một hơi thuốc dài.

— Minh về nhà ?

Tôi gật đầu.

Những con đường đêm mang một vẻ gì cũ kỹ và dễ thương, chở tôi trên chiếc xe của tôi ọp ẹp. Gió từ phía sau lưng đuổi theo. Tóc tôi bay và đập vào vai chàng. Chàng hát nhỏ : Người đi qua đời tôi, không nhớ gì sao người ..

Tiếng hát được gió đem đi về phía trước. Tôi chỉ còn nghe được hơi thở của chàng, gần gũi.

Lặng chúa, chúng tôi gần nhau, trong tối trẫm và rất nhiều khờ lụy. Nếu ngài thấy được tình gần chúng tôi, xin ngài hãy nhỏ xuống, với chúng tôi, một giọt lệ. Và xin là giọt lệ của một người, yêu kính tình gần, như yêu kính Chúa. Bởi vì mai đây, có lẽ tôi lại bỏ thành phố này. Tôi ra đi, trong khi chàng ở lại. Chúa có thấy xót xa và muốn chia sẻ cùng tôi chăng ? Xin Chúa hãy đem ngài trở lại, về với tôi thật sớm, và riêng tôi, tôi sẽ tự tìm lấy, nơi chốn ước mơ của đời mình. Chúa ở xa, ôi sao chúa ở quá xa Một nhà và tôi tập.

Du Tử Lê

VŨ HỮU ĐỊNH

Thiên Nhiên Và Con Người

ngồi thuyền ba lá
trên sông cửu long

*Lênh đênh giữa nước và trời
Thuyền, Ta, trời đạt giữa vời bao la
Chút gì thấp thoáng nơi xa
Chút gì gần gũi như là bóng tôi*

một đám mây trên đồi đại ninh

*Rừng xanh, trời cũng rất xanh
Một bè mây tụ mong manh giữa đồi
Hồn ta cũng đậu đây rồi
Đất nuôi hơi thở, rừng nuôi chút linh*

những cánh bèo trên sông đại ninh

*Nơi đây nước đổ từ nguồn
Bèo đậu trong núi lùm phương giang hồ*

Hỏi rằng bèo dạt về mô ?
 Có như ta chẳng bến bờ dừng chân

mưa trên đồng quanh hieu

Mưa, sao ta cũng ngậm ngùi
 Mưa, sao ta cũng bồi hồi xót xa
 Giữa đồng không quanh bao la
 Trời mưa đã ướt hồn ta mất rồi

bao la, rất gần

Tình sương em vội qua cầu
 Gánh trên vai mệt mỏi sầu nhân gian
 Ta ngồi đợi phút mang mang
 Thấy em : cái đẹp sắp hàng dưới chân

đất trời buồn bã

Nửa đêm trời đất bồi hồi
 Gió mưa vận chuyển lòng người nôn nao
 Cái gì vừa thức xôn xao
 (Lẽ đâu tôi cũng ồn ào như Ông ?)

nhìn cò bay, nhớ nhà

Buổi chiều đứng ngắm đầm đầm,
 Máy thân cò dạt xiêu tằm mắt xa
 Thấy gì không giữa bao la ?
 Đã r ghe lăm động nổi nhà quanh hieu.

Vũ Hữu Định

TRẦN HOÀI THU

Xuống Núi

Chàng đang bước trên con đường cũ. Con đường mà buổi chiều sau khi từ doanh trại chàng vẫn trở về như một thói quen thuộc. Đây là một công viên vắng, mà mùa mưa đã làm cỏ mọc xum xuê, xanh tốt. Một pho tượng trắng bằng xi-măng, mọc lên tự bao giờ, như khiến chàng nhớ đến một bài Récitation của Anatole France, đạo còn là học sinh trung học. Bài học về một người lớn tuổi qua công viên, ngồi trên băng đá, dưới pho tượng trắng để hồi tưởng lại thuở học trò. Chàng đã dừng lại một lúc nhìn bầy gà đang riu rít tìm mồi. Và trên cao, những tàn lá bát ngát đại cả vòm trời xanh nhiều mây trắng. Buổi chiều như một cơn mộng thật êm. Không một tiếng động, dù là tiếng gió ru, hay tiếng chim riu rít. Trí não chàng bấy giờ thật trong sáng. Chàng đã bị thiên nhiên mê hoặc nào nùng.

Rồi, chàng lại qua một bãi cỏ hoang vu. Bãi cỏ đang chìm trong màu nâu gạch của bông may. Ở xa, chàng chỉ nhận ra một màu bát ngát, và bất động. Xa hơn nữa, những lũng, những đồi chập chùng nối tiếp, như dần dần biến thể, và cuối cùng, đường chân trời, là một màu tối thẫm hòa nhập với nền trời xa.

Chàng đang nghe niềm rung động dịu dàng, len nhẹ vào tâm hồn chàng. Có một điều, lần đầu tiên chiều nay, chàng mới khám phá ra. Đó là vẻ tuyệt vời của một vùng đất cao nguyên chàng sắp sửa từ giã. Từ bao lâu, chàng đã không nhận ra nổi cái linh hồn của đất đai, cây cối, của xứ sở mà chàng tự cho là cõi lưu thân. Vẻ tuyệt vời ấy khiến chàng phải lịm mình trong giây phút. Đây là những hàng muống, với những chòm hoa muống màu vàng đã trở nên sậm hơn dưới màu nắng quái. Kìa là nhữn

hàng sù, với một mùa hoa đã qua, để còn lại trên cành lơ thơ vài khóm trắng lẻ loi. Kìa nữa, là những thân cây cổ thụ, mà chàng không biết tên, có thể là trắc bá, giáng hương hay trầm cũng nên. Chàng ngược lên cao như thu hút vào buồng phổi tất cả hương thơm của chiều.

Mai mốt, ta phải dời vùng đất này rồi. Dù thế nào, dù từ bao giờ ta vẫn tự coi cõi này là cõi lưu đầy ngậm ngùi nhất trong đời chiến chinh của ta, nhưng bây giờ ta mới nhận ra, ta đang giữ gìn nó, tha thiết đến độ ta muốn ôm trọn cả vũ trụ thiên nhiên, và buổi chiều của miền núi rừng. Tại sao ta không nghĩ rằng chính nó đã nuôi dưỡng, an ủi ta trong những ngày ta cô đơn. Tại sao ta lại quên đi những đồn điền cao-su vào mùa thu, mà cả rừng lá vàng đang trải trở dưới bước chân của ta ? Tại sao ta lại không nhớ một ngày buồn quá, ta, lủi thủi vào đồn điền cà-phê, giữa rừng hoa cà-phê trắng mượt, và ngỡ đang bước trong một thế giới khác, thế giới của hoa lá, của hương thơm, của vũ trụ, thế giới không phiền lụy, giận hờn, và ta như một tên điên khùng, quanh quẩn bên bạn cùng cả rừng hoa bát ngát ấy ?

Bây giờ là mùa mưa. Những cơn mưa ngàn trút xuống, bất chợt, như hờn lấy cùng một vùng đất quá chừng hiu quạnh. Bầu trời chỉ là một vòm sữa trắng bít bùng như sẵn sàng khóc lóc. Chàng nhận ra chàng đang đứng ở chỗ cũ — một chỗ quen thuộc dưới hàng ngâu trổ bông tím tím. Chính nơi này, một đêm nào đó, chàng đã ngồi trên chiếc nón sắt, đốt thuốc chờ đợi một người nào. Và cô may vô tình dính đầy hai ống quần trần, khiến khi cúi xuống gỡ, chàng lại ngỡ như đã gỡ đi những kỷ niệm ngọc ngà cũ.

Vâng, cũng nơi này, chàng đã đợi cô bé người Ê-đê xinh đẹp từ bên kia ngôi trường trung học, sau một hàng phượng già nua. Cô bé có mái tóc hớt ngắn, nước da màu bánh mật, đôi mắt thật đen và lớn, và nhất là chiếc môi lúc nào cũng uơn vọt. Cô bé mà chàng đã từng quen khi buổi lễ thứ hai trong giáo đường thành phố được báo hiệu rộn rã bằng những hồi chuông ngân vang trên lầu đá cao. Cô bé đến, nổi bật lên cả bọn. Chàng ngồi trên băng đá dưới gốc cổ thụ già, chăm chú nhìn theo. Và, thú thật, khi thấy cô bé xuất hiện giữa đám đông, chàng không thể ngờ cô bé thuộc gốc người thiểu số ! Bởi chiếc mũi khá cao, bởi đôi môi tươi thắm, bởi chiếc Pull và chiếc quần Patte màu nâu

gạch. Ở đó, là biểu thị cho một cô con gái thị thành, tất nhiên. Chàng thấy cô bé đang đứng bên cạnh những soeur áo trắng, cùng một lớp học trò con gái trường giòng khác. Chàng đoán cô bé cũng là học trò trường giòng cũng nên.

Bây giờ, là buổi sáng. Nắng đã bắt đầu tươi thắm cả thị trấn đất đỏ. Màu nắng hôn trên vách đá giáo đường, hắt xuống màu áo màu nâu gạch của cô bé. Cô bé vẫn chưa bước vội vào nhà thờ như những lũ bạn. Hình như cô bé đang lưỡng lự. Chợt, cô bé quay lại, hấp tấp chạy xuống bậc tam cấp nhà thờ như trốn một điều gì kinh khủng lắm. Cô bé tiến ra khỏi cổng sắt, không hề ngoảnh lại. Lập tức, chàng cũng hăm hở đuổi theo. Cái hành động bí mật của cô bé đã khiến chàng thú vị. Đó là việc bỏ nhà thờ, bỏ soeur, bỏ bè bạn ngoan đạo của cô bé. Chàng đuổi đến đầu rạp chiếu bóng thì gặp cô bé. Cô bé đang ngược đôi mắt say mê nhìn tấm quảng cáo sắc sảo in hình Khương Đại Vệ đang đá một cú song phi và Lý Thanh mù hai con mắt. Chàng đến bên cạnh, thốt lên vồn vơ :

— Ghê nhỉ. Trốn lễ, trốn nhà thờ. Trốn ma soeur. Tội ghê gớm lắm.

Cô bé quay lại, đôi mắt mở lớn chừng như ngạc nhiên.

— Ê, cái ông này.

Giọng nói lơ lơ và khi nhận ra màu da đặc biệt pha trộn của núi rừng và văn minh. Ở cô bé, người ta sẽ liên tưởng đến hai dòng máu, đúng hơn. Thật vậy, ở chiếc mũi dọc dừa hơi cao ở đáng dấp Tây phương trên cử chỉ, cách ăn mặc... Chàng cười bí mật :

— Có phải cô bé trốn để đi chơi phố không ?

— Việc gì đến ông, mà ông hỏi ?

— Để tôi về mách soeur.

Đôi mắt cô bé Ê-đê lại một lần nữa dăm dăm nhìn chàng dò xét. Bây giờ, nắng đã lớn hơn và tràn ngập cả màu đất đỏ, cả vai vóc thị trấn. Con đường phố chính rộn ràng người xe, lẽ đường thì đầy những xe nước mía, quầy bán thuốc lá lẻ. Tiếng nhạc cất lên sôi nổi. Như tuổi trẻ, như chiếc áo Pull, quần Patte như màu xanh trong đôi mắt vừa thơ ngây vừa khờ dại.

Nhất là ở đôi mắt và chiếc miệng của đứa con gái Ê-đê : Chúng toát ra một vẻ linh lợi và liếng thoắng chẳng khác một con mèo con cũng như một vẻ lém lỉnh và tươi mát. Đến đây, chàng

không biết diễn tả gì hơn để có thể kéo dài câu chuyện tẻ nhạt và sự cầu thân của mình. Chàng lại vờ nhìn lên những tấm áp phích rực rỡ muôn màu. Dù chàng không hề thích loại phim chưởng, hay phim máu thịt đúng hơn, dù chàng cũng chẳng bao giờ lưu tâm đến bất cứ một tài tử thời danh nào, tuy vậy, chàng cũng phải hỏi vu vơ :

— Cô bé thích Vương Vũ hay Khương Đại Vệ.

— Khương Đại Vệ !

Cô bé buột miệng dừng dừng, rồi tiếp tục dõi mắt nhìn tấm hình Khương Đại Vệ đang múa kiếm phi thân.

— Vương Vũ đánh ác hơn chứ ?

— Nhưng không đẹp trai bằng Khương Đại Vệ.

Chàng muốn bật kêu : Hết cỡ cho cô bé này. Đúng là một cô bé Ê-đê đột sòng mới hạng nặng ! Nhưng chàng đã kềm miệng lại được. Rồi nghĩ đến mình, đến con người thực của mình, chàng đâm nao nao. Thế này, khó mà cầu thân với cô bé. Làm sao cô bé lại tra cái bộ váy xấu xí như ta ! Nhưng chàng cũng cố nuốt nước bọt :

— Còn Lý Thanh ?

— Không. Trương Cương Thanh mới là tài tử đóng ác nhất.

— Cô bé là một cây si xi-nê có cỡ đấy nhé.

Cô bé lại bĩu môi. (Ôi chiếc môi lúc nào cũng uơn uớt nước miếng đó).

— Tôi si thì kệ tôi, mắc mớ gì ông.

— Chứ ông già lắm. Tôi mới hai mươi mấy tuổi.

— Hừ. Trông ông già như sáu mươi.

— Trời ơi. Tôi thế này mà sáu mươi ? Bộ cô bé muốn cợt tôi sao ?

Bây giờ, cô ta mới thật tình cười. Đôi mắt cô long lanh rực rỡ. Nắng mới đỏ tươi màu đất. Nắng hôn rực rỡ những bờ hành lang, những mái ngói những con đường của thị trấn. Nắng làm đẹp thêm những cánh áo màu của đám con gái đi dạo. Những người lính từ tiền đồn trở về, tùm nầm tùm ba, tóc tai râu ria như thú rừng hiện ở khắp ngã đường. Trời thật trong sáng. Cả một thành phố như ngập trong một bài Valse của Strauss. Bây giờ chàng mới vào đề thân mật :

— Cô bé coi xi-nê không ? Tôi đãi cô bé một chầu đấy...

— Ông mời tôi ?

— Thôi đừng gọi là ông nữa. Tôi cảm thấy mình già lắm. Đôi mắt cô bé lại càng long lanh hơn.

— Thôi. Chú hén. Chú mời cháu ?

— Ừ, chú mời cháu.

Lòng chàng bỗng dưng ngập một niềm vui khó tả. Tự dưng chàng mỉm cười liên tưởng đến những danh xưng của một người con gái thiếu số nhưng vô cùng lém lỉnh. Hết ông đến chú. Rồi bao giờ đến anh đây. Rõ ràng cô bé này đã không khác gì một cô bé Kinh Hippy nào trong thành phố. Chàng đoán chừng cô bé được du nhập bởi những ngày học trong nội trú, với lũ bạn giàu có và văn minh. Có lẽ cô bé là hạng gái con nhà giàu, cũng nên.

— Sắp sửa chiếu phim, để chú vào mua vé nha.

Cô bé gật đầu, đu đưa chiếc bóp bằng da. Nhưng cô bé chợt la khe khẽ :

— Mấy soeur đi chợ kia. Chú vào mau mau lên.

Rồi cô bé Thượng vụt chạy vào đám đông ồn núp.

Còn chàng, chàng phải khò sở để chen vào đám người đang chen lấn trước cửa bán vé. Chàng xô dạt mấy tên con nít, lấn vào khung cửa lưới nhỏ. Chàng bỏ ngoài tai những tiếng bất bình, cầu nhàu. Có lẽ nhờ bộ đồ lính có vẻ bụi đời của chàng, mọi người mới để yên cho chàng cái quyền ưu tiên bất lịch sự ấy. Rồi chàng cầm hai tấm vé ra, gương mặt chàng hơn hờ chẳng khác một cậu bé thi đậu. Chàng cười với cô bé :

— Mua vé được rồi. Phục chú chưa ?

— Phục chú sát đất. Trông chú như một võ sĩ.

— Trời ơi, chú mà võ sĩ à ?

— Thật đấy. Khi chú vào, cháu thấy chú hùng hổ như cọp.

Rồi cô bé nhe hàm răng trắng như hạt lựu mà cười. Chàng cũng vui lây. Tâm hồn chàng bấy giờ như một bài ca kích động của rạp chiếu bóng. Tay chàng chụp bàn tay cô bé Thượng, dắt ủa vào cửa rạp.

— Chết, phim vào xuất rồi.

— Không đâu. Người ta mới chiếu dạo đấy.

Trong bóng tối của rạp chiếu bóng đông nghẹt khán giả, đôi lần chàng muốn cầm tay cô bé. Nhưng rõ ràng cô bé đã biết thế nào là bóng tối và thế nào là một tên thanh niên với những ý nghĩ của hắn, cô bé đã ngồi xích ra xa. Chừng như thấy mọi ham muốn của mình không được kết quả nên chàng trở lại vị

trí cũ, yên lặng nhìn lên màn ảnh. Tuy vậy, khúc phim đánh nhau cũng không hấp dẫn chàng bao nhiêu. Chàng lại nôn nao, khẽ liếc nhìn cô bé mới quen. Cô ta đưa đôi mắt say mê lên màn ảnh. Rõ ràng Khương Đại Vệ đã hợp hôn cô rồi. Trong bóng tối mờ ảo, người con gái dậy thì không phải là con rắn lục mà là một con thỏ tinh ranh. Và tên thanh niên là chàng chính là con chồn tinh quái, nhưng đã thua cuộc.

Dĩ nhiên, chàng đâm ra bất mãn ghê gớm. Phim càng làm chàng buồn chán hơn. Đôi khi, chàng lại nghe được một thứ mùi lạ trong cái mùi tạp chủng của một rạp đông người. Đó là một thứ mùi khét đặc biệt của những người thiếu số. Cô bé đã không gột bỏ được dòng máu của cô dù cô bé đang là một thứ con gái thị thành đúng cỡ.

Bắt đầu từ đấy, chàng có dịp gặp cô bé Ê-đê nhiều hơn. Nhà chàng ở trọ một mình, nên mỗi lần trốn ra khỏi nội trú, con nhỏ láu lỉnh lại tìm đến nhà chàng. Hoặc xin tiền coi chiếu bóng, hoặc nán lại đấy cả ngày, nấu cơm, nấu nước giùm chàng. Lúc ấy, trông cô ta chẳng khác một nội trợ đảm đang. Những ngày như thế cũng tạm là êm đềm cho kẻ sống một cõi lưu thân. Đôi khi, cô ta thỏ lại đòi chàng chỉ giùm mấy câu tiếng Pháp. Như câu mon chéri je vous aime. Đại để mấy tiếng Pháp tình tứ như thế. Và như đề thổ lộ, chàng lại viết trên trang giấy và bắt con thỏ tinh khôn giảng nghĩa như : H'Pery, je t'aime. Khi đọc xong, cô bé lắc đầu nguây nguây : Non, non. Parce que vous êtes mon oncle. Trời ơi. Hélas ? chàng bật kêu. Đúng là một con bé quá ranh mãnh. Nó áp dụng chữ chú thật là nghiêm khắc. Chàng đã thấy thua cuộc.

Nhưng sự có mặt của một con bé người thiếu số đã làm căn phòng âm u của chàng bỗng nhiên rực rỡ. Những chiều thứ bảy, hay chủ nhật, sẽ không còn là những buổi chiều ảm đạm và quạnh quẽ như trước nữa. Thời gian sẽ không còn dài tựa như thế kỷ nữa. Căn phòng trọ cũng không còn đóng cửa nữa. Mà cánh cửa lúc nào cũng được chàng mở ra, để cho con bé biết được sự có mặt của chàng. Chàng bắt đầu thấy vui đời hơn. Nội buồn bực của chàng cũng được che lấp đi bởi những tiếng

cười nhí nhảnh cùng đôi mắt rực sáng của cô bé. Sự có mặt của cô bé đã như một nụ hoa vô cùng quý giá trong những ngày chàng làm lính thú.

Đó là những nụ hoa mà mỗi buổi chiều trốn khỏi bốn bức thành nhỏ hẹp cùng ngôi giáo đường bằng đá đầy ngập lời kinh, cô bé Ê-đê vẫn không quên mang lại, để thay nụ hoa cũ trong chiếc lọ thủy tinh. Khi thì nụ hoa hồng thắm, khi thì nụ hoa cúc vàng, khi thì lay-ơn, hay thược dược. Những cánh hoa yêu dấu đã được cô bé hái trộm trong vườn hoa của trường nội trú. Có lần, cô bé khoe :

— Chú ơi. Hú hồn. Sáng nay ma soeur bắt gặp cháu lần thân trong vườn hoa. Ma soeur kêu lại, thì thấy những phấn hoa bám đầy áo cháu.

Chàng nghiêm giọng :

— Về sau, đừng làm như thế nữa. Ăn trộm tội nặng lắm. Chúa phạt.

— Ai bảo chú thế. Cháu đâu có ăn trộm. Với lại ở đó không ai biết thưởng thức hoa. Chỉ có chú. Nên cháu hái cho chú.

— H'Pery hoang nghịch như một con chồn.

Cô bé tưởng như vừa ý nên cười sung sướng. Nó khoe cái áo Pull bằng len vàng.

— Chú xem, áo đẹp chưa ?

— Đẹp. Cháu giàu lắm.

— Không bí chú.

— Cháu xem, chú chỉ có mỗi chiếc quần Jean cùng cái áo rộng thùng thình này.

Rồi chàng bắt đầu nói vài tiếng Ê-đê vừa mới học từ cô giáo bé nhỏ :

— Amai êwei êjai, bi mĩn blei moiêng ao s'am êjai. (Chi tôi vừa quay tơ, vừa mơ mộng mua sắm áo đẹp)

Rồi chàng hỏi :

— H'Pery, xem chú học giỏi không ?

— Dở ẹt. Đọc còn kém, không như người Ê-đê.

— Này H'Pery, hoa là gì ?

— Mngạ.

Tự nhiên trong đầu chàng, chàng muốn hình dung đến một câu như sau : Nụ hoa của H'Pery chính là nụ hoa vĩnh cửu. Chàng muốn thắm thì những tiếng thân yêu ấy bằng tiếng Thượng.

Chàng muốn trở thành một người Thượng đích thực. Chàng muốn máu chàng là một thứ máu của những con người hồn hậu, không tham vọng, và bình dị. Như cả núi rừng, thiên nhiên, như những đồi cao và lũng thấp. Như những điệu khèn cất lên buồn bã. Như những ngày hội Tết thần linh. Chàng muốn được nhìn cô bé trong chiếc *viên* đen, trong chiếc áo cánh trắng. Chàng muốn nói với một con bé Thượng những lời như sau :

— H'Pery. Không có vẻ đẹp nào bằng cái đẹp của tâm hồn. Chú đã trải qua bao nhiêu chặng đường của cuộc sống. Chú đã thấy bao nhiêu tâm hồn ung độc, bởi tham vọng, bởi hận thù. Chú thêm những tâm hồn như tâm hồn dân thiểu số của cháu. Chú thêm cái hình ảnh người đàn bà Thượng để ngực trần, những người đàn ông Thượng mang khổ, những cô thiếu nữ nước da bánh mật mạnh khỏe và chất phác. Chú không muốn H'Pery trở thành một người khác. Dù H'Pery có gia đình, cha mẹ khá giả, có đồn điền bao la đi nữa.

Nhưng chàng không thể diễn tả hết ý nghĩ đó. Có lẽ con bé sẽ không bao giờ hiểu. Nó đã bị văn minh cùng nếp sống của bè bạn xâm nhập nặng nề rồi. Tuy vậy chàng cũng cầm bàn tay cô bé thật tha thiết :

— H'Pery, chú muốn cháu một lần đến đây với cái *yien* của dân tộc cháu.

— Tại sao vậy, chú ?

Cô bé ngây thơ nói.

— Bởi vì chú muốn nhìn một cô bé Ê-đê xinh đẹp.

— Cháu không thích trở thành gái Ê-đê.

— Sao vậy ?

— Bởi vì cháu không thích.

Cô bé trả lời bướng bỉnh.

Chàng cười :

— Như thế về sau cháu không bắt cái chồng người Ê-đê à ?

— Cháu không bắt cái chồng Ê-đê. Cháu bắt cái chồng người Kinh thôi.

— Chắc không ?

— Chắc.

— Như thế bắt cái chồng chú đi. Bắt chú khỏe lắm. Không tốn tiền bạc gì ráo.

— Còn lâu.

— Sao thế ?

— Cháu còn nhỏ. Mới 15 tuổi. Cháu đợi thêm năm năm nữa.

— Chú già, cháu sẽ chê.

Cô bé bặm môi, rồi cười mỉm. Buổi chiều rực rỡ ngoài khung cửa, và những khóm hoa muồng vàng trở nên quyến rũ dưới màu nắng mới sau một cơn mưa. Và đất đai màu đỏ sậm. Vẻ đẹp của một xứ miền núi được phô diễn đầy đủ nhất là vào lúc hoàng hôn. Vẻ đẹp ấy càng rực rỡ hơn nếu trên đường đất đỏ kia, bóng vài người Thượng trở về, lưng gù lưng con. Tuy vậy, ánh chiều đã không vào trong căn phòng bé nhỏ của chàng. Bóng người con gái dậy thì chỉ còn là chiếc áo pull rộng cổ nghiêng nghiêng bên nhánh hoa hồng, trong cốc thủy tinh long lanh.

Cô bé đã ở lại cho đến khi trời tối hẳn. Sau đó chàng mang cô bé về bãi cỏ nay mệnh mông gần đấy. Một ổ bánh mì, một bít ni-long nước mía được chia xẻ. Cô bé tinh nghịch như một con sóc nhỏ, chạy nhảy tung tăng trong vùng cỏ may. Ánh trăng thượng tuần hôn trên biển cỏ và hoa dại, một thứ hoa màu sẫm chocolat. Chàng ngồi dựa vào một gốc cây cổ thụ, tâm hồn lâng lâng như thể bắt gặp một điều hạnh phúc nhất. Nó vô hình vô tướng. Nó có thể là bãi cỏ may đang độ nở bông dưới một màu trắng sáng loáng. Nó có thể là hình bóng mờ ảo của một nàng tiên bé nhỏ và thân ái, đang tung tăng cùng với bóng đêm kỳ diệu. Nó có thể là những cơn gió heo mây lướt thướt êm ái hôn trên da thịt chàng. Và những vì sao kia nữa. Chàng đã nhận ra cái bóng hạnh phúc đích thực sau những ngày tháng tìm đuổi nó. Hồn chàng đã hòa nhập vào hồn cõi đêm. Chàng muốn chết. Và tiếng ca của cô bé bắt đầu vang lên trong gió :

Mlam mlan mngac hlăm adie Mtu ti năn mơn gah bi kblip bi kblir.

Ciăng duah kă bít kkiêng lăn kăo yor kngan hnuă kăo phă yanh hruê ble. Anăn yor jing ngo.

(Ban đêm trăng sáng quắc ở trên trời. Tinh tú nhấp nhánh ở đấy nữa.

Muốn tìm bốn phương tôi giơ tay phải về phía Mặt trời mọc. Đó là phương Đông).

Cô bé đã say mê hát. Và bấy giờ, chỉ có tiếng hát cao vút ấy mới ngự trị khắp cả không gian, và tưởng như bay lên tận các vì sao đêm, để hòa nhập vào vũ trụ, cùng trăng sao mà thôi.

Cuối cùng, trên đường trở về, cô bé đã thấy những bông may dích đầy trên chiếc quần. Cô bé hết hoảng :

— Chú ơi. Chú gỡ giùm cháu. Ma soeur biết được, chắc cháu phải bị đuổi học.

Chàng quì xuống, khốn khổ gỡ ra từng ngọn bông li ti như những hạt thóc, trên chiếc quần của người con gái. Chàng chậm rãi gỡ. Mỗi chiếc bông như mỗi ngọc ngà hạnh phúc mà chàng bắt gặp đêm nay.

Nhưng một chiều, cô bé người Ê-đê ấy đã không đến căn phòng trọ của chàng nữa. Nụ hoa thương lệ đã không còn được bàn tay cô bé ấy cắm vào lọ thủy tinh nữa. Chàng vẫn mở chiếc cửa sổ, và vẫn ngồi cạnh cửa để chờ đợi. Có một cái gì hết sức buồn bã và trống vắng trong bầu ánh sáng bệnh hoạn của căn phòng. Lòng chàng cũng vậy. Đôi khi nghĩ rằng nó cũng là một cái quan tài cũng nên. Nhánh hoa đã úa tàn. Cốc thủy tinh vẫn chưa thay nước mới. Chàng nhìn nó mà muốn rụng nước mắt.

Rồi một động lực đã thúc giục chàng tìm đến ngôi trường nội trú. Chàng hỏi một cô bé. Nó trả lời : H'Pery đã trốn khỏi nội trú từ hôm qua. Nó theo đám con trai Hippy lên sống ở Đà Lạt rồi.

Chàng nghe lòng ngậm ngùi như thể vừa đánh mất một niềm hạnh phúc thân yêu nhất.

Trần Hoài Thư

Đã phát hành :

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẠU

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

Tiếng Nói

Chúng tôi bị lừa vào một căn phòng — ba bề tường gạch quét vôi loang lổ những vết lấm nhoè nhoẹt ở khắp mọi chỗ, mái lợp tôn xám không có trần, trời tháng tư nóng khét, hơi nắng bốc từ trên không thấm qua lằn kim khí toả xuống dưới này, rưới lên đầu, lên mình, quện vào da thịt ướt đầm mồ hôi — chỉ có lối vào là nhìn ra bên ngoài, cánh cửa lớn với những song sắt đen đan vào hàng mắt lưới đối diện với cánh cửa lớn cũng có những song sắt đen và hàng mắt lưới của căn phòng trước mặt, cách nhau bằng hành lang dẫn đến phòng thăm vấn ở phía cuối kia (tôi còn nhớ rõ lối đi sâu hun hút, không nhìn thấy ngoài trời, cánh cửa lim xám mở vào một không gian rộng lớn — căn phòng có chiều dài ngăn lại bằng một cái bàn sắt lớn, bìa kẽm dày đồ sộ như tấm bản che khuất nửa thân dưới của người ngồi ở phía sau, mặt bàn rộng để trần, trên đặt chồng hồ sơ xếp gọn trong những tấm bìa đen cứng, ngọn đèn tròn lớn chiếu rọi vào mặt người đối diện — kẻ bị thăm vấn đứng ngu ngơ phải nhìn vào vùng ánh sáng cực mạnh của bóng đèn, đôi khi thấy mắt kẻ thăm vấn là bóng đèn, đôi khi thấy tia chói của bóng đèn là ngọn lửa đốt cháy lấy đôi mắt, đôi khi ảo giác là thực tại, chạm mặt với tấm biển đồ trái rỗng trên mặt tường cuối phòng, tấn kịch diễn ra mau lẹ qua những câu hỏi bất ngờ, tiếng trả lời thật đầy ứ, tước đoạt hết ý nghĩa, những tiếng nói lặp lại lướt trên bờ môi mở ngỏ, lưỡi khô đắng, máu tụ rần rật bò trên khắp gan bàn chân, thận đau nhức trong cơ thể, tôi phải đứng đây mãi sao, tôi muốn đi tiêu, tôi liên quan với những dòng chữ lý lịch trên trang giấy đánh máy đặt trước mặt kia, tôi thêm khát thoả mãn nhu cầu sinh lý trong khi đang phải trả lời khẩu cung,

những dòng chữ kia ghi tên tôi, tên một kẻ nào đó đã gắn liền với nó suốt một quãng đời, trên những trang giấy đánh máy kia không phải chỉ ở chỗ này, còn ở những nơi khác, ở nơi tôi đã cư ngụ, ở nơi tôi chưa bao giờ đặt chân tới, ở những chặng trung gian tôi đã phải qua đó, trả lời cho những cuộc thăm vấn đầu, tôi hiện diện ở nhiều nơi thế sao, không, tôi không ở nơi nào khác, tôi đứng trong chỗ này, hai cánh tay buông xuôi xuống bên hông, tôi không có thuốc lá để hút, kẻ kia châm điếu thuốc mới, thả những vòng khói vẽ thành niềm mơ mộng của chuỗi ngày qua, những ngày ở ngoài khi tôi đã đốt liên tiếp nhiều điếu thuốc, phí phạm những cụm khói trong canh bạc dài, hút để làm nhiều cử chỉ thừa thãi không thể liệng bỏ vào đâu được, khi tinh thần tập trung vào lá bài sắp rút, khi đầu lửa đỏ loé lên như niềm hy vọng nóng nẩy chờ đợi mặt ngựa của lá bài hiện ra — à, thì ra sự thèm khát điếu thuốc chỉ là điều thôi thúc mong đợi một cái gì sắp tới phải hiện hình, đặt lên thảm xanh đi! Những câu hỏi kia? Có liên quan gì đến tôi? Có phải tôi (đã) trả lời không? Có phải là ngôn ngữ không? Hay ngôn ngữ chỉ như những ngọn roi quất xuống da thịt? Sự đau nhức của khổ hình hay trừng phạt? Tôi đây, kẻ bị tình nghi đứng ở nơi này đối diện với kẻ khác, kẻ được quyền ngồi và hút điếu thuốc, kẻ kia có tiếng nói để hỏi tôi (để làm gì? ngôn ngữ có phải là quyền lực không, nói để làm gì, nguyên rửa, trả vắn, dọa nạt... vô ích, vô nghĩa), dường như tôi đã nghĩ vậy, tôi đã nói vậy, không phải tôi, tiếng nói thoát từ cổ họng, trong khi ý nghĩ trong đầu miên man theo niềm khinh bỉ, nhưng tôi cũng không rõ chỗ nào nhú lên niềm khinh bỉ, chắc hẳn không phải sọ còn hằn dấu đè nén của điện cực tra tấn, chắc hẳn không phải cái lưỡi, gan lưỡi tê rộp lên vì thiếu nước, chắc hẳn không phải bắp chân, khi ra khỏi phòng thăm vấn đùi và ống quần thấm ướt, không hiểu tôi đã đi lúc nào — cái bộ phận vô duyên).

Tôi bị đưa vào một căn phòng, cùng với những con vật kia, những con người (à, vì chúng đi hai chân, nhưng tôi vẫn nghĩ chúng là bọn dã nhân), tôi chỉ có đôi mắt ngó, chúng là đôi mắt người, còn hai cánh tay này khi duỗi ra cũng có những móng vuốt giấu dưới những vằn lông lá. Tôi đang ở trong phòng giam.

Tôi ý thức điều đó. Tôi là tù nhân. Còn những kẻ kia được lừa vào đây để hạ nhục tôi. Một bản văn nào tôi đã đọc (bây giờ cũng không còn nhớ rõ nữa) có nói đến trường hợp của tôi, câu chuyện giả tưởng ấy tôi không ngờ lại ngấm nhấm thấy tôi trong đó, như trong mộng mị. Tôi không có tội. Tất cả chỉ vì một cái tên. Tôi có một cái tên ghi trên phiếu lý lịch, tên X như nhiều kẻ khác và từ con đường dẫn về nhà, tôi đã bị xét hỏi, tôi không trả lời được tại sao tôi mang cái tên ấy. Cũng như khi ra đời, tôi không thể từ chối được, tôi cũng không thể đổi tên khi cha mẹ đã quen gọi và những năm tháng sau này, tôi có những thành công gắn liền với cái tên ấy (tôi vẫn thường sống trong giả tưởng, tin vào những thành công mơ hồ, mang cái tên định mệnh trên mảnh bằng, xã ước, chứng khoán; tôi không thể khước nhận những quyền lợi dành sẵn cho cái tên: ông X đây, với bằng cấp này được tuyển dụng vào ngạch..., chỉ số..., ông X địa vị, ông X chủ nhân - à, một khi chối bỏ cái tên, tôi bỗng dưng trở nên trần trụi không móng vuốt, vô nghề nghiệp, vô danh - nỗi sợ hãi lớn nhất của đời người, trở lại làm kẻ vô danh), nhưng nếu bây giờ tôi không liên quan gì với cái tên ấy, tôi sẽ là kẻ vô tội. Tôi thù ghét những kẻ kia; Sống, chính vì phải mang một cái tên quen biết, một cái tên được ưu đãi, may mắn hơn những người khác, sống với những kẻ khác nhớ đến tên mình, sống tham dự vào những dạ hội, lễ rước, nên kẻ khác giới thiệu, gọi tên nhau. Cái tên đã làm cho tôi sống thu mình vào trong cái vỏ tự vệ, tôi không thể làm điều này, điều kia, những giới cấm xã hội như những mạng lưới bủa vây lấy danh dự (không, cái tên). Có lúc phải chối bỏ cái tên. Tôi đang ở trong phòng giam. Tôi ý thức điều đó. Tôi là kẻ mang số dính bìa. Sống giữa những con số khác. Xin cảm ơn tù ngục. Xin cảm tạ bạo động. Tôi đã sắp sửa được trở về với thú tính. Sống đồng hóa với những con vật người kia. Những con vật biết hút thuốc lá. Kẻ ngồi bên cạnh hỏi tôi còn hút thuốc lá không. Tôi khinh bỉ trả lời, chưa bao giờ đốt một điếu thuốc nào trong đời (tôi là người, không phải cái máy để thở khói ra đằng lỗ mũi). Những kẻ chung quanh cười rộ. Đồ đạo đức giả, tôi nghĩ thế. Tôi vừa ở phòng thẩm vấn về đây, dưng và ống quần còn ướt căm hơi nước tiểu xông lên nóng rực. Tôi thêm hút một điếu để trả thù. Đồ ngu xuẩn, tao không biết cười. Tôi là người, không phải là loại dưới uoir thích cười. Ung thư, lao phổi - đó là

những chữ đe dọa đời sống. Tôi không hút thuốc như không làm tình. Đó là giới cấm. Tôi đã đặt ra những giới cấm để cảm thấy có tự do (nếu không, chắc hẳn tôi chưa hề biết từ chối bao giờ), trí tưởng du tôi vào tự do, trí tưởng cho thấy những kẻ kia đi hai chân trên sàn trần, thế giới trong ba bức tường gạch này, lưới song sắt đối diện với mặt tiền căn phòng đối diện, những bàn tay co quắp bám lấy then sắt tròn nhìn ra bên ngoài, bên này cũng như bên kia, không nhìn thấy ngoài trời, bờ tường dài hun hút, sừng sững như vực thẳm chắn ngang thị giác, tôi thấy những kẻ khác mệt mỏi ngồi bệt trên sàn, đầu gối nhô lên khỏi vành tai, hốc mắt sâu và trắng dã. Tôi cũng mệt mỏi. Tôi muốn trở lại phòng thẩm vấn, nơi đó mới có loài người, viên thẩm vấn ngồi ở đằng sau bàn nạt nộ, hỏi những điều tôi không thể trả lời được, vì thế tôi sợ hãi, tôi nhìn hắn và tôi cảm thấy hắn coi tôi như con vật đi hai chân (phút mê hoặc hay quyến rũ tôi được phân xét, tôi có những liên hệ với xã hội bên ngoài, tôi có một lịch sử về riêng tôi, không phải của kẻ khác); đó là lúc được quyền mơ mộng, nói tiếng người. Tôi cháy bỏng trong những câu trả lời, tôi đưa ra một suy luận, tôi phủ nhận lời buộc tội này, tôi đi tìm lý trí thành hình ở những khâu cung. Ý tưởng đặc sệt, lóe sáng như tia chớp đèn và làn sóng ngôn ngữ đồ trào cho đến khi nước mắt lung tròng cay sè trước ánh sáng, ứa ra làm nhòe nhoẹt vùng thị giác, tôi thấy kẻ thẩm vấn trước mặt là chính tôi. Thân xác bắt đầu quay cuồng giữa những vòng âm thanh, tôi hỏi, tôi nói, tôi trả lời, những nhát búa nện trên đỉnh sọ, bàn tay nào bóp thắt trái tim, nhịp động mạch nhảy phanh, tôi vẫn nghĩ, hai đầu gối vẫn duỗi thẳng ở vị trí của cẳng chân, tôi vẫn nghĩ trong hôn mê, ý nghĩ tước đoạt dần khỏi trí nhớ cư ngụ trong những tiếng của tôi.

Đến ngày thứ năm, căn phòng chật ních những người mới đến — toàn là thanh niên, nhiều tên râu tóc mọc dài lẫn với những khuôn mặt trẻ dại; những gọng kính cận thị giương đôi mắt dại trở. Dường như chúng không biết mệt mỏi, cười đùa, la hét. Thỉnh thoảng, từ căn phòng bên này, một tên cất cao giọng ca, tất cả bọn chúng cùng há lớn miệng ca, tiếng hát truyền nhiễm sang phòng bên kia, những âm thanh vỡ bờ từ hai phía, những lời chuyển động rầm rộ, đồn dập xoáy vào không gian hạn hẹp

trào ra bên ngoài hành lang, bên ngoài trời. Tôi nằm dựa xuống bên góc tường, miên man theo dõi không gian cuộn cuộn sống. Sự sống khởi từ chỗ nào, những thớ thịt căng trên mặt kẻ cắt lời ca, hay khoảng lưng còn đau nhức ; tôi vừa được đưa trở về, đi bằng qua một khoảng sân ngấn, mặt đất trải những mảnh gạch vụn xen lẫn với những đám cỏ xanh, trên đầu khoảng trời có những vết sẫm khuất bên kia bờ tường cao phủ những hàng rào kẽm gai, tôi tự hỏi, bên ngoài bờ tường kia là đất hay trời, hay những dãy nhà giam khác ; tôi không nhớ gì, tôi chỉ nhìn thấy khoảng trời, tôi chú ý đến những vòng kẽm gai trên bờ tường quấn dài trên những cọc sắt cao nghệu, đầu cọc cụp xuống với những mấu trống, vòng kẽm gai đan lấy nhau từng lớp (trông như những cũi sắt chứa con trăn kim khí khổng lồ), ý tưởng đào thoát mọc lên từ trí tưởng thôi thúc muốn ngấm nhìn vùng hoang vô (của trời, của đất) bên ngoài. Nếu tôi trèo lên được những vòng kẽm gai ấy bằng hai cánh tay trần này, có lẽ thân thể cũng chỉ đau nhức bằng những trận đòn tra tấn hồi nãy. Bỗng dưng tôi thấy thêm ngủ với đàn bà. Tôi nhìn hẩn, tên nhỏ tuổi nhất trong bọn thanh niên đang hát, đôi mắt hẩn ngó quái đản : tôi thêm ngủ. Đàn bà nào cũng vậy thôi. Tôi đang sợ hãi, trong khi hậu nguy hiểm này, tôi cất tiếng ca để trấn tĩnh sự xúc động thoát ra từ cảm giác trải khắp thân thể ; cảm giác len dần qua những lỗ chân lông. Chung quanh đây, những thời khắc đe dọa sắp sửa bắt đầu. Tôi phải làm điều gì để đối phó, tôi vô tội, tôi không có sự thực nào để nói ra ; dường như từ khi tôi ra khỏi nhà, mà tôi vẫn chỉ đứng một chỗ trong đám đông, tôi chưa hề lên tiếng, tôi không có ý kiến. Tại sao người ta không truy tố đám đông, không tiêu diệt đám đông, nhưng chỉ bắt giữ tôi ; tôi hay kẻ nào cũng vậy thôi. Căn phòng này đầy những đàn ông — rõ rệt là thế giới này không có đàn bà ; nhưng nguy hiểm hơn nếu có một người đàn bà (thực vậy, trong đêm tối họ làm gì với một đàn bà... chúng tôi không cần) đêm tối bủa vây lấy sức sống của nhục thể, đêm tối mù mờ, đêm tối đồng lõa, tôi không cần, tôi không cần biết, tôi không chống cự, tôi không trông thấy kẻ nào, tôi chỉ ngửi thấy hơi thở nghe như tê thiếp vào sự nổi dậy của đám đông. Tôi đã từ trong đám đông sinh ra, tôi vẫn xếp hàng đứng sau những kẻ khác ở ngoài đường, ở cuộc đời, trước mặt kẻ thăm vấn, tôi nói những điều tầm thường như đứa trẻ

nhỏ đòi ăn, những chữ không có ý nghĩa, những dấu hiệu trên khắp ngã tư đường như đi, đứng, dừng lại, quẹo trái, rẽ mặt, đầu đầu cũng có những hình thù cho kẻ sáng mắt nhìn. Tôi không thể hiểu (nếu kẻ kia đòi hỏi tôi phải trả lời) những dấu hiệu nổi dành cho người mù. Tôi từ chối không làm người mù (dầu đêm có phủ quanh mắt, tôi cũng vẫn thấy thế giới này). Ngày đầu, người ta gọi mỗi lần năm thanh niên ra khỏi phòng. Khuôn mặt nào cũng giống nhau, không băn khoăn, hốt hoảng. Lần lượt, những kẻ khác. Những người già bị bỏ quên. Chúng tôi ngồi co ro. (mặc dầu hơi nóng tỏa qua lần tôn xám lược chín lấy thân thể bưng bưng — chúng tôi kinh hãi biến động sắp đến, chúng tôi lo ngại) ít ra trong bọn trẻ kia cũng có một vài kẻ thân yêu (trong đêm hôm, chúng tôi không từ chối); khi họ trở về, tôi đã nói gì, tôi đã khai ra điều gì, không, tất cả chỉ trong những vết tích bầm giập quay lại căn phòng này như một trạm hẹn — nhìn nhau và đợi chờ. Nhiều ngày sau. lệnh gọi từng kẻ một, thời khắc trôi qua theo sự hồi hộp của những người còn lại trong phòng, nghe ngóng từng bước chân quay trở về, kẻ về từ cõi chết mang theo tia mắt nghi ngờ, tên nhỏ tuổi nhất khóc rưng rức đợi đến lượt mình bị gọi tên, không, con số, tôi không có tên (bạn hữu đã tước đoạt đi rồi, tôi xin thừa) tôi không có ý kiến. Tôi không thể sống cô đơn, bạn hữu đều biết, nếu tôi bị gọi lên một lần (ở nơi nào đó, ngọn đèn tròn, trắng sáng quắc mắt như mặt trăng nhìn từ biển hoang) kẻ đặt những câu hỏi xoáy tít vào da thịt, giằng móc lấy quá khứ hiện hình, tôi nào có quá khứ (xin đừng hỏi cha mẹ tội tên chi, làm gì, xin đừng hỏi anh em tôi còn những ai, xin đừng hỏi... thế giới từng sống trước mặt tôi như bờ vực, tôi sống và chết trên lần mức cuối cùng này; xin đừng hỏi...) tôi làm gì ngoài đường, không, thế giới ở bên kia lần tường chẳng chịt dây kẽm gai, ở đó sự sống đã từ nhận, bỗng dưng từ nhận chúng tôi, anh em ơi, hình thù xe cộ lằng đằng chấp chờn trong vách tường, những cột đèn lần lượt nhô cao làm những hàng cây thở hút mạch điện không bóng mát đuổi chúng tôi chạy dài kiệt lực dưới ánh mặt trời đầu đây, bây giờ sự sống đã bỏ lại cùng chúng ta bóng đêm nhục thể, bóng đêm tàn bạo và điên cuồng. Tôi đã biết tôi phải làm gì. Trong đám đông tôi chỉ là bộ mặt phần nộ, không tiếng là tuyệt vọng của cảnh tượng vô cùng.

(Bên ngoài bờ tường kia là đất hay trời, tôi không thấy...)

Hay trong đêm nay có phải. Tôi xin cung khai.

Tôi sắp được trở về. (Quê nhà là nơi an nghỉ, nơi đặt giấc ngủ sau cùng).

Tôi nhất định không hút, điều thuốc lá đầu tiên hay điều thuốc lá cuối cùng.

Tôi sẽ nói, tôi sẽ vượt qua những vòng kềm gai thách thức kia — chết, nỗi đau nhức khôn cùng sẽ kết thúc.

Tôi nghe, tôi nghe.

Tôi là đứa con hoang.

Tôi là tên rong chơi thàng ngày trên sông bạc của đời.

Tôi và viên chức được đãi ngộ một thời.

Tôi đứng giữa đám đông.

Anh em. Bằng hữu. Tôi.

Ồn ào. (Không, đó là tiếng của gió trong cơn bão rớt thối lùa vào hành lang)

Im lặng.

Những hàng song sắt ngó nhìn nhau. Đêm tối lặng mù.

Chỉ còn những chữ viết nguệch ngoạc trên ba bờ tường (nhiều chữ đọc không ra, những vết máu ngón tay), trên sàn trần nhiều vũng chất lỏng đã khô, sần loang loáng.

Tiếng vọng, người, vật, kẻ đi, kẻ chết.

Đặng Phùng Quân

NGUYỄN MAI

Trên Đường Đi

Không có ai chờ tôi ở nhà đợi. Phi trường cuối năm cho cảm tưởng giống như những năm trước. Hình ảnh những người đợi tàu hoặc thân nhân đưa đón cũng thế: họ lặng lẽ di chuyển bên trong nhà kính. Khi biết chắc không có ai chờ mình, tôi đi theo những người cùng chuyển đến chỗ xe ca của hãng Hàng Không.

Tôi ngồi xuống ở hàng ghế cuối cùng, đánh diêm châm thuốc, người xiêu đồ vì xe chuyển bánh, bắt đầu chạy cùng chiều với những đám mây trên cao. Qua một khoảng đường hai bên cánh đồng cỏ khô chạy dài vào những bìa rừng cao-su, bây giờ xe chạy giữa, ở bên dưới hai bìa rừng cao-su khác. Trời cuối đông, những cánh cao-su không lá cho cảm tưởng đời sống ở nơi đây thật êm đềm. Nhưng đó chỉ là cảm tưởng. Bởi vì đời sống ở đâu cũng thế, ở đâu cũng đầy khát vọng.

Xe đồ dốc rồi lên đèo, tôi lần lượt gặp lại những hình ảnh, cảm tưởng của một năm trước đây.

Qua câu chuyện của những người ngồi ở phía trước, tôi thất vọng khi biết rằng năm nay, dù đã trung tuần tháng chạp, thời tiết ở đây khác hẳn với năm ngoái — Nghĩa là vẫn còn đầy nắng bụi. Tuy nhiên, một người nào đó nói, có thể giống như năm kia, mai mốt hàn thử biểu có thể xuống tới gần không độ.

Xe tiếp tục chạy qua những hàng cây cảnh nhánh không lá đứng trên cao hai bên đường. Tôi châm diều thuốc mới, búng bỏ mẩu thuốc đã làm nóng hai ngón tay. Xe đã qua khỏi trạm kiểm soát, thị trấn xuất hiện với mọi vật bị bụi đỏ phủ kín. Sự thay đổi lớn nhất, làm nhận ra ngay được là có những căn nhà bị tàn phá sau biến cố Tết Mậu Thân đã được xây cất lại, hầu

hết bằng vật liệu nặng. Như thế, thị trấn này vừa trải qua ba hình ảnh : Trước Tết Mậu Thân, sau đó và bây giờ với những ngôi nhà mới.

Xe ngừng trước trạm vé. Tên tôi được gọi liên tiếp. Tôi nhận ra ngay Sinh và Hoàng. Vì khi lên xe, lên sau cùng, nên bây giờ tôi là người đặt chân xuống đất đầu tiên. Sinh, Hoàng bước nhanh tới đỡ cái sac khá nặng ở tay tôi. Đây là lần đầu lên thị trấn này tôi đã mang theo một cái sac nặng trĩu tay. Hoàng cho biết vì muốn dành cho tôi một bất ngờ, nên dù có chiếc Jeep của Ninh (Hoàng giới thiệu Ninh với tôi, bạn mới của nó), nên đã không ra đón tôi ở ngoài phi trường. Sinh nói năm nay anh Kiệt gầy quá. Câu nói của Sinh làm tôi lao đao một lát.

Ninh chở chúng tôi về nhà Sinh, sau khi ba đứa bàn định.

Suốt đoạn đường phố ngắn chúng tôi hỏi thăm, chăm chọc, cười vang. Về tới nhà Sinh, câu chuyện vẫn tiếp tục, những tiếng hỏi nói, cười đùa, trả lời ồn ã đầy trong căn phòng nhỏ bừa bãi sách báo, tàn thuốc lá, băng nhạc. Trong tình thân và niềm vui lâu ngày gặp lại, tôi nghe nồn nao... Tôi hỏi Hoàng về đám cưới của nó, lập tức Sinh trả lời : Bảy tháng nữa thằng Hoàng nó có con rồi anh Kiệt, chắc sẽ giống thằng Thái, sinh đôi. Hoàng lườm Sinh, cười cười, lừ lừ tiến tới chỗ Sinh ; chúng nó còn quá trẻ để vẫn đấm, đỡ, xô đẩy nhau.

Quay sang tôi, sau khi bỏ chạy, Hoàng nói : Thằng Thái cưới vợ rồi anh Kiệt. Mới có bảy tháng vợ nó đã sinh hai thằng con trai một lượt. Ba bố con nó giống nhau như đúc.

Từ lúc gặp tôi, Ninh ít nói, Ninh kín đáo để ý đến tôi, tôi nghĩ vậy. Ninh có một đôi mắt đẹp. Với cái dáng vẻ và y phục thời trang, tóc để dài, tôi ngạc nhiên thấy Ninh hết sức lễ độ. Khi Ninh nói đã nghe Hoàng và Sinh nói rất nhiều về tôi, tôi hiểu vì đâu sự lễ độ ấy. Dưới mắt Hoàng và Sinh, tôi sống một đời sống quá mãnh liệt, rục rỡ. Ninh bị ảnh hưởng bởi những lời kể chúng tôi.

Hoàng đưa cho tôi bao thuốc, hỏi tôi về một người bạn của tôi : Anh Tuấn hồi này làm gì anh Kiệt ? Tuấn có vợ rồi, một con. Anh Hồ ? Bốn đứa con trai. Chị Phượng cũng một đứa rồi. Chị Phượng, Hoàng gọi như thế, Hoàng vẽ lên trong đầu tôi một khuôn mặt rạng rỡ ngày nào. Tôi nhìn xuống nền nhà, nhìn xuống đôi giày

đang mang ở chân. Bây giờ chỉ còn tôi vẫn bước đi một mình. Khi Sinh hỏi : « Buồn hả ông ? » tôi nhận ra căn phòng vừa có một khoảng im lặng bất chợt. Tôi định hỏi thăm về Phượng nhưng chẳng hiểu sao tôi đã im lặng, thăm giấu tiếng thở dài.

Tôi theo Hoàng về nhà nó. Căn nhà và cách bày biện dù đã một năm qua nhưng hầu như không có gì thay đổi. Chiếc giường dành cho tôi vẫn ở cạnh bức tường xi-măng nhám, màu vàng. Sân thượng vẫn đầy bụi dù ở rất cao với mặt đường. Những đứa em của Hoàng về, chúng reo tên tôi. Tôi đưa cho chúng một gói quà. Ba mẹ Hoàng về, ông bà rất vui vẻ. Ba của Hoàng hỏi ý kiến tôi về tình hình chính trị, kể về dự định tổ chức đám cưới cho Hoàng. Bữa cơm rất ngon miệng. Hoàng dặn tôi ở nhà. Tôi không hiểu, tôi nói với Hoàng. Em đi làm về bốn giờ chiều nay thẳng Ninh qua đón anh em mình đi chơi. Hoàng bảo anh ngủ cho đỡ mệt rồi dậy tắm rửa đợi em về. Nhưng tôi không ngủ, cũng chẳng tắm rửa, tôi đi ra phố.

Khu phố chính bây giờ gồm những nhà xây, có lầu, hầu hết quá tệ về thẩm mỹ. Điều này, tố cáo một phần nào tâm hồn của các chủ nhà, tôi vẫn nghĩ. Dù thế phố xá không còn cái hình ảnh tro than của năm trước. Ngoài phố xá, điều làm tôi chú ý là tất cả các quân nhân đều đội mũ sắt, lưng đeo súng.

Hôm qua Phượng tìm gặp tôi sau khi tôi nhắn người bạn nàng là tôi muốn được gặp nàng. Đã hình dung, tưởng tượng nhưng tôi không ngờ Phượng có thể thảm thiết như bây giờ. Đã hết hoàn toàn rồi Phượng của những ngày tháng cũ. Nhan sắc rực rỡ thơ dại đã thay bằng một thân thể, một khuôn mặt phấn son tàn vữa.

Tôi hỏi Phượng, bây giờ em thấy giữa chúng ta như thế nào ? Em thấy những tình cảm điên cuồng trước kia chỉ là phù phiếm. Em không hiểu tại sao chúng ta lúc đó lại sôi nổi như thế. Bây giờ có lẽ em cũng còn yêu anh, nhưng chỉ là một tình cảm nhàn nhạt. Con em như thế nào ? Nó đang bị đau, nó cứ đau mãi, nhiều lúc em muốn giết nó rồi chết theo nó cho xong. Bây giờ Phượng có rảnh không ? Em rảnh, em nghe Điều nói anh đi tìm em, em đã thu xếp gặp anh, mình có thể đi với nhau đến tối.

Nơi chúng tôi đi với nhau đến tối, quả là tôi không ngờ, Phượng đề nghị ở trong một khách sạn xa thị trấn...

Phượng lừa tay vào ngực tôi, nói : Anh gầy đi nhiều quá. Tại vì anh thiếu thốn. Anh mà thiếu thốn. Anh quý lắm, em không gặp ai quý như anh cả, em nhớ anh chắc đến ngày em chết. Tôi đốt thuốc, cầm cho Phượng hút. Phượng hỏi thăm về Sinh và Hoàng Sinh và Hoàng, những ngày tháng cũ, chúng tôi nhắc đến những ngày trẻ dại thần thánh đã mất. Tôi làm sao quên được khuôn mặt Phượng cắt nghiêng trên nền trời, giữa gió tóc tung bay bên cạnh những chùm hoa vàng dạt mãi về một phía trước gió giữa hàng trăm hình ảnh, góc cạnh khác. Chúng tôi sống lại với những ngày tháng cũ. Chúng tôi gặp lại thân thể nhau, không « nhân nhật » mà điên cuồng như thuở nào. Tôi nói ngày mai, tức là ngày hôm nay, tôi muốn đến thăm đứa con của nàng. Phượng nhận lời. Như vậy là hiện nay thật sự nàng đang sống một mình, họ đã bỏ nhau vì người chồng có thêm lý do để nhất định không tin đứa con là của hắn. Những câu chuyện, những câu chuyện qua đi rồi tôi nhận ra người tình cũ ở bên cạnh mình tro tàn nằm hút thuốc, da thịt mềm nhão nhão chùng, đôi mắt quầng thâm buồn bã.

Ngôi biệt thự từ hồi Pháp còn lại nằm trên một đỉnh đồi thấp này, tôi không ngờ là nơi Phượng đang sống.

Tôi và Ninh bước lên bốn bậc thêm đá. Khuôn mặt Phượng bên trong cánh cửa mở ra không phấn son nom tàn tạ.

Phượng khép cửa, đóng then khi tôi và Ninh bước vào đến ngồi ở một cái khung ghế sa-lông bằng gỗ không có nệm. Phượng trở vào. Ninh xoay xoay cái ly đựng một bông hồng đã héo rũ đặt trên cái mặt bàn bằng kính có nhiều đường rạn vỡ. Con đâu em, tôi hỏi. Phượng chỉ vào sau tấm màn, ông nhóc đang ở trong đó. Tôi đi vào, tôi đứng lại cách xa chiếc giường trải vải trắng.

Thằng nhỏ đang nghịch với một quả bóng nhiều màu thả xuống từ đỉnh mũng bằng một sợi chỉ đỏ. Nó nhìn tôi. Nó không hề giống tôi. Theo Phượng nó chính là đứa con của chồng nàng, nhưng hắn, ngược lại, hắn bảo thằng nhỏ là con tôi. Sự thật, tội nghiệp thay, thằng nhỏ chính là con của hắn ! Tôi quay qua

Phượng vừa đứng ở bên cạnh, em sống khổ sở như thế này sao. Phượng nói em và nó thui thui ở đây, cả ngày em đóng cửa nên nhiều lúc ban ngày mà em tưởng đã đêm tối. Phượng nói. Tôi cố tin Phượng nói.

Nhưng mà, đúng như nhiều người vừa nói với tôi, trước tiếng xe rùng ở bên ngoài, tôi nhìn thấy sự hoảng hốt ở Phượng. Tất cả những bày vẽ, dựng lên của Phượng bị bẻ gãy: Thanh niên chồng nàng, mà sau này tôi biết hẳn từ một trại lính trốn về, đứng trước khung cửa khi Phượng mở cửa ra.

Thanh niên làm bộ thần nhiên chào tôi, hỏi thăm và nói những câu nói — cũng làm bộ thần nhiên — với Phượng.

Tôi bảo Ninh ra về. Tôi nói thôi anh về Phượng, moa về nghe Tam.

Tôi bước xuống những bậc thêm đá.

Ninh ở phía sau tôi,

Tôi bước ra khoảng sân, đứng im lặng nhìn theo những đám mây trắng như những đám tinh vật bay ở phía bên kia những ngọn núi xa,

Ninh mang xe tới. Ninh hỏi tôi, anh đến thăm gì mà nguy hiểm quá vậy. Tôi thở dài, tại bà ấy nói chỉ ở một mình. Chát đặng trong lưới, tôi lắc đầu, tôi nhìn thấy Ninh với nụ cười rúm ró trong kính chiếu hậu.

Tôi đã làm mọi việc cần thiết trong đám cưới của Hoàng. Đêm nay tôi dời nhà Hoàng sang nhà Sinh ở. Trên đường phố, gió thật nhiều. Phượng đang ra sao lúc này? Bị đánh đập, bị bỏ lại một mình hay đã êm thuận với thanh niên chồng nàng? Sinh im lặng đi ở bên tôi. Vào khoảng phố tối, tiếng chó sủa đầy. Ngày mai tôi dời thị trấn này. Rượu và những ý nghĩ ám ảnh làm nhức buốt đầu tôi. Sự yếu đuối đã đẩy Phượng và tôi vào sự chung chạ. Hai con vật đã trườn quanh nhau. Tôi có cảm tưởng lúc này bị đánh vào đầu mới hưởng được sự yên tĩnh.

Có phải việc thanh niên chồng Phượng bắt gặp tôi đến thăm nàng hôm qua đã phá hỏng một tình thế tốt đẹp mới có được trở lại của họ. Tôi lập lại, tự hỏi, khổ sở.

Sinh đưa thuốc mời tôi, tôi lấy một miếng đứng lại khum tay đánh diêm. Tôi nói đầu anh nặng quá. Sinh giữ chặt tôi, Sinh nói

nói với tôi một câu bất ngờ : Tụi em thương anh. Tôi nín lặng nghe xúc động tràn ngập. Tôi gặp thêm một bất ngờ khác trong chuyến đi. Phượng ngồi đợi tôi trong nhà Sinh. Phượng nắm chặt tay tôi, Phượng kêu lên, anh lại đây mùi rượu thể này. Kiệt, em tìm anh để báo cho anh biết một việc, anh đừng buồn, em và Tam đã bỏ nhau, em không tiếc gì. Nguyên cớ cũng chẳng phải vì chuyện hôm qua. Mà vì những hư hỏng của em... Em đến đây gặp anh lần sau cùng. Lần sau cùng, tôi hỏi. Vâng, mai em đem thằng nhỏ đi P., ở trên ấy người ta đã báo cho em biết đơn xin việc làm của em đã được chấp thuận.

Phượng đã quyết định, và tôi, tôi không nói gì thêm. Không thể sửa chữa được gì nữa cả. Chúng tôi chúc nhau, nói những lời cuối cùng. Tôi và Sinh đưa Phượng về. Chúng tôi đi qua những mặt nhà kín cửa của các con đường nhiều gió. Về tới ngôi biệt thự cổ, Sinh ghé vào cái quán nhỏ mua thuốc lá, tôi và Phượng đứng lại nhìn nhau ở bên trụ đá của khuôn cổng xây. Mọi Phượng lạnh giá.

Suốt dọc đường tôi im lặng. Mấy đứa em ngồi cạnh ồn ào những câu chuyện chêm chọc.

Tôi cảm ơn mấy đứa em.

Dưới bầu trời đầy mây trắng thỉnh thoảng lơ đãng, chiếc xe Ninh chở theo Hoàng và Sinh chạy vào con đường hai bên là những hàng cây cao-su cành nhánh không lá.

Bên cạnh cái nhà đợi quét vôi màu đỏ chơ vơ giữa cánh đồng cỏ hoang, bầu trời cuối năm ở đây mênh mông và tôi đứng một mình.

Nguyễn Mai

Ngừng Chiến

(Tiếp theo trang 16)

« Trước khi đi ra khỏi phòng và không chờ đợi trả lời, bà cụ kết luận :

« Tôi coi ông cũng như một cái quái thai với cái dương vật của loài heo mà tôi không may sinh ra vậy. »

Trong cái đêm dài không cùng ấy, trong lúc Đại tá Gerineldo Márquez tưởng nhớ lại những buổi chiều xa xưa ông sống trong phòng may của Amaranta, Đại tá Aureliano Buendía quay cuồng trong nhiều giờ cố gắng phá vỡ cái vỏ cô đơn, hiu quạnh vây cứng lấy ông. Ông thấy đời sống chỉ có những giây phút hạnh phúc, kể từ buổi chiều ông già ông dắt ông đi coi cục nước đá, trong thời gian ông sống lặng lẽ trong căn phòng thợ bạc của ông, qua thời giờ bằng cách chế tạo những con cá nhỏ bằng vàng. Ông đã phải tổ chức ba mươi hai trận chiến, phải vi phạm tất cả những thoả ước với Thần Chết và nằm trơ trọi như một miếng thịt thiu vữa trong đáy thùng rác để khám phá ra miền sung sướng của cuộc sống đơn giản chậm mất tới bốn mươi năm.

Tới mờ sáng, mệt nhoài vì thức, ông xuất hiện trong phòng giam tử tội một tiếng đồng hồ trước giờ hành quyết. « Mãn kịch lỗ bịch chấm dứt rồi, bạn, » ông nói với Đại tá Gerineldo Márquez « Bạn nên ra khỏi đây trước khi bạn muối làm thịt bạn. » Đại tá Gerineldo Márquez không thể giấu nổi sự khinh bỉ của ông trước thái độ đó.

« Không, Aureliano, » ông đáp. « Tôi thà chết còn hơn là thấy anh trở thành một tên khát máu. »

« Anh sẽ không có dịp thấy gì hết ở tôi », Đại tá Aureliano Buendía nói « Thôi, đi giày vào. Đi giúp tôi chấm dứt cuộc chiến tranh cút dái này »

Khi nói câu đó, Đại tá Aureliano Buendía chưa biết rằng phát động chiến tranh bao giờ cũng dễ hơn là kết thúc chiến tranh. Ông phải mất gần một năm trời vất vả với những cố gắng dử dội và đâm máu để ép buộc chính phủ đưa ra những đề nghị hòa bình có lợi cho những người nổi loạn và một năm trời nữa để thuyết phục những người theo ông chấp nhận những đề nghị đó. Ông đi tới những hành động cực kỳ tàn ác để đập tan sự phản đối của những sĩ quan của chính ông, những sĩ quan chống

lại việc giảng hòa và đòi đi tới chiến thắng cuối cùng. Sau cùng, ông dùng cả đến lực lượng của kẻ thù để bắt họ phải thuận phục.

Chưa bao giờ ông tỏ ra là một vị chỉ huy tài giỏi như trong thời gian ấy. Sự biết chắc rằng sau cùng, ông đang chiến đấu cho sự giải thoát của chính ông chứ không còn phải chiến đấu cho những ý tưởng trừu tượng, cho những châm ngôn mà những nhà chính trị có thể bẻ cong, bóp méo theo tình thế, làm cho ông hăng hái và nhiệt thành. Đại tá Gerineldo Márquez, người chiến đấu để thất bại cũng chân thành và tin tưởng như khi chiến đấu để chiến thắng, trách ông về những hành động liều lĩnh vô ích của ông. « Đừng lo », ông mỉm cười, nói, « chết khó hơn người ta tưởng tượng nhiều lắm ». Trong trường hợp của ông, điều này đúng. Sự biết chắc rằng cuộc sống của ông đã bị giới hạn cho ông một quyền đặc miễn kỳ bí, một khả năng bất tử trong một thời gian làm cho những nguy hiểm của chiến tranh như không thể đụng chạm được tới ông, và sau cùng, cho phép ông đạt được một chiến bại còn khó khăn hơn, đầm máu hơn và đắt giá hơn cả chiến thắng.

Trong gần hai mươi năm chiến tranh, Đại tá Aureliano Buendía không sống ở nhà mấy khi, nhưng tình trạng khản trương mỗi lần ông trở về nhà, đám quân nhân bao vây ông khắp nơi, vòng hào quang huyền thoại sáng lên quanh ông — vòng hào quang mà cả bà cụ Úrsula cũng phải nhận thấy — đã biến ông thành một kẻ xa lạ với gia đình ông. Lần cuối cùng ông về Macondo, lần ông đem về theo ba người đàn bà và ở riêng một nhà, ông chỉ về nhà đâu có hai, ba lần gì đó. Đây là những lần ông nhận lời bà mẹ về ăn tối. Các cháu ông gọi ông bằng ông, con của Arcadio Remedios Đẹp và hai đứa trai sinh đôi, ra đời giữa chiến tranh, gần như không biết ông là ai. Amaranta, em gái ông, không thể đồng hóa hình ảnh người anh hiền lành từng sống qua thời gian mới lớn với việc chế tạo những con cá bằng vàng với người chiến binh thần bí tự đặt mình trong cái vòng tròn xa cách hẳn với nhân loại ấy. Nhưng khi mọi người biết là sắp có giảng hòa, họ nghĩ rằng ông sắp trở về và lần này ông sẽ trở lại là một người thường như tất cả mọi người, những tình cảm gia đình, sau nhiều năm thui chột, sống mạnh trở lại hơn bao giờ hết.

« Nhà mình lại sắp có đàn ông rồi », bà cụ Úrsula nói.

Amaranta là người đầu tiên nghi ngờ họ đã mất ông mãi mãi. Một tuần trước ngày giảng hòa, khi ông bước vào nhà không

có một người hộ vệ, theo sau hai người phu khuân vác đi chân đất đặt trước bậc cửa cái yên ngựa và cái rương đựng những tập thơ của ông — hai vật đó là tất cả những gì còn lại trong số hành trang vương giả trước đây — Amaranta nhìn thấy ông đi ngang cửa phòng may và nàng gọi ông. Đại tá Aureliano Buendía phải cố gắng nhiều mới nhận ra được cô em.

« Em là Amaranta đây mà », nàng vui vẻ nói, sung sướng vì ông anh an toàn trở về nhà, và nàng giơ bàn tay buộc băng đen lên cho ông coi. « Này ».

Đại tá Aureliano Buendía mỉm cười với nàng như lần ông trở về Macondo với án tử hình và lần đầu ông nhìn thấy mảnh băng đen trên tay nàng.

« Sợ thật », ông nói, « thời gian qua như thế... »

Quân đội chính qui phải tới bảo vệ nhà ông. Đại tá Aureliano Buendía trở về giữa những lời chửi rủa, ông bị người ta nhò vào mặt, bị kết tội đầy nhanh cuộc chiến để bán với giá hời. Ông run rẩy vì nóng lạnh và hai nách ông lại nổi đầy mụn nhọt. Sáu tháng trước, khi bắt đầu nghe nói sắp có giảng hòa, bà cụ mẹ ông đã quét dọn lại căn phòng hợp căn ngày xưa của ông con, bà cụ đốt hương trầm trong góc phòng, nghĩ rằng ông con sẽ trở về để sống và để già đi chậm chậm giữa những cơn búp-bê bụi phủ của Remedios, cô vợ ông trước đây. Nhưng thật ra, trong hai năm cuối cùng vừa qua, ông con của cụ đã trả nốt những món thuế khóa cuối cùng cho cuộc đời, kể cả việc trở nên già yếu. Khi ông đi ngang căn phòng thợ bạc ngày trước của ông, căn phòng đã được bà cụ mẹ ông sửa soạn lại thật kỹ, ông không để ý cả đến chiếc chìa khóa vẫn nằm trong ổ khóa. Ông không nhận thấy vẻ suy tàn mà thời gian đã dánh xuống tòa nhà, vẻ suy tàn lẽ ra phải làm cho ông ngạc nhiên đến sửng sốt sau một thời gian đi vắng dài đến như thế. Ông không hề nào nề vì bức tường vôi trắng long lở hay vì những góc nhà đầy mạng nhện như bông gòn, hay làn bụi phủ trên những cây hải đường hay vết đất do loài mối để lại trên sà nhà hay màn rêu trên ngưỡng cửa hay bất cứ một cam bầy nào của luyến tiếc hiện ra trước mắt ông. Ông ngồi xuống thềm nhà, tẩm mền trùm trên vai với đôi giày ống chưa cởi như người chờ đợi cơn mưa dút, và ông ngồi cả một buổi chiều như thế nhìn mưa rơi trên những chậu hải đường. Đến lúc đó, bà cụ mẹ ông hiểu rằng họ sẽ không giữ được ông ở nhà lâu. « Đây không phải là chiến tranh », bà cụ nghĩ, « đây chỉ có thể là chết ».

Tối hôm đó, ở bàn ăn, chú nhỏ được tưởng là Aureliano Hai bẻ bánh mì bằng tay phải và mức muỗng súp đưa lên miệng bằng tay trái. Đứa anh em song sanh của chú, chú nhỏ được tưởng là José Arcadio Hai, bẻ bánh với tay phải và mức muỗng súp đưa lên miệng bằng tay trái. Cử động của hai đứa trẻ ăn khớp với nhau đến nỗi nhìn chúng, người ta không tưởng đó là anh em sinh đôi mà tưởng đó là hai hình ảnh của một đứa trẻ chiếu trong hai tấm gương. Hai đứa trẻ sinh đôi đã nghĩ ra cái trò chơi đó khi chúng nhận thấy chúng giống hệt nhau, tối nay chúng diễn lại cái trò đó để chào mừng người mới trở về. Nhưng Đại tá Aureliano Buendía không để ý gì đến chúng Ông như xa lạ với tất cả, ông không cả nhận thấy cô cháu Remedios. Đẹp gần như lửa thề đi qua Bà cụ Úrsula là người duy nhất dám khuấy động vẻ xa vắng của ông.

« Nếu ông lại phải đi xa lần nữa, » bà cụ nói vào khoảng giữa bữa ăn, « ít nhất ông cũng cố nhớ lại cảnh gia đình ta ra sao tối nay. »

Đến lúc đó, Đại tá Aureliano Buendía nhận ra, không chút ngạc nhiên, rằng bà cụ mẹ ông là người duy nhất nhìn thấu được nỗi khổ tâm của ông, và đây là lần đầu tiên trong nhiều năm, ông nhìn thẳng vào mặt bà cụ. Làn da của bà cụ dày như da bò được thuộc, răng bà cụ đã hư, tóc bà cụ phai nhạt và không ra màu gì cả, vẻ nhìn của bà cụ đầy những sợ hãi. Ông so sánh bà cụ với hình ảnh xưa cũ nhất mà ông ghi nhớ về bà cụ, buổi chiều năm xưa khi ông có linh tính báo cho biết là nỗi súp trên bàn sắp đổ, và ông thấy bà cụ như gãy vỡ từng mảnh. Trong khoảnh khắc thời gian ông khám phá ra những vết hằn, vết xây xát, vết thương, vết sẹo và những vết ung độc mà hơn một nửa thế kỷ đã để lại trên bà cụ, nhưng ngay sau đó ông cũng lại thấy ra tất cả những tàn phá ấy không làm cho ông cảm thấy một chút thương hại nào. Rồi ông cố gắng tìm một lần cuối trong trái tim ông cái chỗ mà tình thương của ông đã thui chột đi, nhưng ông không sao tìm thấy được. Có lần ông đã cảm thấy một nỗi hồ thẹn mơ hồ khi ông tìm thấy hơi hương của bà mẹ trên da thịt ông. Hơn một lần ông cảm thấy những ý nghĩ của bà mẹ lẫn lộn trong ý nghĩ của ông. Nhưng tất cả những cái đó đã bị chiến tranh tiêu diệt hết. Ngay cả Remedios, vợ ông, bây giờ chỉ còn là một hình bóng mờ nhạt như của một người nào đó có thể là con gái ông. Những người đàn bà vô số kể mà ông đã gặp trên sa mạc tình yêu, những

người đàn bà đã rải rác những giọt máu của ông ở khắp miền duyên hải, đều không một ai để lại một dấu vết nào trong cảm nghĩ của ông. Đa số những người đàn bà này đều đến phòng ông trong bóng tối và ra khỏi đó trước khi trời sáng, để rồi qua ngày hôm sau họ chỉ còn là một chút mệt mỏi trong ký ức của thân thể ông. Tình thương duy nhất đã sống qua được thời gian và chiến tranh trong ông là mối tình ông có với José Arcadio, anh của ông, khi hai anh em còn nhỏ, nhưng đó không phải là một mối tình đặt căn bản trên tình yêu mà là trên sự đồng lõa.

« Tôi xin lỗi, » ông nói với bà mẹ để đáp lại lời bà cụ yêu cầu. « Đó chỉ là vì chiến tranh đã làm hư tất cả... »

Trong ngày hôm sau ông bận rộn làm mất hết dấu tích của ông trên cõi đời này. Ông làm quang căn phòng thợ bạc của ông đi cho đến khi trong đó chỉ còn toàn là những đồ vật thường, ông cho hai người phu khuân vác gần hết quần áo của ông, và ông đào hố chôn những vũ khí tùy thân của ông ở trong vườn với cái cảm giác đền tội giống như cảm giác của ông già ông khi chôn cây mác đã đâm chết Prudencio Aguilar. Ông chỉ giữ lại có một khẩu súng lục với độc một viên đạn trong nòng. Bà cụ Úrsula không can thiệp vào việc ông làm. Chỉ có một lần bà cụ ngổ lời ngăn ông. Đó là lúc ông sửa soạn đốt bức hình vắn đề thờ trước một ngọn đèn không bao giờ tắt của Remedios. « Bức hình này không còn thuộc về ông nữa từ lâu lắm rồi, » bà cụ nói. « Nó là một kỷ vật của gia đình. ». Trong đêm trước ngày ký kết đình chiến, khi trong nhà không còn qua một vật gì nhắc nhở đến sự có mặt của ông nữa, ông khuân cái rương đựng thơ tới lò bánh, nơi chị Santa Sofia de la Piedad đang sửa soạn đốt lửa.

« Nhóm lò bằng thứ này », ông vừa nói vừa đưa cho chị tập giấy đầu tiên đã ngả màu vàng. « Nó cháy dễ hơn vì nó lâu đời rồi. »

Santa Sofia de la Piedad, người yên lặng nhất nhà, người nhường nhịn nhất nhà, người không bao giờ nói trái lại bất cứ ai, kể cả các con chị, có cái cảm giác nhóm lò bằng những tờ giấy này là một việc phạm tội.

« Giấy này quan trọng mà, » chị nói.

« Không phải đâu, » ông Đại Tá nói, « Đây chỉ là những tờ giấy của một người viết cho chính hắn. »

« Nếu vậy, » chị đàn bà nói, « Đại tá đốt đi. »

Không những ông chỉ đốt hết những tập giấy đó mà thôi, ông còn dùng búa chẻ cái rương gỗ ra vút mạnh vào lò. Nhiều giờ trước đó, Pilar Ternera đến thăm ông. Sau nhiều năm không gặp người đàn bà này, Đại tá Aureliano Buendía ngạc nhiên đến sửng sốt khi ông thấy chị ta già và mập đến thế, và giọng cười của chị đã mất những âm thanh lộng lẫy, ông cũng sửng sốt vì thuật bói bài đã trở thành lão luyện của chị. « Ông hãy coi chừng miệng ông... » Lần này, chị cũng nói đúng như lần trước. Một lúc sau đó, khi người y sĩ riêng của ông lấy hết mủ độc trong những cái nhọt trong hai nách xong, ông hỏi, thái độ vẫn bình thường không có vẻ gì là chú ý đặc biệt cả, trái tim ông nằm đúng ở chỗ nào. Người y sĩ nghe bằng ống nghe rồi vẽ một vòng tròn trên ngực ông bằng một miếng bông chấm thuốc đỏ.

Bình minh ngày thứ Ba đình chiến đến ẩm và lất phất mưa. Đại tá Aureliano Buendía xuất hiện trong nhà bếp trước năm giờ sáng để uống ly cà phê không đường « Ông ra đời trong một buổi sáng giống như sáng nay, » bà cụ Úrsula nói với ông, « mọi người đều lấy làm lạ vì hai mắt ông mờ. » Ông không để ý gì đến lời bà cụ nói vì ông đang nghe tiếng binh sĩ tập hợp, tiếng kèn, tiếng hô làm tan vỡ buổi bình minh bên ngoài. Sau nhiều năm chiến tranh đến thế những tiếng đó đáng lẽ ra phải là những tiếng quen thuộc với ông, lần này khi nghe chúng ông vẫn thấy hai đầu gối run run và da thịt gợn gai như thời còn trẻ ông đứng trước một người đàn bà trần truồng. Ông nghĩ ngợi mơ hồ, chìm trong cảm bầy của luyến nhớ, đến chuyện nếu ông lấy người đàn bà đó làm vợ có lẽ ông đã là một người đàn ông không tham dự chiến tranh, không biết vinh quang, một anh thợ vô danh, một sinh vật sung sướng. Ý nghĩ này làm cho cuộc điếm tâm của ông trở thành đắng chát. Bấy giờ sáng, khi Đại tá Gerineldo Márquez tới nhà đón ông cùng với một nhóm sĩ quan, ông thấy ông lặng lẽ ít nói hơn bao giờ hết, có vẻ suy nghĩ hơn và cô đơn hơn. Bà cụ Úrsula cố phủ một tấm áo mới lên vai ông. « Chánh phủ sẽ nghĩ sao, » bà cụ nói, « Họ có thể tưởng rằng ông chỉ đầu hàng vì ông hết cả tiền để mua áo mới. » Nhưng ông nhất định không chịu. Khi ông đứng ở cửa, ông để cho bà mẹ đội lên đầu ông một cái mũ nỉ cũ của ông bố ông để lại.

« Aureliano, » bà cụ nói với ông lúc đó, « ông phải hứa với tôi rằng nếu ở đó ông khổ sở, ông sẽ nghĩ đến mẹ ông. »

Ông cười với bà mẹ một nụ cười xa vắng, ông giơ bàn tay với những ngón tay mở rộng lên, rồi không nói một tiếng, ông đi ra khỏi nhà, đối diện với những tiếng la, tiếng chửi, tiếng tục tĩu, những tiếng đi theo ông cho đến lúc ông đi ra khỏi tỉnh. Bà cụ Úrsula gài then lên cánh cửa, lòng đã nhất định suốt đời sẽ không còn hạ then xuống nữa. « Bọn mình sẽ chết thối trong này » bà cụ nghĩ. « Bọn mình sẽ trở thành tro bụi trong căn nhà không có đàn ông này nhưng mình nhất định không để cho bọn thành phố khốn nạn kia cái vui được nhìn thấy mình khóc ». Bà cụ để suốt cả buổi sáng đó tìm hình ảnh của ông con trong những góc nhà kín đáo nhất, nhưng bà cụ vẫn không tìm thấy gì cả.

Lễ ký kết đình chiến được tổ chức ở một địa điểm cách Macondo mười lăm dặm, dưới gốc một cây *ceiba* cổ thụ và thật lớn, nơi sau này người ta lập lên thành phố Neerlandia. Những vị đại diện cho chánh phủ, cho đảng và các ủy viên của lực lượng phiến loạn vừa hạ khí giới được mời giải lao bởi một số nữ tu riu rít bận y phục trắng trông như một bầy chim câu sợ mưa. Đại tá Aureliano Buendía trên lưng một con lừa dính bùn. Ông không cạo râu, ông đan đôn vì những mụn nhọt trong hai nách nhiều hơn là vì sự tan vỡ thất bại lớn của những giấc mơ của ông, vì ông đã đến điểm tận cùng của mọi hy vọng, ở ngoài vinh quang và sự luyến tiếc vinh quang. Theo những gì đã được thỏa thuận cuộc lễ không có trống kèn, không có pháo nổ, chuông reo, không có tiếng hô chiến thắng, cũng không có bất cứ một biểu dương nào có thể làm tổn hại đến tinh cách u buồn của cuộc đình chiến. Một gã thợ chụp hình rong chụp Đại tá Aureliano Buendía bức hình duy nhất có thể giữ lại được đã bị bắt buộc phải đập vỡ tại chỗ phiến hình trước khi in thành hình.

Cuộc lễ chỉ kéo dài vừa đủ thì giờ ký lên những văn kiện. Quanh cái bàn gỗ thô sơ đặt giữa chiếc lều vải rạp xiếc đã được vá nhiều chỗ, những vị đại diện và những sĩ quan cuối cùng trung thành với Đại tá Aureliano Buendía đứng thành hai hàng. Trước khi hạ bút ký, vị đại diện chính thức của ông Tổng Thống định đọc lớn văn kiện đầu hàng nhưng Đại tá Aureliano Buendía không bằng lòng. « Đừng phí thì giờ vì những thủ tục », ông nói và ông sửa soạn ký không cần đọc những giấy tờ trên bàn. Một sĩ quan của ông phá vỡ cái yên lặng ru ngủ trong lều :

« Thừa Đại tá », vị sĩ quan này nói « Xin Đại tá cho anh em chúng tôi cái đặc ân là Đại tá đừng ký trước ».

Đại tá Aureliano Buendía chấp thuận. Khi tập văn kiện đi một vòng quanh bàn giữa bầu im lặng trong đến nỗi người ta có thể đoán được chữ ký của ai qua tiếng ngòi bút siết trên mặt giấy, dòng trên đầu văn trắng. Đại Aureliano Buendía sửa soạn làm đầy dòng đề trắng ấy.

« Thưa Đại tá », một sĩ quan khác lên tiếng, « vẫn còn đủ thì giờ để chúng ta thực hiện mọi điều như ý muốn ».

Không thay đổi nét mặt, Đại tá Aureliano Buendía ký tờ giấy thứ nhất. Khi ông chưa ký đến tờ cuối cùng, một Đại tá phiến loạn hiện ra ở cửa lều, tay dắt một con lừa mang trên lưng hai cái rương gỗ. Mặc dầu hầy còn rất trẻ, ông này đã có cái nhìn khô khan và vẻ nhẵn nạt ít thấy. Ông là sĩ quan thủ quỹ của lực lượng cách mạng trong vùng Macondo. Ông vừa làm một chuyến đi vất vả dài sáu ngày, kéo theo con lừa gần chết vì đói, để tới kịp cuộc lễ đình chiến. Với một vẻ hà tiện lời nói và cử chỉ làm mọi người sốt ruột, ông hạ hai cái rương trên lưng con lừa xuống, mở rương và lấy từ trong đó ra từng thoi một đặt lên bàn bày mười hai thoi vàng y. Tất cả mọi người đều đã quên số vàng lớn này. Trong cơn hỗn loạn của những năm vừa qua, khi Bộ Tổng Chỉ Huy tan rã và cuộc cách mạng trở thành cuộc tranh chấp đẫm máu giữa những lãnh tụ, không ai còn có thể biết ai là người có quyền, ai không. Số vàng của lực lượng cách mạng, được đúc thành từng bánh bọc đất sét bên ngoài, biến mất cho tới bây giờ. Đại tá Aureliano Buendía ghi số vàng vừa được đem đến vào bản kê khai những vật nộp cho chánh phủ và chấm dứt cuộc lễ. Ông không chịu cho bất cứ ai đọc một diễn văn nào.

Người thanh niên dơ dáy đứng trước mặt ông, đôi mắt bình thần màu vàng nhờ nhìn thẳng vào mắt ông.

« Còn gì nữa ? » Đại tá Aureliano Buendía hỏi.

Người Đại tá thủ quỹ trẻ tuổi mím môi.

« Giấy biên nhận, » Y nói.

Đại tá Aureliano Buendía viết tờ biên nhận số vàng lên một mảnh giấy. Sau đó, ông dùng một ly nước chanh và một miếng bánh do các nữ tu mời mọi người trong lều rồi ông lui vào một chiếc liều riêng người ta sửa soạn sẵn để ông nằm nghỉ. Trong lều này, ông cởi áo và ngồi ghé trên mép giường, tới ba giờ mười lăm buổi chiều ông cầm khẩu súng lục tự bắn vào đúng vết tròn

vẽ bằng thuốc đỏ trên ngực ông. Đúng lúc ấy ở Macondo, bà cụ mẹ ông chờ mãi không thấy nổi sữa trên bếp lò sôi mở vung ra xem và thấy trong nồi đầy ắp những con giun.

« Họ giết Aureliano rồi, » bà cụ la lên.

Bà cụ già, theo thói quen, nhìn ra vườn sau và trông thấy ông chồng — Ông José Arcadio Buendía — người ướt nước mưa và buồn rầu đứng trong mưa, ông có vẻ già hơn ngày ông chết nhiều. « Họ bắn Aureliano vào lưng, » bà cụ nói tiếp với một vẻ chắc chắn hơn « và chẳng có ai ở đó đủ nhân từ để vuốt mắt nó. » Tối mờ tối, qua màn nước mắt, bà cụ nhìn thấy một chùm sao lạc lộn như những cái đĩa bạc bay nhanh qua nền trời như một hơi thở, bà cụ nghĩ rằng đó là dấu hiệu của Sự Chết. Bà cụ vẫn ngồi dưới gốc cây hạt dẻ, gục mặt vào đầu gối ông chồng để khóc nức khi người ta khiêng Đại tá Aureliano Buendía vào nhà. Ông nằm trong một cái mền cứng vì máu khô với hai mắt mở lớn giận dữ.

Ông đã thoát nguy. Viên đạn xuyên một đường đi gọn đến nỗi người y sĩ riêng của ông rút được một sợi dây thắm thuốc đỏ từ lỗ thủng ở ngực ông và rút được dây ra từ vết thủng sau lưng ông. « Đây là tuyệt tác phẩm của tôi. » người y sĩ nói bằng một giọng hài lòng. « Đây là điểm duy nhất mà một viên đạn có thể đi qua mà không làm hư hại đến một bộ phận quan trọng nào ». Đại tá Aureliano Buendía, sau khi bắn viên đạn cuối cùng, thấy mình nằm giữa bảy nữ tu từ thiện hát lên những bài kinh tuyệt vọng cầu cho linh hồn ông được yên nghỉ. Lúc đó, ông hối hận vì đã không cho nòng súng vào trong miệng để bắn xuyên lên óc như ông đã định trước nhưng ông thay đổi vào phút chót chỉ vì lời tiên đoán của Pilar Ternera. Ông không bắn vào miệng để riêu chị đàn bà này bói bài không đúng.

« Nếu tôi còn có quyền, » ông nói với người y sĩ, « Tôi cho bắn ông liền lập tức. Tôi bắn ông không phải vì ông cứu mạng tôi mà là vì ông đã làm tôi trở thành một thằng hề. »

Cái chết thất bại của ông đem lại cho ông, trong vài tiếng đồng hồ, những uy tín ông đã mất. Cũng những người đã bày đặt ra chuyện ông bán cuộc chiến này lấy một căn phòng bốn vách tường xây toàn những viên gạch bằng vàng cho rằng việc ông tự tử là một hành động danh dự và họ suy tôn ông lên như một vị thánh tử vì đạo. Sau đó, khi ông từ chối không nhận Huy Chương Bảo Quốc do Tổng Thống tặng cho ông, cả những kẻ thù ông dữ

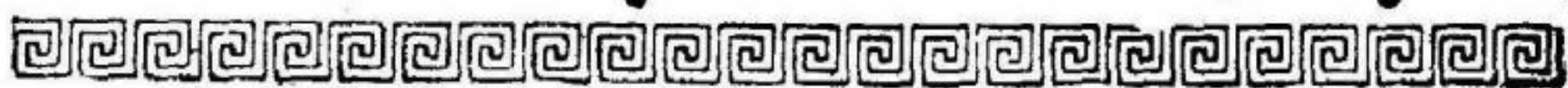
dẫn nhất cũng tới đây phòng ông đề yêu cầu ông phủ nhận hiệp ước đình chiến và phát động một cuộc chiến tranh mới. Nhà ông đầy những tặng phẩm gửi đến thay cho lời xin lỗi. Sau cùng, xúc động vì sự ủng hộ rộng lớn của những chiến hữu cũ, Đại tá Aureliano Buendía cũng không gạt bỏ hoàn toàn việc ông có thể làm họ hài lòng. Trái lại, có nhiều lúc ông tỏ ra hào hứng với ý định phát động một cuộc chiến tranh mới đến nỗi Đại tá Gerineldo Márquez nghĩ rằng ông chỉ có dịp là lại tuyên bố chiến tranh. Dịp tốt ấy đến khi ông Tổng Thống từ chối không chịu cấp hưu bổng cho tất cả các cựu quân nhân, Tự Do cũng như Bảo Thủ, trừ trường hợp từng người được một Ủy Ban Đặc Biệt cứu xét và được Quốc Hội chấp thuận. « Đây là một sỉ nhục, » Đại tá Aureliano Buendía gầm lên. « Họ sẽ chết trong già lão ngày nào cũng chờ đợi thư gửi đến. » Đây là lần thứ nhất ông chịu rời chiếc ghế bành mây bà cụ mẹ ông đem vào phòng cho ông nằm dưỡng thương, và đi đi lại lại trong phòng, ông đọc một bản điện văn lời lẽ nặng nề đề gửi cho Tổng Thống. Trong bức điện văn không bao giờ được công bố này ông tố cáo sự vi phạm đầu tiên với Hiệp ước Neerlandia và ông dọa sẽ phát động chiến tranh đến chết nếu việc trả hưu bổng cho các cựu chiến binh không được thanh toán như ý trong vòng hai tuần lễ. Lập trường của ông công chính đến nỗi ông thấy ông có quyền hy vọng cả những cựu chiến binh Bảo Thủ cũng sẽ ủng hộ ông. Nhưng lời phúc đáp duy nhất mà ông nhận được từ chánh phủ chỉ là việc đội lính gác nhà ông được tăng cường, đội lính này vẫn canh gác nhà ông với mục đích bảo vệ ông, và việc họ ngăn không cho bất cứ một ai được vào thăm ông. Biện pháp này được áp dụng với tất cả những lãnh tụ khác trên khắp nước. Chiến dịch này được chuẩn bị chu đáo, thi hành đúng và hữu hiệu đến nỗi chỉ hai tháng sau ngày ký kết đình chiến, khi Đại tá Aureliano Buendía hồi phục sức khỏe, những vị quân sư tài ba nhất của ông đều đã chết hoặc lưu vong, hoặc đã gia nhập vĩnh viễn vào guồng máy cai trị nhà nước.

Đại tá Aureliano Buendía ra khỏi phòng vào tháng Chạp. Ông chỉ cần nhìn ra vườn là đã đủ để cho ông không còn nghĩ gì đến chiến tranh. Với một sức hoạt động mà người ta ai cũng tưởng không thể có ở số tuổi đó, bà cụ Úrsula đã, thêm một lần nữa, làm tòa nhà trở lại. « Bây giờ họ sẽ biết tôi là người như thế nào »,

bà cụ nói khi biết chắc là ông con sẽ tiếp tục sống. « Trên trái đất này sẽ không còn một nhà tốt lành hơn, hiếu khách hơn nhà này. » Bà cụ cho quét vôi, sơn lại nhà, sửa lại vườn và trồng thêm hoa, mở hết cửa lớn, cửa nhỏ cho nắng mùa hạ chiếu vào tận phòng ngủ. Bà cụ tuyên bố ngừng hẳn tình trạng để tang đã kéo dài quá lâu và liên tiếp tang nọ đến tang kia trong nhà, bà bỏ bộ y phục đen ảm đạm cũ để thay bằng một bộ khác trẻ hơn. Tiếng đàn dương cầm máy lại một lần nữa làm cho tòa nhà vui vẻ, rộn rã. Khi nghe lại tiếng nhạc, Amaranta nhớ đến Pietro Crespi, những bông hoa gài trên ve áo chàng những chiều xưa, mùi nước hoa phảng phất của chàng, và từ đáy trái tim héo úa của nàng, một hận thù lạnh mạnh sống dậy, hận thù được trong sạch hóa vì thời gian. Một buổi chiều, trong lúc dọn dẹp, sắp đặt lại bàn ghế trong phòng khách, bà cụ Úrsula nhờ những người lính gác nhà làm giúp. Người sĩ quan trẻ chỉ huy nhóm binh sĩ này cho phép. Dần dần, bà cụ dùng các chú lính vào nhiều việc lặt vặt trong nhà. Bà cho họ ăn nhậu, cho họ quần áo, giày dép, dạy họ đọc, viết. Khi chánh phủ rút nhóm lính này đi, một người ở lại và trở thành gia nhân của bà cụ trong nhiều năm. Trong ngày Tết, tuyệt vọng đến điên cuồng vì bị Remedios Đẹp từ chối tình yêu, người sĩ quan trẻ tuổi chỉ huy nhóm binh sĩ gác nhà được người ta tìm thấy chết gục dưới thành cửa sổ phòng ngủ của nàng.

Hoàng Hải Thủy dịch

Sinh Hoạt Văn Nghệ



**Về buổi trình diễn của Auriol và Fauchet
ngày 18-2-1973 tại Viện Văn Hóa Pháp (IFS)**

Trở lại thủ đô Sài Gòn lần thứ nhì, cặp nhạc sĩ Adèle Auriol, vĩ cầm và Bernard Fauchet, dương cầm đã hoàn toàn chiếm được sự mến phục giới mộ nhạc ở đây.

Năm ngoái, cặp nghệ sĩ này đã trình diễn trong Tuần Lễ Âm Nhạc Thính phòng Pháp. Hôm nay, cũng sân khấu của I.F.S., chúng ta lại được thưởng thức một buổi recital kép gồm các tác phẩm của Haendel, Bach, Scarlatti, Rameau, Daquin, Ravel, Debussy, Franck, Milhaud v.v...

Mở đầu, cặp Auriol — Fauchet trình bày bài Sonate số 4 viết cho vĩ cầm và dương cầm của Haendel. Với một dáng điệu chững chạc, quý phái, cô Auriol đã đi từ nhạc đề này sang nhạc đề khác, từ hành âm đầu đến hành âm cuối một cách hết sức tự nhiên, rõ ràng và khéo léo. Có lẽ nhờ được du lịch nhiều, Haendel đã có được một nguồn cảm hứng vui tươi, một tâm hồn vươn lên đẹp đẽ, một sự quý phái và phong phú qua các tác phẩm cầm tấu của ông mà bài này là một trong những thí dụ tiêu biểu. Với một kỹ thuật thật cao, một sự lạnh lẽ của tuổi trẻ cộng thêm sự tế nhị hấp thụ từ nền văn hóa La Tinh, cô Auriol đã thành công hoàn toàn ngay từ bài thứ nhất trong phần trình diễn vĩ cầm của cô.

Tiếp sau đó, nhạc sĩ Fauchet, trong đêm thứ nhì của hai đêm trình diễn, đã thay đổi chút ít phần đầu để chơi một số tác phẩm ít quan trọng vốn viết cho đàn Clavecin của Rameau, Daquin (Le Coucou) nhưng vẫn giữ lại bài chánh là bài Jeux d'eau (1901) của Maurice Ravel. Nhạc phẩm này bắt nguồn từ câu thơ « Dieu

fluvial riant de l'eau qui le chatouille » của Régnier. Âm hưởng của nhạc Java đã xen kẽ một cách kỳ diệu với những đoạn điệu tài không có ý nghĩa rõ ràng giống như đã thấy trong các nhạc phẩm của Lizst nhưng tinh vi hơn và có hòa âm cũng phức tạp hơn. Nhạc sĩ Fauchet với một sự chính xác cao độ, một tâm hồn với những nhạc cảm cao đẹp đã tái tạo được hoàn toàn tinh thần mà Rave đã để lại qua nhạc phẩm siêu thoát này. Rõ ràng là đã có một sự thanh thoát cao đẹp tỏa rộng ra từ chiếc dương cầm đặt dưới sự điều khiển của Fauchet. Chỉ có những lúc như lúc ấy với khung cảnh và tinh thần ấy mới in sâu vào tâm hồn chúng ta vốn đã bị phiền nhiễu quá nhiều ở một thủ đô quá ồn ào như Sài Gòn thân yêu của chúng ta trong lúc này.

Sau đó, cô Auriol lại cùng với Fauchet trình diễn bài Sonate cho vĩ cầm và dương cầm (1927) của Ravel. Trong cầm tấu khúc này, M. Ravel đã kết hợp lối kiến trúc trau chuốt của thể tam tấu với nhạc thể của các người da đen theo quan niệm đặc biệt của ông. Đặc biệt, phần thứ nhì của bài này là một bài « Blues » trong đó ta nghe rõ tiếng vang của đàn banjo khô khan và kèn saxophone uốn éo.

Phần chót của bài nhắc ta nhớ lại nhiều ý nhạc của bài Tzigane mà Ravel đã sáng tác ba năm trước (1924) bài Sonate này. Cô Auriol đã dùng tất cả kỹ thuật diệu tài của mình để diễn tả những sự phong phú sáng tạo của nhà sáng tác nhạc đồng hương đến một mức độ làm ta phải kính phục mặc dầu cô hãy còn quá trẻ so với các tay vĩ cầm diệu tài tên tuổi hiện nay trên thế giới.

Trong phần thứ nhì của buổi trình diễn, Bernard Fauchet đã trở lại bên chiếc dương cầm — rất tiếc không phải Steinway mà là Yamaha — để trình bày 6 bài Préludes trong tập thứ hai của Debussy. Hai mươi bốn Préludes được chia đều thành hai tập của Debussy là một sự hiến tặng cho Chopin và cho dương cầm. Phần lớn những bài này được viết ra từ những ấn tượng trực thị như các tựa đề mà Debussy đã đặt ở cuối mỗi bài. Đó là những biểu hiện ấn tượng, ánh sáng, thần tiên, lưu loát, gọi ra những cảnh vật, những nhân vật, những trạng thái tâm hồn. Tuy nhiên, Debussy cũng đã huyền thoại hóa các ấn tượng này ít nhiều.

Nhạc sĩ Fauchet đã tái tạo lại đúng cái thế giới âm thanh thuần túy, tranh tối tranh sáng trong đó cái rõ ràng liên hợp với

cái không rõ ràng, tiêu biểu của nhạc phái ấn tượng của Debussy, Ravel.

Chót hết và có lẽ xuất sắc hơn hết, đối với Auriol-Fauchet, đã đưa khán thính giả đến một tột đỉnh khác. Đó là bài Sonate cung La trưởng cho vĩ cầm và dương cầm. Đây là một trong những nhạc phẩm thính phòng hay nhất của thế kỷ 19. César Franck đã sáng tạo bài này trong những năm cuối cùng của đời ông, một năm sau bài Variations symphoniques (1885) và ba năm trước bài Symphonie cung Ré trưởng (1889). Sonate này được tác giả đề tặng cho Eugène Ysaïe.

Ngay từ những nhịp đầu tiên của hành âm thứ nhất (Allegro ben moderato), ta đã bị bao trùm bởi một bầu không khí của một sự lãng mạn êm dịu và nhiệt thành. Sau đó, nhạc sĩ trình diễn đã dẫn dắt chúng ta đến những nhạc đề vừa nhịp nhàng vừa thánh thót đòi hỏi khắt khe một kỹ thuật cao siêu. Có lẽ đặc sắc nhất là với hành âm thứ ba (Recitativo fantasico), tiếng vĩ cầm của cô Auriol đã đưa ta vào một thế giới mơ mộng rồi dẫn đến một sự êm ái, lôi cuốn như một bài lied ngọt ngào.

Hành âm thứ tư (Allegro poco mosso) đưa ta trở lại cung La trưởng từ Sol thứ, với một nhạc đề thể rondo rất đẹp, rất linh hoạt, được nâng cao với những canons bát độ. Nét nhạc càng lúc càng mạnh dần cho đến lúc chấm dứt. Cung đàn vĩ cầm quả đã làm chủ được tình thế và kết quả hiển nhiên là tiếng vỗ tay rất lâu làm cho cặp nhạc sĩ trẻ phải trở lại trình diễn thêm một bài ngắn của Milhaud và hành âm thứ nhì trích trong Sonate thứ nhất của Kaiser.

Với một phong độ vào lúc gặp đà tiến triển mạnh nhất, cặp nhạc sĩ trên đã chinh phục được trọn tâm hồn của khán giả và chắc chắn trong tương lai gần đây danh tánh họ sẽ được xếp ngang hàng với những nhạc sĩ trẻ nổi tiếng hiện đại như Barbosa Zuckerman, Yong Uck Kim. Auriol và Fauchet đã là những sứ giả của âm nhạc, của văn hóa (Pháp) và họ sẽ chinh phục lại những tiếng tăm của những Thibaud, Neveu, Cortot đã tắt hẳn từ lâu.

(L.C.T.)

SÁCH * BỐ trong tháng

Giai phẩm **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

— **GIỌT TRĂNG**, thơ của Quách Tấn, Thi Vũ giới thiệu, nhà xuất bản Rừng Trúc, Paris 1973, sách dày 88 trang, bản giấy quý, không ghi giá.

— **NGÀN CẢNH NHỚ**, thơ Đặng Trầm Tư, sách dày 86 trang, không ghi giá.

— **GÁNH LÊN TRỜI** tập truyện của Đặng Trầm Tư, sách dày 110 trang, không ghi giá.

— **TÌNH SỬ CA**, thơ của Trần Đắc Thắng, sách dày 20 trang, in ronéo.

— **VƯỢT THOÁT**, giai phẩm mùa xuân, Cứu Việt bằng con đường văn hóa, có những bài của Thế Nguyên, Trần Hoài Thư, Phan Nhật Nam, sách dày 160 trang, giá 200đ.

— **NGÔN NGỮ**, tập san văn nghệ, hai số hai chủ đề Thơ Văn Thời

Chiến và Người Cầm Bút Trước Cơn Lốc Đời Sống, sách dày 128 trang, giá 150đ.

— **TRIẾT LÝ ĐỐI CHIẾU** của Nguyễn Đăng Thục, Trong Tủ Sách Văn Học và Triết Học Đông Tây, Nhị Khê xuất bản, sách dày 250 trang, bản đặc biệt, không đề giá.

— **BÀI KHẢO SÁT ANH VĂN TT2ABCD**, của Nguyễn Xuân Khánh và Đàm Xuân Cạn, Tự Cường xuất bản, sách dày 104 trang, giá 220đ.

— **THƠ CHO NGƯỜI TÌNH** thơ của Anh Việt Thi, Văn Hóa Thư Xã xuất bản, sách dày 54 trang, giá 200đ.

— **THAM DỰ**, giai phẩm văn học nghệ thuật chủ đề một mai khi hòa bình, sách dày 80 trang, giá 100đ.

— **THƠ VŨ TRỌNG**, thơ của Vũ Trọng Quang, sách in ronéo dày 50 trang, không ghi giá.

— **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ**, Will và Ariel Durant, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc, bìa của Đình Cường, Lá iổi xuất bản, sách dày 184 trang. Bản đặc biệt, không đề giá.

— **ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY**, Thích Huyền Quang, Thích Nhất Hạnh, Viện Hóa Đạo xuất bản, sách dày 142 trang, giá 220đ.

— GÓP NHẤT CÁT ĐÁ của Thiền Sư Muju, bản dịch Đỗ Đình Đồng, Lá Bối xuất bản, sách dày 120 trang, bản đặc biệt, không ghi giá.

HỘP THƯ

— Anh Đinh Xuân Tươi (KBC 3905) Rất cảm ơn những lời thăm hỏi của anh. Anh hiểu cho tôi như thế là quý lắm! (NXH).

— Anh Nguyễn Kim Phụng. Những bài anh gửi về cho Văn có đầy đủ, nhưng như đã có thư riêng cho anh, những kịch bản đó không thích hợp cho lúc này. Riêng bài Sai Lầm Lịch Sử mà anh đã trích trong Darkness at Noon thì nếu tôi nhớ không lầm đã được nhà xuất bản Kỷ Nguyên dịch và in thành sách. Mong anh cho những bản dịch khác của những tác giả gần đây và hiện vẫn đang còn nổi tiếng thì tốt hơn. Xin anh gửi bản đánh máy (và HAI bản cho mỗi truyện)

— Ông Chế Mỹ Dung (Phan Rang) Máy truyện ngắn của ông đã đến. Chúng tôi rất mong đọc những sáng tác khác của ông.

— Cậu Hoàng Văn Phước (Đà Nẵng) Bạn việc quá nên không biên thư riêng được. Xin cậu hiểu cho. Cảm ơn.

— Anh Nguyễn Thúc Dũng (Chợ Lầu) Anh nhận xét đúng. Cụ

Nguyễn là một nghĩa hiệp về vấn đề đó. Nhưng tình hình sách vở lúc này bê bối lắm. Tôi không tin là sẽ có kết quả tốt cho anh. Trong vòng nửa tháng, nếu không được tin riêng xin anh hiểu cho là việc không thành. Cảm ơn anh.

— Cô Kim Yến. Được chứ! Cô vẽ theo khổ của những bức vẽ ở bìa Văn. Có được nhuận bút nếu chọn đăng. Gửi cho người trông coi bản thảo bài vở.

— Ông Nguyễn Ngọc Lộ (Định Tường) Xin ông cứ gửi bài về. Bài viết trên một mặt giấy và 2 bản. Nếu đánh máy thì tốt hơn.

— Ông Trần Hữu Tường (Sài Gòn) Thành thật cảm ơn bản mục lục do ông gửi cho. Chúng tôi tin rằng độc giả Văn sẽ hoan nghênh lắm.
Giai Phạm Văn

CÁO LỖI CÙNG BẠN ĐỌC

Vì một lý do ngoài ý muốn, kỳ phát hành này (15-3-73), Giai Phạm Văn đã ra không đúng thời hạn.

Và cũng vì lý do trên mà Giai Phạm Văn trong tay bạn đọc đã mỏng hơn thường lệ một chút.

Thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc và mong được sự thông cảm.

Giai Phạm Văn

BÀI ĐƠN ĐƯỢC CHỌN ĐĂNG

Giới phàm VẤN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những số sau. Nếu sau bốn số báo mà không thấy tin trên hộp thư hay thư riêng, xin hiểu cho là bài không thể đi được.

Chúng tôi không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ « yêu cầu miễn ghi » trên đầu bản thảo.

● THƠ

N . Phiếu Du . Phù Sa Lộc .
Tranh Di Lương . Ngọc Thùy
Khánh . PTH . Huỳnh Hữu Thư .
Tạ Minh . Đinh Xuân Tươi .
Đặng Giao Thiệp . Phạm Tiên
Lương . Vũ Vốn . Lê Nguyên
Hồng Linh . Nguyễn Thanh Hiệm .
Miên Thụy Du . Lê Trần Cảnh .

Mộc Tùng . Quê Quán . Trần
Nguyên Ý Anh . Nguyễn Mạnh
Hàn . Tống Đình am . Phạm
Nguyễn Thạch . NGHQys .
Quỳnh . Thu Hiền . Trần Lan
Thụy . Nguyễn Thiên Thu . Thụy
Phương . Miên Thường Nhân .
Hoa Y Huyền . Nguyễn Tiến Cung .
Trần Văn Nghĩa . Miên Vũ Thanh .
Thiên Tử . Võ Đức Biếc . Đoàn
Cao . Du Uyên . Nguyễn Ngọc
Hoàng . Thụy Mỹ . Dương Thanh
Tùng . Thương Ái Linh . Trần
Nhật Khánh . Hải Yến Linh Thụy .
Kaka Đại Ngu . Phan Chí Trung .
Du Mục . Ngũ Chương . Trần
Duyên Hiền . Lê Đỗ Nguyên . Dã
Thú . Lê Phước Dạ Đăng . Vũ
Vốn . Nguyễn Phú Huấn . Nguyễn
Văn Thông . Võ Lăng . Mai Quế
Phương . Quỳnh Long Khánh .
Hồ Đắc Quang Hiền . Nguyễn Thi
Thanh Nguyệt . Hồ Thy Cơ . Lữ
Tình Tang . Trần Hữu Tuấn .
Tân Nhật Linh.

● VĂN

Thế Mỹ Dung . Mai Duy . Hồng
Ẩn . Phú Văn . Lưu Đình Triều .